BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

NGÀNH: Y HỌC ĐA KHOA

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 519/QĐ-YHP

Ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng)

HẢI PHÒNG - NĂM 2012

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

NGÀNH: Y HỌC ĐA KHOA

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 519/QĐ-YHP

Ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng)

HẢI PHÒNG - NĂM 2012

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 384 /QĐ-YHP	*Hải Phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt chương trình đào tạo Y đa khoa hệ chính quy (sau điều chỉnh) trình độ đại học của Trường Đại học Y Hải Phòng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư Số 08/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 17 tháng 02 năm 2011 quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy

Căn cứ Quyết định Số 378/QĐ-YHP ngày 29/9/2008 của Hiệu trưởng trường ĐH Y Hải Phòng về việc ban hành các quy định xây dựng các CTĐT bậc Đại học của trường ĐH Y Hải Phòng

Xét đề nghị của Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo Đại học

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt chương trình đào tạo ngành Y đa khoa hệ chính quy trình độ đại học (sau điều chỉnh) của Trường Đại học Y Hải Phòng

Điều 2. Chương trình này chính thức được áp dụng tại trường Đại học Y Hải Phòng từ năm học 2012-2013.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các Khoa, Bộ môn, đơn vị trực thuộc; các cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3 *(để thực hiện);*
- Lưu: VT, ĐTĐH,

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG** Số: 519/QĐ-YHP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** *Hải Phòng, ngày 06 tháng 6 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bổ sung Khung chương trình đào tạo theo niên chế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 72/YHP-QĐ ngày 26/02/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng về việc ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học theo niên chế;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 24/5/2012 của Hội đồng Khoa học – Giáo dục Trường Đại học Y Hải Phòng về việc thông qua các chương trình đào tạo theo niên chế;

Theo đề nghị của bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bổ sung Khung chương trình đào tạo theo niên chế của Trường Đại học Y Hải Phòng đối với các ngành sau:

- Bác sĩ Đa khoa hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Bác sĩ Răng hàm mặt hệ Chính quy;
- Bác sĩ Y học dự phòng hệ Chính quy;
- Dược sĩ đại học hệ Chính quy;
- Cử nhân Điều dưỡng hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học;
- Cử nhân Kỹ thuật Y học hệ Chính quy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: HC; ĐTĐH;

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Y đa khoa

Mã ngành đào tạo: 52720101

Loại hình đào tạo: Chính qui

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 519/QĐ-YHP, ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ đa khoa là đào tạo những người có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khoẻ cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra)

Về thái độ:

- Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;
- Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh;
- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học;
- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

Về kỹ năng

- Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường;
- Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa;
- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường;

- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;
- Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng;
- Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và quản lý bệnh nhân ngoại trú toàn diện, liên tục;
- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh;
- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
- Tham gia nghiên cứu khoa học
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Chức danh sau khi tốt nghiệp: Bác sĩ đa khoa

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, bác sĩ đa khoa có thể làm việc tại các bệnh viện, các cơ sở y tế, các cơ sở đào tạo y dược, các Viện nghiên cứu và các cơ quan Quản lý ngành khoa học sức khỏe, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.
- Các cơ sở điều trị: bác sĩ trực tiếp tham gia điều trị và quản lý tại các bệnh viện công lập và tư nhân.
- Các cơ sở đào tạo: giảng viên các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế, cán bộ quản lý đào tạo.
- Các viện nghiên cứu: chuyên viên trong các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe, y dược, y sinh, công nghệ y dược…
- Các cơ quan quản lý: chuyên viên các cơ quan quản lý y tế. Chuyên viên trong các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ

Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Bác sĩ nội trú.
- Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
- Bác sĩ chuyên khoa cấp II.
- Thạc sĩ Y học.
- Tiến sĩ Y học.

2. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ niên chế ", ban hành kèm theo Quyết định số 72/YHP-QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng và "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy " ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thang điểm:

Thực hiện theo "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy " ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu***: 283 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (04 đvht) và Giáo dục Quốc phòng (11 đvht).

- ***Thời gian đào tạo***: 6 năm

5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	57
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó:	
	Kiến thức cơ sở của ngành	69
	Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	125
	Kiến thức bổ trợ	17
	Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khoá luận)	15
Tổng cộng		**283**

5.3. Khung chương trình giáo dục

5.3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
	Các môn chung			
1.	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	11*	7*	4*
2.	Giáo dục thể chất*	4*	1*	3*
3.	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	3	3	0
4.	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	5	5	0
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
6.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4	4	0
7.	Ngoại ngữ 1	4	4	0
8.	Ngoại ngữ 2	4	4	0
9.	Ngoại ngữ 3	4	4	0
10.	Tin học	4	2	2
	Các môn cơ sở khối ngành			
11.	Dân số học	2	2	0
12.	Di truyền y học	4	3	1
13.	Hoá đại cương	5	4	1
14.	Lý sinh y học	4	3	1
15.	Sinh học đại cương	2	1.5	0.5
16.	Tâm lý - Đạo đức y học	4	4	0
17.	Giáo dục sức khỏe	2	2	0

18.	Xác suất thống kê y học	3	2	1

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng- an ninh*

5.3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

5.3.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành:

TT	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1.	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1
2.	Điều dưỡng cơ bản	3	2	1
3.	Dược lý	5	4	1
4.	Giải phẫu 1	4	3	1
5.	Giải phẫu 2	4	3	1
6.	Giải phẫu bệnh	4	3	1
7.	Hoá sinh	6	4	2
8.	Ký sinh trùng	4	3	1
9.	Mô học - Phôi thai học	4	3	1
10.	Sinh lý 1	3	2	1
11.	Sinh lý 2	4	3	1
12.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	5	4	1
13.	Vi sinh	4	3	1
14.	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	4	2	2
15.	Dịch tễ học	4	3	1
16.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	2	1
17.	Các chương trình y tế quốc gia	2	2	0
18.	Tổ chức và quản lý y tế	3	2	1

5.3.2.2. Kiến thức ngành:

TT	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1.	Nội cơ sở - LS	4	0	4
2.	Nội cơ sở - LT	4	4	0
3.	Nội Bệnh học 1 - LS	5	0	5
4.	Nội Bệnh học 1 - LT	4	4	0
5.	Nội Bệnh học 2 - LS	5	0	5

6.	Nội Bệnh học 2 - LT	5	5	0
7.	Ngoại cơ sở - LS	4	0	4
8.	Ngoại cơ sở - LT	4	4	0
9.	Ngoại Bệnh học 1 - LS	4	0	4
10.	Ngoại Bệnh học 1 - LT	3	3	0
11.	Ngoại Bệnh học 2 - LS	4	0	4
12.	Ngoại Bệnh học 2 - LT	4	4	0
13.	Sản cơ sở - LS	3	0	3
14.	Sản cơ sở - LT	3	3	0
15.	Sản bệnh học - LS	5	0	5
16.	Sản bệnh học - LT	4	4	0
17.	Nhi cơ sở - LS	3	0	3
18.	Nhi cơ sở - LT	3	3	0
19.	Nhi bệnh học - LS	5	0	5
20.	Nhi bệnh học - LT	4	4	0
21.	Tai mũi họng	3	2	1
22.	Răng hàm mặt	3	2	1
23.	Mắt	3	2	1
24.	Thần kinh	3	2	1
25.	Da liễu	3	2	1
26.	Lao & bệnh phổi	4	2	2
27.	Phục hồi chức năng	4	2	2
28.	Tâm thần	4	2	2
29.	Y học cổ truyền - LS	3	0	3
30.	Y học cổ truyền - LT	3	3	0
31.	Truyền nhiễm - LS	3	0	3
32.	Truyền nhiễm - LT	3	3	0
33.	Ung bướu	2	1	1
34.	Thực tập cộng đồng 1	2	0	2
35.	Thực tập cộng đồng 2	2	0	2

5.2.2.3. Kiến thức bổ trợ

TT	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT

			LT	TH
1.	Y pháp	2	1	1
2.	Phẫu thuật thực hành	2	1	1
3.	Hóa sinh lâm sàng	1	1	0
4.	Y học gia đình	2	1	1
5.	Dị ứng	2	1	1
6.	Pháp luật & Chính sách y tế	2	2	0
7.	Y học biển	3	2	1
8.	Y học quân sự	3	3	0
9.	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	15	7	8

8.Hướng dẫn thực hiện

- **Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian**

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khoa học cơ bản - Y học cơ sở - Y tế công cộng - Y học lâm sàng

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Nhà trường, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

- **Phương pháp dạy học**

Kết hợp các phương pháp giảng dạy : Thuyết giảng, thảo luận nhóm, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, thực hành, cemina.... tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong qua trình dạy và học.

- **Thực tập**

- Thực hành các môn khoa học cơ bản, y học cơ sở : tại các phòng thực hành chức năng tại các bộ môn, labo Trung tâm .
- Thực tập tiền lâm sàng : Tại trung tâm Skillab của trường
- Thực hành tại bệnh viện : Tại các cơ sở thực hành chính như : BV hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng ; BV Đại học Y Hải Phòng ; BVĐK Kiến An ; BV Phụ sản Hải Phòng ; BV Trẻ em Hải Phòng ; BV Tâm thần Hải Phòng ; BV Lao và bệnh phổi Hải Phòng ; BV Y học cổ truyền Hải Phòng ; BV Việt Nam - Thuỵ Điển Uông Bí ; BVĐK quốc tế Hải Phòng ; BV quốc tế Green ; Viện Y học biển.
- Thực tế tại cộng đồng

Sinh viên đi thực tế cộng đồng vào thời gian:

+ Đợt I: vào năm thứ tư sau khi sinh viên đã học xong các môn học y học cơ sở, y học tiền lâm sàng, cơ sở chuyên ngành.

+ Đợt II: vào cuối năm thứ sáu sau khi sinh viên đã học xong một số môn chuyên ngành.

Các cơ sở thực tế cộng đồng: BV và trung tâm y tế các huyện ở TP. Hải Phòng: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Thuỷ Nguyên, Kiến Thuỵ; Hải Dương: Nam Sách. Kim Thành.

- **Kiểm tra, thi**

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do giảng viên đánh giá. Mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài

kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra phong phú nhằm đánh giá năng lực người học.

- **Thi tốt nghiệp:**
  Thời gian ôn thi và khóa luận: theo "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy " ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.Thời gian thi: theo Quy định thực tế của nhà trường.
  Hình thức thi: có 2 hình thức: Khoá luận tốt nghiệp, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị; Thi lý thuyết, thi lâm sàng.
- **Điều kiện công nhận tốt nghiệp**
  Sinh viên tích lũy đủ các học phần trong chương trình đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng - An ninh, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà trường, thì được xét công nhận tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GDTC - GDQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 1 Thực hành: 3
- Số tiết học: 150 Lý thuyết : 15 Thực hành: 135
- Số lần thi kết thúc học phần: 3 (Lý thuyết: 0, Thực hành: 3)
- Đối tượng: Sinh viên Đại học hệ chính quy.
- Giảng viên giảng dạy:

+TS. Nguyễn Đức Nhâm

+ Ths. Nguyễn Khánh Hưng

+ Ths. Phạm Văn Thưởng

+ Ths. Hoàng Thị Bích Thủy

+ Ths. Nhữ Văn Thuấn

+ CN. Nguyễn Trần Quý

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần môn GDTC học 2 năm đầu, được thiết kế chủ yếu học thực hành dựa trên chương trình quy định của bộ GD& ĐT cũng như điều kiện cơ sở vật chất và mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là tạo ra đội ngũ cán bộ y tế có sức khỏe, có trình độ chuyên môn Y học cao.

Học môn GDTC giúp sinh viên nắm được các phương pháp tập luyện từ đó giúp sinh viên tập luyện thể thao thường xuyên liên tục để có sức khỏe tốt phục vụ học tập và công tác.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Giúp sinh viên hiểu rõ được vị trí, ý nghĩa và tác dụng của giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng nói riêng.

- Trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện các tố chất thể lực và kỹ thuật một số môn thể thao từ đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình môn thể thao phù hợp và yêu thích để tập luyện thường xuyên để có sức khỏe tốt phục vụ học tập và công tác.

- Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật và có thái độ học tập tự giác, tích cức trong tập và tập luyện thể dục thể thao.

4. NỘI DUNG:

STT	Tên Bài	Số tiết LT	Số tiết TH
	Học phần 1. Lý thuyết		
1	GDTC trong Trường Đại học và các phương pháp, nguyên tắc trong GDTC	4	
2	Kiểm tra y học thể thao	4	
3	Một số vấn đề chấn thương và bệnh lý trong hoạt động TDTT	4	
4	Các phương pháp hồi phục sức khỏe VĐV thể thao	3	
	Học phần 2. Điền Kinh		
	Chạy cự ly ngắn 100m:		
5	- Bài tập khởi động và bài tập bổ trợ .		4
6	- Kỹ thuật xuất phát, kỹ thuật chạy lao sau xuất phát		4
7	- Kỹ thuật chạy giữa quãng, kỹ thuật về đích.		4
8	- Các bài tập phát triển sức nhanh		4
9	- Hoàn thiện kỹ thuật		6
	Chạy cự ly trung bình 800m với nữ, 1500m với nam		
10	- Kỹ thuật xuất phát cao và kỹ thuật chạy giữa quãng.		4
11	- bước chạy và hít thở trong chạy cự ly trung bình.		4
12	- Kỹ thuật chạy đường thẳng, đường vòng và kỹ thuật về đích.		4
13	- Các bài tập phát triển sức bền tốc độ.		4

14	- Hoàn thiện cự ly		7
	Học phần 3: Bóng chuyền		
	Môn bóng chuyền:		
15	- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.		12
16	- Kỹ thuật đệm bóng.		12
17	- Kỹ thuật phát bóng.		12
18	- Thi đấu bóng chuyền		9
	Học phần 4 . Bóng rổ		
	Môn bóng rổ:		
19	- Kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật bắt bóng và kỹ thuật chuyền bóng.		12
20	- Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên vai		12
21	- Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai		12
22	- Thi đấu bóng rổ		9

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC:

5.1: Phương pháp dạy lý thuyết:

- Thuyết trình.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp phát vấn

5.2: Phương pháp thực hành:

+ Phương pháp trực quan.

+ Phương pháp nguyên vẹn.

+ Phương pháp phân chia hợp nhất.

+ Phương pháp chia nhóm

+ Phương pháp trò chơi, thi đấu.

6. LƯỢNG GIÁ:

- Nội dung thi kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: Không thi.

+ Thực hành: Thi thực hiện kỹ thuật động tác ngoài sân bãi:

- Học phần Điên kinh: Thi chạy ngắn 100m, chạy cự ly trung bình 800m với nữ và 1500m với nam.

- Học phần Bóng chuyền: Thi chuyền bóng, đệm bóng, và phát bóng (mỗi nội dung thực hiện 5 quả)

- Học phần Bóng rổ thi tại chỗ ném rổ một tay trên vai và tại chỗ ném rổ một tay trên cao(mỗi nội dung thực hện năm quả.)

- Điểm học phần : Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên = 30%

Điểm thi kết thúc học phần = 70%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

7.1. Tài liệu dạy học:

- Giáo trinh giảng dạy lý thuyết (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).

- Giáo trinh giảng dạy thực hành (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).

7.2: Tài liệu tham khảo

- Giáo trình giảng dạy Điền kinh cho khối các Trường ĐH&CĐ không chuyên.

- Giáo trình Bóng chuyền. Nhà XBTDTT năm 2004

- Giáo trình bóng rổ: Dùng cho sinh viên trường Đại học TDTTBắc Ninh năm 2006

- Giáo trình Y học TDTT của trường Đại học TDTT Bắc Ninh Năm 2004

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Lý thuyết: Giảng dạy tại giảng đường có trang bị máy chiếu.

- Thực hành:

+ Sân bãi: Sân Điền kinh, sân bóng chuyền, sân bóng rổ.

+ Dụng cụ: Còi, đồng hồ bấm giờ, số đeo, bóng chuyền, bóng rổ(Bóng chuyền, bóng rổ đảm bảo tối thiểu 2 sinh viên có một quả bóng.)

+ Địa điểm: Tại Trường Đại học Y Hải Phòng, Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam và Trường Cao Đẳng Hàng Hải,

Hải phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2013

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	**Phó trưởng bộ môn**
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	**Nguyễn Khánh Hưng**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THEO NIÊN CHẾ
MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Mã số: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
2. Số đơn vị học trình: 8 ĐVHT
3. Số tiết học: Lý thuyết: 120 tiết; Thực hành: 0
4. Số lần kiểm tra: 05 lần
5. Đối tượng: Sinh viên chính quy
6. Giảng viên giảng dạy:
- Ths Đào Nguyên Hùng
- Ths Hoàng Thị Minh Hường
- Ths Trịnh Thị Thủy
- Ths. Trần Thị Thanh Loan

7. Mục tiêu môn học:
- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Đường lối cách mạng Việt nam, hiểu biết được nền tảng tư tưởng của Đảng
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên
- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

8. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	*Chương mở đầu:* Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	2	0
2	*Chương I:* Chủ nghĩa duy vật biện chứng	18	0
3	*Chương II:* Phép biện chứng duy vật	15	0
4	*Chương III:* Chủ nghĩa duy vật lịch sử	10	0
5	*Chương IV:* Học thuyết giá trị	15	0

6	*Chương V:* Học thuyết giá trị thặng dư	18	0
7	*Chương VI:* CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước	12	0
8	*Chương VII:* Sứ mệnh lịch sử của GCCN và cách mạng XHCN	13	0
9	Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN	15	0
10	CNXH hiện thực và triển vọng.	2	0
	Tổng	**120**	**0**

9. Phương pháp dạy học: kết hợp phương pháp truyền thống với phương pháp giảng dạy tích cực.

10. Lượng giá:

- Kiểm tra thường xuyên: Tự luận, vấn đáp trên lớp
- Thi hết môn: Thi viết tự luận 90 phút (không sử dụng tài liệu)

11. Tài liệu học tập:

- Giáo trình môn Triết học Mác – Lênin do Bộ GDDT xuất bản
- Giáo trình môn Kinh tế chính trị do Bộ GDDT xuất bản
- Giáo trình môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin do Bộ GDDT xuất bản.

12. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Lý luận Chính trị

13. Đối tượng sinh viên học

STT	ĐỐI TƯỢNG	TÊN MÔN HỌC	TỔNG SỐ ĐVHT	LT	TH
1	BSĐK	**NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN**	8	120 Tiết	
2	BSYHDP		8	120 Tiết	
3	BSRHM		8	120 Tiết	
4	DƯỢC		8	120 Tiết	
5	ĐD CQ		8	120 Tiết	
6	KTYH		8	120 Tiết	

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 2012

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thái Thuỷ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THEO NIÊN CHẾ
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mã số: TT HỒ CHÍ MINH
2. Số đơn vị học trình: 3 ĐVHT
3. Số tiết học: Lý thuyết: 45 tiết; Thực hành: 0
4. Số lần kiểm tra: 02 lần;
5. Đối tượng: Sinh viên chính quy
6. Cán bộ giảng dạy:
- Ths Nguyễn Tiến Trưởng
- Ths Nguyễn Ngọc Mạnh

7. Mục tiêu môn học:
- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Củng cố cho sinh viên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ CHí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

8. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	*Chương mở đầu* Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0
2	*Chương I* Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh	6	0
3	*Chương II* Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	6	0
4	*Chương III* Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ	6	0

	lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		
5	*Chương IV* Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	5	0
6	*Chương V* Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	5	0
7	*Chương VI* Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân	5	0
8	*Chương VII* Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới	10	0
	TỔNG	**45**	

9. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận, Trình chiếu…

10. Lượng giá

- Tự luận 90 phút (không sử dụng tài liệu- với sinh viên chính quy)

11. Tài liệu học tập

- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Bộ GD&ĐT, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2012
- Tập bài giảng do Bộ môn biên soạn.

12. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Lý luận Chính trị

13. Đối tượng sinh viên học

STT	ĐỐI TƯỢNG	TÊN MÔN HỌC	TỔNG SỐ ĐVHT	LT	TH
1	BSĐK	**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**	3	45 Tiết	
2	BSYHDP		3	45 Tiết	
3	BSRHM		3	45 Tiết	
4	DƯỢC		3	45 Tiết	
5	ĐD CQ		3	45 Tiết	
6	KTYH		3	45 Tiết	

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 2012

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Tiến Thắng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THEO NIÊN CHẾ
MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Mã số: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Số đơn vị học trình: Lý thuyết: 4 ĐVHT
3. Số tiết học: Lý thuyết: 60 tiết; Thực hành: 0
4. Số lần kiểm tra: 03 lần
5. Đối tượng: Sinh viên chính quy
6. Cán bộ giảng dạy
- Ths Nguyễn Tiến Trưởng
- Ths Nguyễn Ngọc Mạnh

7. Mục tiêu môn học:
- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ Đổi mới.
- Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.
- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

8. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0
2	Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên	8	0
3	Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)	6	0
4	Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp	10	0

	và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975)		
5	Chương IV:Đường lối công nghiệp hóa	7	0
6	Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	7	0
7	Chương VI:Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	6	0
8	Chương VI: Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội	8	0
9	Chương VII: Đường lối đối ngoại	6	0
	TỔNG	**60**	

9. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận nhóm, Trình chiếu…

10. Lượng giá:

- Tự luận 90 phút (không sử dụng tài liệu- với sinh viên chính quy)

11. Tài liệu học tập và tham khảo:

* Tài liệu học tập

- Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ GD&ĐT, NXB Chính trị Quốc gia- Hà Nội- 2012
- Tập bài giảng do Bộ môn biên soạn.

* Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ GD&ĐT, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008
- Văn kiện Đảng toàn tập.

12. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Lý luận Chính trị

13. Đối tượng sinh viên học

STT	ĐỐI TƯỢNG	TÊN MÔN HỌC	TỔNG SỐ ĐVHT	LT	TH
1	BSĐK	**ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**	4	60 Tiết	
2	BSYHDP		4	60 Tiết	
3	BSRHM		4	60 Tiết	
4	DƯỢC		4	60 Tiết	
5	ĐD CQ		4	60 Tiết	
6	KTYH		4	60 Tiết	

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 2012

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Tiến Thuỷ

ĐH Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 09 năm 2012

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

(Hệ Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ y học dự phòng, Bác sỹ RHM – 6 năm)

MÔN HỌC: NGOẠI NGỮ 1 - Tiếng Anh 1

1. Mã số: NN1
2. Số đơn vị học trình: 04
3. Số tiết học: 60
4. Số lần kiểm tra: 03 Số chứng chỉ: 01

(01 bài kiểm tra điều kiện giữa kỳ, 01 bài kiểm tra nói cuối kỳ và 01 bài kiểm tra viết cuối kỳ)

5. Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa
6. Cán bộ tham gia giảng dạy:
   - GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
   - GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
   - GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
   - GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
   - GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
   - GV Ths. Phạm Bích Ngọc
   - GV Cn. Đỗ Phương Linh Chi
   - GV Cn. Dương Gia Đức
7. Mục tiêu môn học:
   - Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng thông thường của trình độ ngoại ngữ sau A và tương đương B1
   - Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ ở trình độ sau A và tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

8. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết
1	Unit1. Getting to know you	1. Language Focus: Tenses and Questions (p.6-8) 2. Listening and Speaking: Best friends (p.9)	4
2	Unit1. Continued	1. Reading and Speaking: A blind date (p.10-11) 2. Writing: Describing friends (p.102)	4
3	Unit1. Continued	1. Vocabulary and Pronunciation: Using a bilingual dictionary (p.12) 2. Everyday English: Social expressions 1 (p.13) 3. Further practice: Workbook (Or: Teacher's own materials)	4
4	Unit 2. The way we live	1. Language Focus: Present tenses and have/have got (p.14-16) 2. Vocabulary and speaking: Daily life (p.17)	4
5	Unit 2. Continued	1. Reading and Speaking: Tales of two cities (p.18-19) 2. Writing: An email (p.103)	4
6	Unit 2. Continued	1. Listening and speaking: A 24/7 society (p.20) 2. Everyday English: Making conversation 1 (p.21) 3. Further practice: Workbook (Or: Teacher's own materials)	4
7	Unit 3. What happened next?	1. Language Focus: Past Simple (p.22-23) 2. Language Focus: Past Simple and Continuous (p.24-25)	4
8	Unit 3. Continued	1. Listening and reading: James Bond (p.26-27) 2. Vocabulary and Speaking: Adverbs(p.28)	4
9	Unit 3. Continued	1. Everyday English: Time expressions (p.29) 2. Further practice: Workbook (Or: Teacher's own material) 3. **Midterm Test - Kiểm tra điều kiện giữa kỳ**	4
10	Unit 4. The market place	1. Language Focus: How much/ How many (p.30-32) 2. Language Focus: Articles (p.32-33)	4
11	Unit 4. Continued	1. Reading and Speaking: Markets around the world (p.34-35) 2. Writing: A postcard (p.106)	4
12	Unit 4. Continued	1. Vocabulary, Listening and Speaking: Shopping (p.36) 2. Everyday English: Prices (p.37) 3. Further practice: Workbook	4
13	Unit 5. What do you want to do?	1. Language Focus: Verb patterns (p.38) 2. Language Focus: Future intentions (p.40-41)	4

STT	Tên bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết
14	Unit 5. Continued	1. Listening and Speaking: Song - The voice within (p.41) 2. Reading and Speaking: Brat Camp (p.42-43)	4
15	Unit 5. Continued	1. Vocabulary and Speaking: -ed/-ing Adjectives (p.44) 2. Everyday English: How are you feeling? (p.45) 3. Writing: Filling in a form (p.107) 4. Further practice: Workbook	4
			60

9. Phương pháp dạy học:

_ Thuyết trình, phát vấn

_ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

_ Phấn, bảng hoặc projector (power point),

_ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

11. Lượng giá:

11.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Khảo sát trình độ ngoại ngữ đầu khóa học bằng một bài kiểm tra viết-đọc-ngữ pháp tương đương trình độ A2.

11.2. Kiểm tra - đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần):

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.

- Điểm chuyên cần: được đánh gía dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

- Bài kiểm tra giữa kỳ: được tổ chức đồng loạt cho tất cả các lớp. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi kết thúc học phần.

11.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:

_ 01 bài thi Vấn đáp hết học phần. Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.

_ 01 bài thi Viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

_ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Vấn đáp sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

12. Tài liệu học tập:

Giáo trình New Headway Pre-intermediate (The Third Edition) – Oxford University Press.

13. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ - Đại học Y Hải Phòng.

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN NGOẠI NGỮ
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

ĐH Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 09 năm 2012

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

(Hệ Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ y học dự phòng, Bác sỹ RHM – 6 năm)

MÔN HỌC: NGOẠI NGỮ 2 - Tiếng Anh 2

1. Mã số: NN2
2. Số đơn vị học trình: 04
3. Số tiết học: 60
4. Số lần kiểm tra: 03 Số chứng chỉ: 01

(01 bài kiểm tra điều kiện giữa kỳ, 01 bài kiểm tra nói cuối kỳ và 01 bài kiểm tra viết cuối kỳ)

5. Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa
6. Cán bộ tham gia giảng dạy:
   - GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
   - GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
   - GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
   - GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
   - GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
   - GV Ths. Phạm Bích Ngọc
   - GV Cn. Đỗ Phương Linh Chi
   - GV Cn. Dương Gia Đức
7. Mục tiêu môn học:
   - Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng thông thường của trình độ ngoại ngữ tương đương B
   - Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ ở trình độ tương đương B với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
   - Sinh viên bước đầu tiếp cận với Ngoại ngữ định hướng chuyên ngành Y

8. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết
1	Unit 6. Places and things	1. Language Focus: What.....like? (p.46-47) 2. Language Focus: Comparative and superlative adjectives (p.47-49)	4
2	Unit 6. Continued	1. Listening and Speaking: The best things in life are free (p.49) 2. Reading and Speaking: London - The world in one city (p.50-51)	4
3	Unit 6. Continued	1. Vocabulary and Pronunciation: Synonyms and antonyms in conversation (p.52) 2. Everyday English: A city break (p.53) 3. Writing: Describing a place (p.108)	4
4	Unit 7. Fame!	1. Language Focus: Present perfect and Past Simple (p.54-56) 2. Further practice: Workbook	4
5	Unit 7. Continued	1. Listening and Speaking: The band Goldrush (p.57) 2. Reading and Listening: Davina Moody - Drama Queen (p.58-59)	4
6	Unit 7. Continued	1. Vocabulary and speaking: Word endings (p.60) 2. Everyday English: Making conversation 2 (p.61) 3. *Introduction to English in Medicine: Asking about Health*	4
	Unit 8. Do's and don'ts	1. Language Focus: have to (p.62-63) 2. Language Focus: should/must (p.64)	4
8	Unit 8. Continued	1. Listening and speaking: Leaving home (p.65) 2. Reading and Speaking: Joys for the boys and girls (p.66-67)	4
9	Unit 8. Continued	1. Vocabulary and Pronunciation: Words that go together (p.68) 2. Everyday English: At the doctor's 3. **Midterm Test - Kiểm tra điều kiện giữa kỳ**	4
10	Unit 9. Going places	1. Language Focus: Time and Conditional Clauses (p.70-72) 2. Vocabulary and speaking: Hot verbs (p.73)	4
11	Unit 9. Continued	1. Reading and Speaking: Travel addicts (p.74-75) 2. *Introduction to English in Medicine: Parts of the body*	4
12	Unit 9. Continued	1. Listening and Speaking: Going nowhere (p.76) 2. Everyday English: Directions (p.77) 3. Further practice: Workbook	4
13	Unit 10. Things that changed the world	1. Language Focus: Passives (p.78-80) *2. Introduction to English in Medicine: Medical Personnel*	4

STT	Tên bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết
14	Unit 10. Continued	1. Vocabulary and Speaking (p.81) 2. Reading and Speaking: A discovery and an invention that changed the world (p.82-83)	4
15	Unit 10. Continued	1. Listening and and Speaking: Things that really annoy me (p.84) 2. Everyday English: Telephoning (p.85) 3. Further practice: Workbook	4
			60

9. Phương pháp dạy học:

_ Thuyết trình, phát vấn

_ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

_ Phấn, bảng hoặc projector (power point),

_ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

11. Lượng giá:

11.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

11.2. Kiểm tra - đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần):

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.

- Điểm chuyên cần: được đánh gía dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

- Bài kiểm tra giữa kỳ: được tổ chức đồng loạt cho tất cả các lớp. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi kết thúc học phần.

11.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:

_ 01 bài thi Vấn đáp hết học phần. Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.

_ 01 bài thi Viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

_ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Vấn đáp sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

12. Tài liệu học tập:

Giáo trình New Headway Pre-intermediate (The Third Edition) – Oxford University Press.

13. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ - Đại học Y Hải Phòng

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN NGOẠI NGỮ
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

ĐH Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 09 năm 2012

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

(Hệ Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ y học dự phòng, Bác sỹ RHM – 6 năm)

MÔN HỌC: NGOẠI NGỮ 3 - Tiếng Anh 3

1. Mã số: NN3
2. Số đơn vị học trình: 04
3. Số tiết học: 60
4. Số lần kiểm tra: 02 Số chứng chỉ: 01

(01 bài kiểm tra điều kiện giữa kỳ, và 01 bài kiểm tra viết cuối kỳ)

5. Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa
6. Cán bộ tham gia giảng dạy:
   - GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
   - GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
   - GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
   - GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
   - GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
   - GV Ths. Phạm Bích Ngọc
   - GV Cn. Đỗ Phương Linh Chi
   - GV Cn. Dương Gia Đức
7. Mục tiêu môn học:
   - Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
   - Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

8. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Số tiết
1	Unit 1. Shapes and Properties	4
2	Unit 2. Location	4
3	Unit 3. Structure	4
4	Unit 4. Revision A	4
5	Unit 5. Measurement	4
6	Unit 6. Function	4
7	Unit 7. Actions in sequence	4
8	Unit 8. Revision B + Midterm Test **(Bài Kiểm tra điều kiện giữa kỳ)**	4
9	Unit 9. Quantity	4
10	Unit 10. Cause and Effect	4
11	Unit 11. Proportion	4
12	Unit 12. Revision C	4
13	Unit 13. Frequency and Probability	4
14	Unit 14. Method	4
15	Unit 15. Consolidation	4
		60

9. Phương pháp dạy học:

_ Thuyết trình, phát vấn

_ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

_ Phấn, bảng hoặc projector (power point),

_ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

11. Lượng giá:

11.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

11.2. Kiểm tra - đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần):

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.

- Điểm chuyên cần: được đánh gía dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

- Bài kiểm tra giữa kỳ: được tổ chức đồng loạt cho tất cả các lớp. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi kết thúc học phần.

11.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:

_ 01 bài thi Viết: Dạng bài thi viết tự luận 90 phút

_ Điểm thi Viết là điểm thi kết thúc học phần.

12. Tài liệu học tập:

Giáo trình New Headway Pre-intermediate (The Third Edition) – Oxford University Press.

13. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ - Đại học Y Hải Phòng

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN NGOẠI NGỮ
HIỆU TRƯỞNG	Th.S. Nguyễn Thị Hiền
GS.TS. Phạm Văn Thức	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TOÁN - TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC
(Năm học 2014 – 2015)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình:	: 04	Lý thuyết: 02	Thực hành: 02
Phân bổ thời gian (tiết)	: 90	Lý thuyết: 30	Thực hành: 60

Đối tượng sinh viên: Năm thứ nhất

- Y đa khoa.
- Răng hàm mặt.

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Giáo viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hạnh Dung, Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Tin học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành, đồng thời cung cấp các kỹ năng thực hành soạn thảo văn bản Word. Ứng dụng được phần mềm Epi Info vào việc nhập dữ liệu, quản lý dữ liệu và phân tích thống kê dữ liệu.

Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có sự hỗ trợ của mmáy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan.

Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết các bài tập thực hành trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài tâp thông việc nhận xét đánh giá của giảng viên hướng dẫn thực hành.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành; Các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word.

Nắm kiến thức cơ bản về phần mềm Epi Info.

Nhập dữ liệu, mã hóa, xử lý và phân tích dữ liệu .

Biết viết báo cáo số liệu.

Tự thực hành nhập và xử lý dữ liệu theo bảng điều tra.

- Kỹ năng:

Sử dụng thành thạo máy tính, vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các bài tập thực hành; Hình thành và rèn luyện đồng thời các kỹ năng: làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, …

- Thái độ:

Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận; sáng tạo trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành,… nghiêm túc chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

- Phần Tin học đại cương: (15 tiết LT+ 30 tiết TH)

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	TH
1	**Phần 1. Đại cương về tin học** - Thông tin, mã hóa thông tin, đơn vị đo thông tin - Cấu trúc máy tính: cấu tạo và chức năng từng thành phần máy tính.	1	2
	- Quản lý thông tin trên máy tính - Hệ điều hành Windows	3	3
2	**Phần 2. Microsoft Word** 1. Tổng quan về Microsoft Word 2. Các thao các cơ bản trên Word 3. Định dạng văn bản	4	10
	4. Chèn các đối tượng vào văn bản 5. Thao tác với bảng biểu 6. In tài liệu Word 7. Một số thao tác nâng cao	4	15
Tổng cộng		**15**	**30**

- Phần Tin học ứng dung: (15 tiết LT + 30 tiết TH)

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	TH
1	Tổng quan về Epi Info	1	0
2	Tạo file cơ sở dữ liệu	2	6
3	Các lệnh cơ bản trong Epi Info	4	5
4	Các lệnh thống kê cơ bản	4	8
5	Hàm trong Epi Info	2	5
6	Chương trình trong Epi Info	2	6
Tổng cộng		**15**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: Giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, … trên cơ sở lấy người học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên là người nêu vấn đề và tổng kết.

- Thực hành: Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nêu tình huống, thảo luận cách giải quyết, sinh viên thực hiện trên máy tính dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, kỹ thuật viên.

5.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên học: lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra và thực hành tại phòng máy tính.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Giáo trình chính:

[1] Bộ môn Tin học, *Giáo trình tin học*, 2014.

6.2 Tài liệu tham khảo:

[1]. Microsoft, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2010, 2010.

[2]. Microsoft, Microsoft Word 2010 Step by Step, 2010.

[3]. Lê Cự Linh, Thống kê y tế công cộng – Phần thống kê cơ bản, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[4]. Phạm Việt Cường, Thống kê y tế công cộng – Phần phân tích số liệu, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[5]. Nguyễn Ngọc Rạng, Thiết kế nghiên cứu và thống kê y học, Nhà xuất bản Y học TP Hồ Chí Minh, 2012.

[6]. Nguyễn Văn Tuấn, *Lâm sàng thống kê -Ý nghĩa của odds ratio và relative risk*, Chương trình huấn luyện y khoa - YKHOA.NET Training, www.ykhoa.net/baigiang/lamsangthongke/lstk14_oddratio.pdf

[7]. Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Đình Nguyên, *Nguy cơ tương đối (RR)và Odds ratio (OR)*, https://tqhien.files.wordpress.com/2011/10/phan-biet-rr-va-or.ppt

[8]. https://wwwn.cdc.gov/epiinfo/html/prevVersion.htm

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu:

Vấn đáp sinh viên về kiến thức đã được học.

Kiểm tra – đánh giá quá trình:

Đánh giá nhận xét sinh viên sau các bài thực hành (mức độ hoàn thành, chất lượng, ý thức học tập…)

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Điều kiện dự thi hết học phần:
  + Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.
  + Điểm thi thực hành từ 5.0 trở lên.
- Thi kết thúc học phần: thi viết hoặc vấn đáp.
- Điểm tổng kết phọc phần được tính theo công thức: **TKHP = (LT + TH)/2**

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- 02 phòng thực hành: mỗi phòng có 30 máy tính được nối mạng Internet.
- Máy chiếu, máy in.

Hải Phòng, ngày…… tháng ….. năm 20….

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	Nguyễn Đến Thắng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN DI TRUYỀN Y HỌC
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY

1. **Mã số môn học:** Di truyền y học
2. **Số đơn vị học trình:** 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1
3. **Số tiết học:** 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30
4. **Số lần thi:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
5. **Học phần tiên quyết:** Sinh học đại cương, mô học, sinh lý, sinh hóa, miễn dịch, sinh lý bệnh
6. **Mục tiêu:**

1) Trình bày được các phương pháp nghiên cứu DT y học và ứng dụng.
2) Nêu được đặc điểm bộ gen người, bộ NST người và một số kĩ thuật di truyền ứng dụng trong y học.
3) Trình bày được các nguyên lý di truyền cơ bản chi phối các tính trạng, bệnh di truyền của người.
4) Giải thích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh một số bệnh tật di truyền ở người và nhận biết được dấu hiệu lâm sàng của một số bệnh tật di truyền ở người.
5) Chỉ định được một số xét nghiệm di truyền cần thiết.
6) Nêu được một số phương hướng điều trị, phòng bệnh di truyền ở người và tư vấn di truyền.

7. **Nội dung chi tiết**

LÝ THUYẾT

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết
1	**Phần 1: Các phương pháp nghiên cứu di truyền y học** phả hệ, nếp vân da, tế bào học, sinh đôi, di truyền học quần thể người...	3
2	**Phần 2: Bộ gen - bộ NST người và một số kỹ thuật DT y học** - Khái quát về bộ gen người. - Tiêu chuẩn xếp loại NST người. - Các phương pháp nhuộm tiêu bản NST người - Kĩ thuật di truyền ứng dụng trong y học	3

3	**Phần 3: Nhiễm sắc thể giới tính và vật thể giới tính ở người** - NST giới tính và chức năng. - Vật thể giới tính Barr, Drumstic, vật thể Y và ứng dụng.	3
4	**Phần 4:** **1. Các tính trạng và bệnh di truyền đơn gen ở người** - Phân loại bệnh rối loạn vật chất DT ở người - Bệnh di truyền gen trội, [illegible]n trên nhiễm sắc thể thường & đặc điểm. - Bệnh di truyền gen trội, l[illegible] trên nhiễm sắc thể giới tớnh & đặc điểm.	4
5	**2. Di truyền nhóm máu ở n[illegible]ời** - Di truyền nhóm máu ABO. - Di truyền nhóm máu Rh. - Di truyền nhóm máu MN... - Di truyền hệ kháng nguyên HLA.	4
6	**Phần 5: Các tính trạng và bệnh di truyền đa gen và đa nhân tố ở người và đặc điểm**	4
7	**Phần 6: Bất thường bẩm sinh** Khái niệm; nguyên nhân, cơ chế gây BTBS, các giai đoạn tác động gây BTBS	4
8	**Phần 7: Di truyền ung thư** Đặc điểm sinh học của tế bào ung thư; nguyên nhân, cơ chế và cơ sở sinh học gây ung thư.	4
9	**Phần 8: Bệnh học NST ở người** - Các bệnh lệch bội NST:Down, Patau, Turner, Klinerfelter... - Các bệnh đột biến cấu trúc NST: hội chứng "mèu kêu", Down chuyển đoạn, NST Philadelphia, Fragyl X... - Hiện tượng lưỡng giới: giả, thật ở người (tham khảo tài liệu).	6
10	**Phần 9: Đột biến gen và Di truyền bệnh phân tử ở người** - Phân loại bệnh đột biến gen - Các bệnh rối loạn phân tử Protein không là men : bệnh về hemoglobin; Bệnh về các yếu tố đông máu. - Các bệnh rối loạn phân tử Protein là men: rối loạn chuyển hoá đường; chuyển hoá a. amin; chuyển hoá Lipit.	6

	Phần 10: Phương pháp phòng và điều trị bệnh di truyền - Phương hướng điều trị bệnh DT. - Phương hướng phòng bệnh DT. - Các phương pháp sàng lọc bệnh tật di truyền và chẩn đoán trước sinh. - Tư vấn di truyền: đối tượng, các nguyên tắc thực hiện, lời khuyên DT	4
	Tổng số giờ chuẩn	**45**

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số tiết
1	Phân tích nếp vân da bàn tay. Khảo sát con sinh đôi, di truyền quần thể.	4
2	Vật thể giới – cách làm tiêu bản tế bào niêm mạc miệng để xét nghiệm vật thể Barr	4
3	Nghiên cứu di truyền đơn gen bằng phương pháp lập gia hệ	4
4	Nghiên cứu di truyền đơn gien bằng phương pháp phân tích gia hệ	4
5	Kỹ thuật làm tiêu bản phân tích bộ NST người	4
6	Phương pháp lập và phân tích bộ NST người	4
7	Quan sát và kết luận hình ảnh lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh di truyền người.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng	30

8. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

9. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
  - o Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
  - o Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời tự luận

    Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.

✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

10. Cơ sở vật chất:

✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu

✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

11. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

12. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2012), *Thực tập Di truyền Y học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Thài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2006), Thực tập Di truyền Y học, Nhà xuất bản Y học.
2. Neil A. Campbell và cs. (2008), Sinh học, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), Sinh học phân tử, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. Đái Duy Ban (1998), Công nghệ DNA trong điều trị gen các bệnh hiểm nghèo, Nhà xuất bản Y học.
5. Đái Duy Ban (2003), Sinh học phân tử của ung thư vòm họng, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
6. Lê Văn Trực (2002), Trắc nghiệm Di truyền học đại cương, Nhà xuất bản Thanh niên.
7. Nguyên nhân và phân loại tật bẩm sinh ở người (2011), Nhà xuất bản Y học.
8. Chu Văn Mẫn và cs (2002), Di truyền người, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
9. Nguyễn Viết Nhân, Hà Thị Minh Thi (2005), Di truyền Y học, Đại học Huế.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm .....

BAN GIÁM HIỆU	Trưởng bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

TRƯỜNG ĐH Y HP
KHOA Y TẾ CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DÂN SỐ HỌC
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA; RĂNG HÀM MẶT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ đa khoa năm 1; Răng hàm mặt năm 1
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y Tế Công Cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Dân số học là môn khoa học về dân số. Nghiên cứu DSH giúp cho người học nắm được một hệ thống kiến thức về dân số, những quá trình DSH, những lý thuyết về dân số và những lãnh vực ứng dụng.

Học phần này giới thiệu những khái niệm căn bản nhằm giúp người học có thể phân tích được các xu hướng biến động của các thành phần chính của dân số là sinh, chết, di dân và cơ cấu dân số.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về dân số (quy mô, cơ cấu, mức sinh, mức chết) và các yếu tố ảnh hưởng.
2. Phân tích được sự tác động qua lại giữa dân số và kinh tế, giáo dục, môi trường.
3. Trình bày được các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết		Người giảng
		LT	TH	
1.	Nhập môn Dân số học-Quy mô cơ cấu dân số	4	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
2.	Nguồn số liệu dân số	2	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
3.	Mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng	4	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
4.	Mức chết và các yếu tố ảnh hưởng	4	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà

5.	Di dân và đô thị hóa	3	0	BSCKII. Nguyễn Bá Dụng
6.	Dân số và phát triển kinh tế	3	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Dân số và giáo dục	2	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
8.	Dân số và môi trường	2	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
9.	Chính sách dân số	4	0	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng
10.	Dự báo dân số	2	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
	TỔNG SỐ	**30**	**0**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

Trần Chí Liêm, *Dân số học,* Hà nội, Nhà xuất bản Y học, 2009.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2012

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA HỌC **ĐỀ CƯƠNG MÔN HOÁ HỌC**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN: HOÁ ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ (HÓA 1)

ĐỐI TƯỢNG Y1: BS ĐA KHOA

1. Mã số môn học: Hóa Đại cương
2. Số đơn vị học trình: 3 đvht; Lý thuyết: 2; thực hành: 1
3. Số tiết học: 45 Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 15 tiết
4. Số lần thi: 1 Số chứng chỉ: 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa học để có khả năng:
   1. Trình bày được cấu tạo hoá học của các hệ vật chất
   2. Giải thích được cơ chế, điều kiện phản ứng nhờ áp dụng các định luật của quá trình hóa học.
   3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá đại cương trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên chương – Bài học	Số tiết	Số tiết lý thực hành
1	Cấu tạo nguyên tử	4	
2	Cấu tạo phân tử, Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố	4	
3	Nhiệt động hóa học	4	4
4	Động hóa học	4	4
5	Dung dịch	12	7
6	Kim loại, phi kim	2	
	Cộng	**30**	

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm.

Thực hành: - bắt tay chỉ việc, kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Lượng giá:

- Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

9. Tài liệu học tập:

Hóa Đại cương , ĐH Y Hà Nội

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá học - ĐHYHP

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- TS Vũ thị Kim Loan
- ThS Bùi Ngọc Tân
- TS Nguyễn Văn Dưỡng
- Th.S Nguyễn Thị Hương
- Th.S Ngô Thanh Hường
- Th.S Nguyễn Thị Cúc

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu	Trưởng Bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Vũ T. Kim Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA HỌC

ĐỀ CƯƠNG MÔN HOÁ HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN: HOÁ ĐẠI CƯƠNG HỮU CƠ (HÓA 2)

ĐỐI TƯỢNG Y1: ĐA KHOA

1. Mã số môn học: Hóa Đại cương
2. Số đơn vị học trình: 2 đvht; Lý thuyết: 2; thực hành: 0
3. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 tiết; thực hành: 0 tiết
4. Số lần thi: 1 Số chứng chỉ: 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn học, yêu cầu học viên phải có những kiến thức cơ bản về hóa học để có khả năng:
   1. Trình bày được cấu tạo hoá học của các hệ vật chất
   2. Giải thích được cơ chế, điều kiện phản ứng nhờ áp dụng các định luật của quá trình hóa học.
   3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá đại cương trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học.
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên chương – Bài học	Số tiết lý thuyết	Số tiết lý thực hành
1	Hữu cơ (đại cương)	2	
2	Các hiệu ứng trong hóa hưuc cơ	2	
3	Cách gọi tên chất hữu cơ	2	
4	Hydrocacbon	4	
5	Alcol, Phenol	4	
6	Andehyd, Ceton, glucid	2	
7	Acid carboxylic, Ester	4	
8	Amin, Aminoacid	4	
9	Hợp chất dị vòng	2	

10	Cao phân tử	4	
	Cộng	**30**	

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm.

Thực hành: - bắt tay chỉ việc, kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Lượng giá:

- Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

9. Tài liệu học tập:

Hóa Đại cương , ĐH Y Hà Nội

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá học - ĐHYHP

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- TS Vũ thị Kim Loan
- ThS Bùi Ngọc Tân
- TS Nguyễn Văn Dưỡng
- Th.S Nguyễn Thị Hương
- Th.S Ngô Thanh Hường
- Th.S Nguyễn Thị Cúc

11. Cơ sở vật chất: Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

Trưởng Bộ môn

Vũ Thị Kim Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TOÁN TIN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Học phần: Xác suất thống kê Y học

Đối tượng: Bác sĩ đa khoa K34, Bác sĩ răng hàm mặt K4, Bác sĩ y học dự phòng K6

Năm học: 2012 – 2013

1. **Mã số:**
2. **Số đơn vị học trình:** **3** **Lý thuyết: 2** **Thực hành: 1**
3. **Số tiết học:** **60** **Lý thuyết: 30** **Thực hành: 30**
4. **Số lần kiểm tra:** **2**
5. **Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:**

   Bộ môn Toán Tin học – Đại học Y Hải Phòng.
6. **Cán bộ giảng dạy:**
   - ThS. Nguyễn Tiến Thắng
   - ThS. Đào Thu Hằng
   - CN. Nguyễn Ngọc Tú
7. **Mục tiêu môn học:**
   1. Nhận thức được vai trò của xác suất thống kê trong việc đánh giá khách quan các kết quả thực nghiệm.
   2. Áp dụng được các phương pháp thống kê cơ bản trong việc xử lý các kết quả thực nghiệm, xử lý dữ liệu thu thập trong các đề tài NCKH.
   3. Rèn luyện khả năng tư duy logic cho học viên.
8. **Nội dung:**

STT	Tên bài	Số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Hiện tượng ngẫu nhiên và xác suất của hiện tượng ngẫu nhiên: phép thử ngẫu nhiên, không gian mẫu, hiện tượng ngẫu nhiên, mối quan hệ giữa các hiện tượng ngẫu nhiên, định nghĩa xác suất (định nghĩa cổ điển, định nghĩa theo tần suất, định nghĩa theo hình học), tính chất của xác suất.	4	2

2	Các công thức xác suất: công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ và Bayes, công thức Bernoulli. Các tham số xét nghiệm: xác suất chẩn đoán đúng, giá trị của dương tính, giá trị của âm tính, độ nhạy, độ đặc hiệu.	4	2
3	Đại lượng ngẫu nhiên: định nghĩa, phân loại, bảng phân bố xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.	5	2
4	Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Định lý giới hạn và ứng dụng (tính gần đúng các xác suất liên quan đến phân phối nhị thức).	4	2
5	Mẫu và các đặc trưng mẫu: mẫu, các cách chọn mẫu, các đặc trưng mẫu, các phương pháp trình bày mẫu.	3	4
6	Ước lượng tham số: ước lượng điểm (định nghĩa ước lượng điểm, ước lượng không chệch, ước lượng vững, ước lượng hiệu quả; ước lượng điểm cho kỳ vọng, phương sai và xác suất), ước lượng khoảng (định nghĩa khoảng tin cậy; ước lượng khoảng cho kỳ vọng, phương sai và xác suất; độ chính xác của ước lượng và cỡ mẫu cần thiết).	4	4
7	Kiểm định giả thiết thống kê: nguyên lý chung, kiểm định giả thiết về giá trị trung bình, kiểm định giả thiết về tỷ lệ, so sánh hai trung bình, so sánh hai tỷ lệ, so sánh nhiều tỷ lệ và kiểm định giả thiết về tính độc lập. Các chỉ số: nguy cơ tương đối, tỷ suất chênh.	4	9
8	Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến: hệ số tương quan mẫu, kiểm định sự tương quan, phương trình hồi quy tuyến tính.	2	4
9	Thi thực hành		1
TỔNG		**30**	**30**

9. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Phương pháp thuyết trình, vấn đáp.
- Thực hành: GV hướng dẫn SV tự làm.

10. Lượng giá:

- Thi thực hành: 1 bài tự luận 45 phút (hệ số 1).
- Thi hết môn: 1 bài tự luận 60-90 phút (hệ số 2).

11. Tài liệu học tập:

1. *Giáo trình Thống kê Y học,* Bộ môn Toán Tin học - Đại học Y Hải Phòng, 2012.
2. *Bài tập Xác suất thống kê Y Dược,* Bộ môn Toán Tin học - Đại học Y Hải Phòng, 2012.

12. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Đức Hậu, *Xác suất thống kê,* NXB Giáo dục, 2010.
2. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
3. Đặng Hùng Thắng, *Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng,* NXB Giáo dục, 2009.
4. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng,* NXB Giáo dục, 2009.

13. Cơ sở vật chất: Giảng đường có bảng, phấn; đảm bảo đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phù hợp với số lượng học viên.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	**ThS. Nguyễn Tiến Thắng**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
LÝ SINH Y HỌC

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA

I. Thông tin về môn học

1. Mã số:
2. Số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1
3. Số tiết học: Lý thuyết: 45 Thực hành : 30
4. Số lần kiểm tra: 3 Số chứng chỉ:
5. Mô tả về môn học

Môn học Y Vật lý – Lý sinh bao gồm 1 đơn vị học trình lý thuyết và không có đơn vị học trình thực hành.Trong đó:

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường với hình thức thuyết trình có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết kiến thức trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài thực hành thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,...).

6. Mục tiêu môn học:

6.1.Phân tích được một số hiện tượng vật lý và hóa lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống.

6.2. Vận dụng các định luật vật lý và hóa lý để giải thích các quá trình hóa lý xảy ra trong cơ thể sống

6.3. Trình bày được cơ chế tác dụng và hậu quả của các tác nhân vật lý lên cơ thể sống

6.4. Trình bày được một số kiến thức y vật lý cơ bản và những ứng dụng của nó trong chẩn đoán, thăm dò chức năng và điều trị.

6.5 Thực hiện được một số phương pháp đo lường trong vật lý – lý sinh tại phòng thực tập.

6.6.Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác và khoa học trong học tập.

7. Thông tin giảng viên:

- Th.S Nguyễn Phú Nghĩa
- Th.S Phạm Thị Vân
- Th.S Nguyễn Thị Hiền
- Th.S Hà Minh Tâm
- Th.S Mai Thị Là

- Th.S Đào Việt Phương

II. Nội dung môn học:

STT	Tên bài học	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Nhiệt độ và nhiệt lượng	2	
2	Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học	4	
3	Nguyên lý thứ hai nhiệt động học	3	
4	Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sống	2	
5	Sự vận chuyển máu trong cơ thể	3	
6	Sự vận chuyển khí trong cơ thể	3	
7	Các loại điện thế sinh vật	2	
8	Ghi điện sinh học	3	
9	Tác dụng sinh vật của dòng điện và ứng dụng trong điều trị	2	
10	Bản chất vật lý của âm và siêu âm	2	
11	Ứng dụng của âm và siêu âm trong y học	2	
12	Các định luật cơ bản về ánh sáng. Mắt và dụng cụ bổ trợ	3	
13	Bản chất của ánh sáng.Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống	4	
14	Ứng dụng của Laser trong y hoc	2	
15	Cấu tạo nguyên tử và hạt nhân nguyên tử. Các loại tia phóng xạ	2	
16	Tương tác của bức xạ ion hóa với vật chất	2	
17	Tác dụng sinh vật của bức xạ ion hóa	2	
18	Ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt nhân vào y sinh học	2	
19	Tính thấm màng tế bào da ếch		4
20	Ảnh hưởng của các ion K, Zn lên hoạt động của bó xoang		4
21	Đo nhiệt dung riêng của chất lỏng		2
22	Kỹ thuật ghi đo điện tâm đồ		4
23	Tác dụng của dòng điện một chiều và phương pháp điện châm .		
24	Xác định thị trường của mắt		4
25	Đo ngưỡng nghe		4
26	Chẩn đoán hình ảnh bằng siêu âm		4
27	Đo gia tốc trọng trường bằng con lắc vật lý		4
	Tổng số	45	30

III. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình, trình chiếu
- Thảo luận
- Hoạt động theo nhóm

- Thực hành, thực tập, thí nghiệm

IV.Lượng giá:

1 Kiểm tra, đánh giá ban đầu: Giảng viên thăm hỏi sinh viên bằng những câu hỏi nhỏ.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình:

- *Chuyên cần:* sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bộ môn đầy đủ, tích cực.

- *Kiểm tra thường xuyên:* sinh viên hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên đã giao.

3 Kiểm tra, đánh giá kết thúc môn học:

-Dựa trên kết quả thi kết thúc môn học: tự luận

(ĐG ban đầu và ĐG quá trình là điều kiện thi kết thúc môn học)

V. Tài liệu học tập:

Bài giảng lý sinh do bộ môn soạn

Bài thực hành do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo:

Lý sinh Y học – Trường đại học Y Hà Nội 1998, 2005, 2015

Vật lý đại cương - Trường đại học Dược Hà Nội 2008

Lý sinh cử nhân điều dưỡng - Phan Sỹ An, 2012

VI.Cơ sở vật chất:

1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

2. Học phần thực hành: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU	**TRƯỞNG BỘ MÔN**
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. *Phạm Văn Chức*	**Th.S Nguyễn Phú Nghĩa**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY

1. **Mã số môn học:** Sinh học đại cương
2. **Số đơn vị học trình:** 2 Lý thuyết: 1,5 Thực hành: 0,5
3. **Số tiết học: 42** Lý thuyết: 24 Thực hành: 18
4. **Số lần thi: 2** Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
5. **Mục tiêu:**
   1) Trình bày được cấu trúc, chức năng của tế bào và các hoạt động sống cơ bản của cơ thể sống.
   2) Trình bày được cơ sở di truyền trong tế bào và các qui luật di truyền cơ bản ở sinh vật.
   3) Trình bày được quá trình phát triển cá thể ở động vật.
   4) Trình bày được phân loại đột biến và cơ chế phát sinh đột biến.
6. **Nội dung chi tiết**

LÝ THUYẾT

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
1	**Sinh học tế bào** - Các phương pháp nghiên cứu tế bào. - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào. - Sự vận chuyển vất chất qua màng tế bào. - Sự vận động của tế bào.	5 tiết
2	**Di truyền học** **I. Cơ sở vật chất di truyền:** ADN, ARN, tổng hợp Protein và cơ chế điều hoà hoạt động của gen. **II. Các có chế di truyền cơ bản ở sinh vật:** di truyền đơn gen, đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính.	5 tiết
3	**Sinh học phát triển các thể:** - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người. - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể.	7 tiết

	- Sự tái sinh ở sinh vật.	
4	**<u>Đột biến:</u>** - Phân loại đột biến. - Cơ chế đột biến đa bội , lệch bội. - Cơ chế đột biến cấu trúc NST. - Đột biến gen.	**7 tiết**
	Tổng số giờ:	**24 tiết**

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số tiết
1	Sử dụng kính hiển vi quang học – hình dạng tế bào	4
2	Trao đổi chất qua màng tế bào ,sự vận động của tế bào	4
3	Phân bào nguyên nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
4	Phân bào giảm nhiễm– các tế bào sinh dục - sự phát triển phôi.	4
5	Ôn tập	2
	Tổng số	**18**

7. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

8. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
  - o Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.

- Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời câu hỏi trắc nghiệm
  Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.

✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

9. Cơ sở vật chất:

✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu

✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

10. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

11. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2012), *Thực tập Sinh học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Tài liệu tham khảo:

1. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. Ngô Giang Liên (1993), *Thực tập Tế bào học,* Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
6. Trịnh Văn Bảo và cs. (2005), *Thực tập Sinh học*, Nhà xuất bản Y học.
7. Đỗ Kính (2008), *Phôi thai học: thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 201

BAN GIÁM HIỆU

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG
HỌC PHẦN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC
Đối tượng: Y đa khoa

1. Mã số môn học: Tâm lý- Đạo đức y học
2. Số đơn vị học trình: 4 đvht; Lý thuyết: 4; thực hành: 0
3. Số tiết học: Lý thuyết: 60 tiết; thực hành: 0 tiết
4. Số lần thi: 1 Số chứng chỉ: 1
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn tâm lý đạo đức, yêu cầu sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về tâm lý đạo đức để có khả năng:
   1. Một số vấn đề cơ bản của đạo đức học.
   2. Các nguyên tắc cơ bản của y đức
   3. Y đức trong các mối quan hệ đồng nghiệp, cộng đồng, bệnh nhân và sinh viên và trong nghiên cứu y sinh học
   4. Trình bày được các diễn biến chính về tâm lý người bệnh đến khám bệnh và nằm viện
   5. Trình bày được giao tiếp nói chung và giao tiếp trong nghề y.
   6. Chẩn đoán được tâm lý lứa tuổi và trình bày được liệu pháp tâm lý
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
	HỌC PHẦN I: TÂM LÝ HỌC		
1	Tâm lý học nhân cách	03	0
2	Gia đình – xã hội – stress tâm lý	03	0
3	Stress tâm lý - tâm lý lứa tuổi	03	0
4	Chẩn đoán tâm lý	03	0
5	Liệu pháp tâm lý	03	0
6	Tâm lý học y học	02	0
7	Tâm lý bệnh nhân đến khám bệnh	03	0
8	Tâm lý bệnh nhân nằm trong bệnh viện	03	0
9	Tâm lý thầy thuốc	03	0
10	Giao tiếp, giao tiếp trong y học	04	0
	Cộng	**30**	**0**

HỌC PHẦN 2: ĐẠO ĐỨC HỌC			
1	Lịch sử phát triển và các tấm gương đạo đức y học thế giới và Việt Nam	4	0
2	Một số vấn đề cơ bản về đạo đức học	8	0
3	Các nguyên tắc đạo đức y học	4	0
4	Quan hệ giữa bệnh nhân và thầy thuốc	4	0
5	Quan hệ giữa thầy thuốc với đồng nghiệp và với cộng đồng	4	0
6	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	4	0
7	Thảo luận các tình huống lâm sàng	2	
	Cộng	**30**	**0**

7. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

8. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên
- Kiểm tra – đánh giá trong quá trình: Theo dõi sĩ số, thái độ học tập
- Kiểm tra - đánh giá kết thúc học phần : Thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm
- Kiểm tra - Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình được dùng làm điều kiện thi kết thúc học phần. Sinh viên không tham gia học tập tích cực, tham gia không đủ số buổi theo quy định sẽ bị cấm thi.

9. Tài liệu học tập:

- Bài giảng Đạo đức y học- Đại học Y Dược Hải Phòng. Nhà xuất bản Y học 2014
- Tâm lý học y học- Nguyễn Văn Nhận – NXB y học 2006
- Bài giảng Tâm lý đạo đức y học do bộ môn biên soạn

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Đạo đức y học và y học gia đình- ĐHY HP

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT **TM.Bộ môn**

ThS.Phùng Chí Thiện

TRƯỜNG ĐH Y HP
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA; RĂNG HÀM MẶT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: Bác sỹ đa khoa (6 năm) năm 4; BS Răng hàm mặt năm 4.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về truyền thông – giáo dục sức khỏe. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Phân tích được yếu tố ảnh hưởng và các bước của quá trình thay đổi hành vi sức khỏe
2. Mô tả được mục đích, vị trí, vai trò và nguyên tắc của truyền thông giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày được các bước trong lập kế hoạch và các nguyên tắc chính để lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe.
4. Trình bày được cách tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết		Người giảng
		LT	TH	
1.	Khái niệm, vị trí, vai trò của TT-GDSK và nâng cao sức khỏe	4	0	Ths. Trần Thị Bích Hồi
2.	Hành vi sức khỏe & quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4	0	Ths. Trần Thị Bích Hồi

3.	Một số nguyên tắc trong TT-GDSK	4	0	Ths. Phạm Minh Tâm
4.	Nội dung TT-GDSK	4		Ths. Trần Thị Thúy Hà
5.	Các phương pháp và phương tiện truyền thông GDSK	4	0	Ths. Phạm Minh Tâm
6.	Kỹ năng truyền thông GDSK	4	0	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Lập kế hoạch truyền thông GDSK và quản lý hoạt động GDSK	6	0	Ths. Trần Thị Bích Hồi
	TỔNG SỐ	**30**	**0**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2007), Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
- Đàm Khải Hoàn (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2012

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY

A. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số ĐVHT: 3	Lý thuyết: 2	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60	Lý thuyết:30	Thực hành:30
Số lần thi: 2	Số chứng chỉ: 1	

B. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Vai trò

- Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các biểu hiện hình ảnh trong bệnh lý các cơ quan, bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng đến các phương pháp hiện đại.

3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thứ về:
- Triệu chứng học về hình ảnh của các cơ quan như phổi, tim mạch, xương, tiêu hóa, tiết niệu…
- Những hình ảnh của các cơ quan, hệ thống của cơ thể trong một số bệnh thường gặp.
- Kỹ năng phân tích và đọc được một số phim thông thường như viêm phổi, u phổi, sỏi tiết niệu.

5. Nội dung - phương pháp học của sinh viên

- Sinh viên quan sát, thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận….

C. NỘI DUNG

TT	Tên bài giảng/ Chủ đề	Thời gian		
		TS	LT	TH
1	Chẩn đoán hình ảnh tim phổi	13	7	6
2	Chẩn đoán hình ảnh gan mật tụy	12	6	6
3	Chẩn đoán hình ảnh ống tiêu hóa - cấp cứu bụng	13	7	6
4	Chẩn đoán hình ảnh hệ tiết niệu	11	5	6
5	Chẩn đoán hình ảnh hệ vận động	11	5	6
	Tổng số	60	30	30

D. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001
- Chẩn đoán hình ảnh: dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa / Ch.b. Nguyễn Duy Huề. - H. : Y học, 2010

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: điểm danh
- Thi thực hành:
  + Lượng giá sau khi kết thúc chương trình thực hành bằng cách cho đọc phim, xem trên Powerpoint và cho điểm. Thời gian kiểm tra 15 phút
  + Đây là điều kiện để thi lý thuyết
- Thi kết thúc học phần: Thi tự luận thời gian 60 phút

Điểm thi thực hành: Điểm kiểm tra đọc phim trên máy chiếu cuối học phần.
Điểm thi lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần.
Điểm môn học:

ĐMH = Điểm thi lý thuyết

G. CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

1. BSCKII. Mai Văn Nam
2. ThS. Nguyễn Xuân Hiền
3. ThS. Bùi Hoàng Tú
4. ThS. Phạm Quốc Thành

G. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Lý thuyết: Giảng đường, bảng, máy chiếu, micro, loa đài.
2. Thực hành: Phòng thực tập, đèn đọc phim, bộ phim tài liệu

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

Bùi Hoàng Tú

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Khoa Điều dưỡng
Bộ môn Điều dưỡng cơ bản

Đối tượng: BS Đa khoa
YHDP, RHM
Năm học 2014 - 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Môn học: Điều dưỡng cơ bản

Mã số:	16.01		
Số đơn vị học trình:	03	LT: 02	TH: 01
Số tiết học:		LT: 30	TH: 30
Số lần kiểm tra:	02	LT: 01	TH: 01
Chứng chỉ:	01		

MỤC TIÊU MÔN HỌC:

1. Biết được tầm quan trọng và nội dung cơ bản của công tác điều dưỡng
2. Làm được một số kỹ thuật cơ bản thông thường về theo dõi và chăm sóc bệnh nhân.
3. Làm được một số kỹ thuật cơ bản thông thường để chẩn đoán và điều trị bệnh nhân.

NỘI DUNG:

STT	TÊN BÀI HỌC	TIẾT GIẢNG		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1.	Giới thiệu về điều dưỡng, quy trình điều dưỡng	2	0	2
2.	Tâm lý người bệnh và hoạt động chăm sóc của điều dưỡng viên.	2	0	2
3.	Vệ sinh khoa phòng bệnh viện.	2	0	2
4.	Một số kỹ thuật cơ bản thông thường trong chăm sóc bệnh nhân	2	1	3

5.	Chăm sóc người bệnh trước và sau mổ.	2	0	2
6.	Theo dõi người bệnh nằm điều trị tại bệnh viện.	2	2	4
7.	Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.	1	1	1
8.	Tiêm thuốc.	3	10	13
9.	Truyền dịch, truyền máu.	2	2	4
10.	Rửa dạ dày, hút dịch dạ dày, cho ăn bằng ống sonde, hút dịch tá tràng, thụt đại tràng.	4	4	8
11.	Thông tiểu.	1	2	3
13.	Băng vết thương, thay băng, cắt chỉ.	2	2	4
14.	Vận chuyển người bệnh.	1	2	3
15.	Các biện pháp hồi sức đơn giản ban đầu.	2	2	4
16.	Liệu pháp Oxy, hút đờm dãi	2	2	4
	Tổng số tiết giảng	**30**	**30**	**60**
	Số ĐVHT	**2**	**1**	**3**

Phương pháp dạy học:

*** Lý thuyết :** Tổ chức dạy học tại trường :

- Thuyết trình
- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực :
  + Thảo luận nhóm
  + Đóng vai
  + Nghiên cứu tình huống

*** Thực hành :** Tại các phòng tiền lâm sàng :

+ Giải thích, minh hoạ, mô phỏng, làm mẫu, xem băng video...
+ Đóng vai

Phương pháp đánh giá:

*** Lý thuyết :**

- Định kỳ

+ Số điểm kiểm tra : 1 bài kiểm tra 45 phút, là điều kiện dự thi hết môn học/học phần.

+ Hình thức thi : Thi viết

+ Phương pháp : Câu hỏi cổ điển cải tiến, trắc nghiệm khách quan.

- Hết môn học/học phần : Điểm thi lý thuyết là điểm kết thức môn học/học phần

+ Hình thức thi : Thi viết

+ Phương pháp : Câu hỏi cổ điển cải tiến, trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian : 60 phút

*** Thực hành :**

+ Hình thức thi : Thi chạy trạm

+ Phương pháp : Sử dụng bảng kiểm (thang điểm 2 – 1 – 0)

Tài liệu giảng dạy

Giáo trình Điều dưỡng cơ cở do Bộ môn biên soạn.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2012), Điều dưỡng cơ bản I, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2012), Điều dưỡng cơ bản II, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Potter – Perry (2004), Fundamental of Nursing, 5th edition, Mosby.
- Jarvis (2004), Physical Examination and Health Assessment, 3rd edition, Saunders.
- Barbara Kozier, Glennora Erb (2008), Fundamental of Nursing, Pearson Education.

Chịu trách nhiệm giảng dạy: (Có danh sách kèm theo)

Ban Giám hiệu	Phụ trách khoa	Trưởng Bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	GS.TS. Phạm Văn Thức	ThS. Lê Thị Nhung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC LÝ

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số ĐVHT: 5 Lý thuyết: 4 Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 90 Lý thuyết: 60 Thực hành: 30

Đối tượng sinh viên: Bác sỹ đa khoa, Bác sĩ RHM

Học phần tiên quyết: sinh học, giải phẫu, mô học, sinh lý, sinh hoá, ký sinh trùng, vi sinh

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: sinh lý bệnh, miễn dịch, giải phẫu bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	ThS. BS Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Dược lý
3	BS Nguyễn Thị Thu Phương	Bộ môn Dược lý
4	Ths. BS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược lý.

- Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý đại cương, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của thuốc…
- Chương trình thực hành đề cập đến một số thực nghiệm trên động vật, hướng dẫn sử dụng các dạng bào chế thường gặp, hướng dẫn cách kê đơn an toàn và hợp lý. Giúp cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc trong cộng đồng được an toàn và hợp lý.

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong phần này sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

3.1. Kiến thức

- Trình bày và giải thích được dược động học, cơ chế tác dụng, tác dụng, áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm
- Phân tích được tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí

3.2. Kỹ năng:

- Kê được các đơn thuốc đúng quy tắc, đúng chuyên môn, đúng pháp lý.

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của người thầy thuốc trong việc kê đơn

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
1	Dược lý đại cương (cơ bản)	08
2	Thuốc tác dụng trên TKTV	06
3	Thuốc điều chỉnh rối loạn tiêu hoá, hô hấp Thuốc kháng Histamin H1	05
4	Hormon: thuốc điều trị tăng đường huyết, thuốc chống thụ thai, corticoid	04
5	Điều trị ngộ độc thuốc cấp tính Thuốc ngủ	02
6	Thuốc tác dụng trên tim mạch	06
7	Thuốc tẩy giun sán, amip, thuốc chữa SR	04
8	Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu	02
9	Thuốc KS (4 tiết), thuốc chống lao (1 tiết) Thuốc sát khuẩn (1 tiết)	04
10	Vitamin, Thuốc chữa thiếu máu	04
11	Thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm phi steroid Thuốc điều trị Goute	03
12	Thuốc mê, thuốc tê Thuốc giảm đau loại Morphin	04
13	Dược lý tâm thần, thuốc an thần và chữa trầm cảm	04
14	Thuốc chữa động kinh và Parkinson	02
15	Thuốc chữa ung thư và ức chế miễn dịch	02
	Tổng	**60**

4.2. Thực hành

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
1	- Phổ biến quy chế , nội quy phòng thực tập, quy chế thi thực tập - Quy chế kê đơn thuốc và quy định về nhãn thuốc -Thực nghiệm: Định khu tác dụng của Strychnin Tác dụng của rượu trên thân nhiệt	05
2	- Dạng bào chế chính: thuốc uống dạng lỏng -Thực nghiệm: Tác dụng đối lập của Ether và Strychnin	04

	Tác dụng của Morphin và Cafein trên hô hấp	
3	-Dạng bào chế chính: thuốc dạng rắn -Thực nghiệm: Tác dụng của Acetylcholin, Atropin, Adrenalin trên huyết áp chó - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04
4	-Dạng bào chế chính: thuốc tiêm và dịch truyền -Thực nghiệm: Tác dụng của Nicotin và Spartein trên huyết áp chó - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04
5	- Dạng bào chế chính: các dạng bào chế còn lại. - Thực nghiệm: Tác dụng của Digital trên tim ếch tại chỗ Tác dụng của Cloralhydrat và Cafein trên thần kinh trung ương - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04
6	-Thực nghiệm: Tác dụng của Magiesulfat trên nhu động ruột Tác dụng của Magiesulfat và Canxiclorua trên trương lực cơ - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04
7	- Ôn tập: nội dung đã học và các dạng bào chế - Giải đáp thắc mắc	05
	Tổng	**30**

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1.Phương pháp dạy:

- Lý thuyết : thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành : thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành thực nghiệm.

5.2.Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.
- Giờ thực tập: sinh viên được làm hoặc quan sát thực nghiệm, giải thích kết quả và rút ra kết luận, ứng dụng lâm sàng.
- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Dược lý học cơ bản – Trường Đại học Y Hải Phòng
- Bài giảng thực tập Dược lý – Trường Đại học Y Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược lý-Đại học Y Hà Nội, ***Dược lý học lâm sàng***, NXB Y học, 2012.
- Bộ Y tế (2012), ***Dược lý học tập1, 2***, NXB Y học.

- Bertram G. Katzung and el (2009), ***Basic and Clinical Pharmacology 12th Edn***, the McGraw - Hill Companies.
- Laurence Bruton and el ***Goodman & Gilman's Manual of Pharmacology and Therapeutics***, 11th edition the McGraw - Hill Companies.
- Martindale: the complete drug, 36th edition – pharmaceutical press

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- giáo trình, overhead, powerpoin.
- phấn, bút dạ.
- thuôc, hoá chất, bơm tiêm, bông, cồn .....

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.
- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy thực nghiệm

8.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
+ Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

*Điều kiện dự thi hết học phần:

- Học phần thực tập: tham dự đầy đủ các buổi thực hành.
- Thi kết thúc học phần thực tập: vấn đáp
- Học phần lý thuyết: tham dự ≥ 90% số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2 ≥ 5 điểm
- Thi kết thúc học phần: tự luận

*Điểm tổng kết học phần:= (LTx2 + TH)/3

- nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	KHOA DƯỢC HỌC	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS Nguyễn Văn Hùng	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU I
(Năm học 2013-2014)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 67 Lý thuyết: 39 Thực hành: 28

Đối tượng sinh viên: **Bác sĩ đa khoa, Răng-Hàm-Mặt**

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Nguyễn Thế Hùng

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Nguyễn Xuân Hoàn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần của chi trên và chi dưới, đầu mặt cổ trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe

2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở chi trên, chi dưới và đầu – mặt – cổ.

3. Nêu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng và lâm sàng phù hợp.

4. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

5.NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

TT	Nội dung	Giờ
1	Mục tiêu, đối tượng ngành GP - ĐC cơ, xương, khớp	2
2	Xương khớp chi trên	2
3	Cơ chi trên	3
4	Mạch, thần kinh chi trên	6
5	Xương khớp chi dưới	2
6	Cơ chi dưới	3
7	Mạch, thần kinh chi dưới	6
8	Cân cơ đầu mặt cổ	2
9	Các động mạch cảnh	2
10	ĐM dưới đòn, ĐRTK cổ, TM, Bạch mạch	4
11	Miệng răng lưỡi tuyến nước bọt mũi hầu	2
12	Thanh quản, khí quản, tuyến giáp	2

13	Cơ quan nghe, thăng bằng, Cơ quan thị giác	3
Tổng:		**39**

5.2. Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết
1	Xương khớp chi trên - chi dưới	4
2	Vai, nách, cánh tay, khuỷu	4
3	Cẳng tay - Bàn tay	4
4	Mông, đùi sau, khoeo- Cẳng chân sau, ống gót, gan chân	4
5	Vùng đùi trước trong, cẳng chân trước, mu chân	4
6	Thị giáo xương sọ mặt, khớp thái dương-hàm, cơ nhai ĐM cảnh - dưới đòn, cân cơ vùng cổ	4
7	Đường hô hấp trên, Miệng-Răng-Lưỡi-Tuyến nước bọt. Hầu - Thanh quản - Khí quản - Tuyến giáp - Tai - Mắt	4
Tổng		**28**

6.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu hệ thống chi - Nguyễn Hữu Chỉnh - NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 1 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc.

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Thăm hỏi sinh viên
- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn
- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm

Trọng số (%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần
- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM.BỘ MÔN
GS.TS. PHẠM VĂN THỨC	Nguyễn Bảo Trân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU II

(Năm học 2013-2014)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 83 Lý thuyết: 51 Thực hành: 32

Đối tượng sinh viên: **Bác sĩ đa khoa, Răng-Hàm-Mặt**

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Nguyễn Thế Hùng

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Nguyễn Xuân Hoàn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở ngực bụng và hệ thần kinh trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe
2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở ngực, bụng, hố chậu và hệ thần kinh.
3. Nêu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng và lâm sàng phù hợp.

4. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

TT	Nội dung	Giờ
1	Cơ thành bụng trước bên, ống bẹn	3
2	Đại cương tuần hoàn - Tim, mạch máu lớn ngực bụng	4
3	Phổi , màng phổi- trung thất	4
4	Phúc mạc, dạ dày, tỳ	4
5	Tá tràng, tuỵ, gan,cuống gan, tĩnh mạch cửa	4
6	Ruột non - Động mạch mạc treo tràng trên, Đại tràng - Manh tràng - Động mạch mạc treo tràng dưới	4
7	Thận - Niệu quản – Bàng quang - Niệu đạo	4
8	Phôi thai sinh dục – Cơ quan sinh dục nam, nữ	5
9	Đại cương thần kinh	1
10	Tuỷ sống – Hành não - Cầu não - Tiểu não - Trung não	5
11	Gian não - Đoan não	4
12	Đường dẫn truyền thần kinh - Các dây thần kinh sọ	5
13	TK thực vật - Mạch não tuỷ - Màng não - Hệ não thất	4
Tổng		**51**

5.2. Thực tập:

STT	Nội dung	Giờ

1	Thị giáo: Xương cơ thân mình, ống bẹn	4
2	Tim phổi trung thất	4
3	Phúc mạc, dạ dày, gan, lách,	4
4	Tá tuỵ, ruột non, ruột già	4
5	Tiết niệu, sinh dục	4
6	Thị giáo đáy chậu, mổ chó	4
7	Hình thể ngoài, trong: Tủy sống, thân não, đại não	4
8	Hệ thống não thất, gian não, nền sọ Đường dẫn truyền thần kinh, các dây thần kinh sọ, thần kinh thực vật, mạch máu não, màng não	4
Tổng		**32**

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu thần kinh - Nguyễn Hữu Chỉnh - NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 2,3 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học
Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y
Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc.
Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Thăm hỏi sinh viên
- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn
- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm

Trọng số (%) các điểm:

- Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần
- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Nguyễn Bảo Trân

Trường Đại học Y Hải Phòng Bộ môn Giải phẫu bệnh - Y pháp	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC GIẢI PHẪU BỆNH

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ đa khoa

Học phần tiên quyết: Mô học

Học phần học trước: Giải phẫu

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giải phẫu bệnh - Y pháp

Giảng viên tham gia giảng dạy: Ngô Quang Dương, Phạm Văn Tuy, Nguyễn Ngọc Quý.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh là môn khoa học hình thái và cơ chế gây bệnh, nên còn có thể gọi là môn bệnh học. Những biến đổi do bệnh tật gây nên gọi là tổn thương, hình thái tổn thương là các đặc điểm có thể quan sát phát hiện qua nhìn bằng mắt (đại thể), hoặc/và trợ giúp của kính hiển vi (vi thể), kính hiển vi điện tử (siêu vi) hoặc sinh học phân tử (bệnh học phân tử). Xét nghiệm giải phẫu bệnh phục vụ chẩn đoán và gián tiếp tham gia điều trị, phòng bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được vai trò của giải phẫu bệnh trong ngành y nói chung, chuyên ngành ung thư nói riêng; nắm được các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái tế bào và mô trong quá trình bệnh lý.
- Kỹ năng: Có kỹ năng tư duy tổng hợp, sử dụng được kết quả sinh thiết và tế bào bệnh học để xác định chẩn đoán các bệnh thường gặp ở Việt Nam, đóng góp cho điều trị, phòng bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh kinh điển được chia thành 2 phần: Giải phẫu bệnh đại cương (Viêm, u, rối loạn chuyển hoá, rối loạn tuần hoàn, bệnh lý bẩm sinh và di truyền,...) và giải phẫu bệnh bộ phận (bệnh học các cơ quan tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, tiết niệu,...)

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Nhập môn. Tổn thương cơ bản của tế bào và mô	2	1	

2	Rối loạn chuyển hoá, rối loạn tuần hoàn	2		
3	Đại cương u và ung thư	5	2	
4	Viêm đại cương và viêm đặc hiệu, bệnh học nhiễm khuẩn	8	2	
5	Bệnh hệ tim - mạch:Bệnh tim bẩm sinh, viêm nội tâm mạc do thấp và do vi khuẩn, xơ vữa động mạch	2	1	
6	Bệnh hệ hô hấp: Tổn thương cơ bản của phổi; viêm phổi thuỳ; viêm phế quản phổi, ung thư phổi	4	4	
7	Bệnh hệ tiêu hoá: Loét dạ dày; ung thư dạ dày; xơ gan; ung thư gan, apxe gan	6	6	
8	Hệ sinh dục (nữ): Viêm cổ tử cung; ung thư cổ tử cung; u buồng trứng, u nguyên bào nuôi	4	4	
9	Hệ thống máu và bạch huyết: Hạch viêm, U hạch, hạch di căn ung thư	2	3	
10	Bệnh hệ tiết niệu: Tổn thương cơ bản của cầu thận, hình thái chính của bệnh cầu thận, u thận	2	1	
11	Hệ xương khớp: U và ung thư cơ trơn; u cơ vân; u sụn, xương	2	1	
12	Bệnh của da và vú: U hắc tố; u vú	2	3	
13	Bệnh nội tiết: Bệnh tuyến giáp, bệnh tuyến tiền liệt	2	2	
14	Bộ thần kình: Tổn thương cơ bản viêm não do virus; một số bệnh thường gặp ở Việt Nam	2		
Tổng		**45**	**30**	

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập, soi tiêu bản mô bệnh học và chẩn đoán bệnh.

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi kiến thức
- Khi thực tập: Sinh viên quan sát kính hiển vi tiêu bản mô bệnh học, nhận định, trao đổi và tự chẩn đoán.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng; tự học trên sách báo, video…

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Giải phẫu bệnh lý, nhà xuất bản y học 2004
- Giáo trình giải phẫu bệnh của bộ môn biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Giải phẫu bệnh, Học viện Quân Y năm 2010.

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Kiểm tra - đánh giá ban đầu:

+ Bộ môn hỏi thăm sinh viên về các môn học trước (Giải phẫu, mô phôi học), về nội dung môn học, phần nào khó, phần nào dễ học.

+ Hỏi những câu hỏi ngắn liên quan đến những bài học trước đó để đánh giá mức độ học - hiểu của sinh viên.

- Kiểm tra - đánh giá trong quá trình:

+ Theo dõi sỹ số, theo dõi thái độ học tập của sinh viên.

+ Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và kết quả đánh giá quá trình làm điều kiện kiểm tra - đánh giá kết thúc.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ (kết thúc):

+ Thi thực hành:

Sinh viên tham gia đủ các buổi thực hành sẽ được thi thực hành.

Hình thức kiểm tra: Vấn đáp.

+ Thi lý thuyết: Sinh viên thi đạt thực hành sẽ được thi lý thuyết

Hình thức thi: Tự luận

Thời lượng: 90 phút

Điểm tổng kết tính theo công thức: **TKHP = (LTx2 + TH)/3**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: Phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, kính hiển vi đủ với số lượng sinh viên, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chúc	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH
ĐỐI TƯỢNG: Y ĐA KHOA CHÍNH QUY K36
BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT K6 VÀ Y HỌC DỰ PHÒNG K8, DƯỢC K3

1. Mã số môn học: HS
2. Số đơn vị học trình: 6 đvht; Lý thuyết: 4; thực hành: 2 đvht
3. Số tiết học: Lý thuyết: 60 tiết; thực hành: 60 tiết
4. Số lần thi: Lý thuyết: 2, thực hành: 2
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:
   1. Trình bày được cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
   2. Trình bày được các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
   3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học
6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết		Thực hành	
		Số giờ	GV	Số giờ	GV/ KTV
HỌC PHẦN I: CẤU TẠO VÀ CHUYỂN HOÁ					
1	Hoá học glucid	3	ThS Mai ThS Thảo	8	PGS Lý ThS Mai ThS Thảo BS Giang BS Thoa KTV Thương
2	Hoá học lipid	3	Bs An ThS Thảo	4	
3	Hoá học protid	4	PGs Lý	8	
4	Enzyme	3	PGs Lý	8	
5	Năng lượng sinh học	3	ThS Mai	0	
6	Chuyển hoá glucid	4	ThS Thảo	2	
7	Chuyển hoá lipid	4	Bs An ThS Thảo	0	
8	Chuyển hoá acid amin,	2	PGs Lý ThS Mai	0	
9	HH và CH a. Nucleic	2	PGs Lý	0	
10	Lq 3 CH, HS màng	2	PGs Lý ThS Mai	0	
	Cộng	**30**		**30**	
HỌC PHẦN II: HOÁ SINH MÔ VÀ CƠ QUAN					
1	Hemoglobin	3	ThS Mai BS Thoa	4	PGS Lý ThS Mai ThS Thảo BS Giang BS Thoa KTV Thương
2	Hormon	4	PGs Lý	0	
3	Chuyển hoá muối nước	3	PGs Lý BS Thoa	4	
4	Thăng bằng acid- base	4	ThS Mai ThS Thảo	0	
5	Hoá sinh gan, mật	4	ThS Thảo	4	

6	Hoá sinh thận, nước tiểu	4	ThS Mai ThS Thảo	8	
7	Hoá sinh máu, dịch sv	4	ThS Mai	8	
8	HSLS	4	PGS Lý ThS Mai	2	
	Cộng	**30**		**30**	

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Phương pháp lượng giá:

- Điều kiện được dự thi:
  + Lý thuyết: - không được vắng quá 25% số giờ lý thuyết
    - Điểm thực hành: ≥5
  + Thực hành: học đủ các bài thực hành
- Thi kết thúc học phần I: lý thuyết thi viết tự luận
- Thi kết thúc học phần II:
  Lý thuyết: thi viết tự luận.
  Thực hành: thi vấn đáp và tiến hành một số kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản.
- Điểm học phần 1 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3
- Điểm học phần 2 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

9. Tài liệu học tập:

Hoá sinh, ĐHYHN dành cho BSĐK, 2001

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYHP

10. Tài liệu tham khảo:

Hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh. Nxb Y hoc, 2009

Tài liệu thực hành, bộ môn Hóa sinh, ĐHYHN, 2005

Hoá sinh, dành cho DSĐK, Nxb Y học, 2007

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành
- Dụng cụ:
  + Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm
  + Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

Hải Phòng, ngày 1 tháng 8 năm 2015

Phụ trách bộ môn

B GH

ThS Nguyễn Thị Phương Mai

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Bộ môn Ký sinh trùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------***---------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Mã số: Ký sinh trùng

2. Số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

3. Số tiết học: 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 1, Thực hành: 1)

5. Đối tượng: Bác sỹ đa khoa

6. Giảng viên giảng dạy:

- BS. Nguyễn Đức Thành
- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- ThS. Vũ Văn Thái
- Ths. Võ Thị Thanh Hiền
- BS. Nguyễn Thị Minh Hoa
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh

7. Mục tiêu môn học:

1. Mô tả được đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng chủ yếu ở Việt Nam.

2. Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.

3. Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do ký sinh trùng.

4. Chẩn đoán định hướng được một số bệnh ký sinh trùng

5. Chỉ định và phân tích được các xét nghiệm chẩn đoán bệnh ký sinh trùng.

6. Xác định đúng nguyên tắc lấy, bảo quản và vận chuyển một số bệnh phẩm thông thường.

7. Làm được một số xét nghiệm thường quy chẩn đoán ký sinh trùng

8. Trình bày được nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng.

9. Tư vấn cho cá nhân và cộng đồng biết cách phòng chống các bệnh ký sinh trùng.

8. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH
1.	Đại cương ký sinh trùng y học	4	

2.	- Đại cương giun ký sinh - Giun đũa - Giun tóc - Giun kim	1 3	
3.	- Giun móc/giun mỏ - Giun chỉ bạch huyết	2 2	
4.	- Đại cương sán lá ký sinh - Sán lá ký sinh (Sán lá gan nhỏ - Sán lá ruột - Sán lá phổi) - Đại cương sán dây ký sinh - Sán dây ký sinh (Sán dây lợn - Sán dây bò)	0,5 2 0,5 2	
5.	- Đại cương đơn bào - Amip gây bệnh (*Entamoeba histolytica*) - Trùng roi - Trùng lông - Trùng hình cung	1 1,5 1,5	
6.	- Ký sinh trùng sốt rét (Đặc điểm sinh học) - Ký sinh trùng sốt rét (Bệnh học - Dịch tễ học)	2 4	
7.	- Ký sinh trùng sốt rét (Dịch tễ học - Phòng chống sốt rét)	4	
8.	- Đại cương tiết túc ký sinh - Lớp nhện - Lớp côn trùng	2 2 2	
9.	- Giun sán hiếm gặp - Các bệnh nhiễm trùng cơ hội	2 2	
10.	- Nấm ký sinh - Tổng kết	3,5 0.5	
11.	Hình thể trứng và ấu trùng giun sán thường gặp		4
12.	- Hình thể giun sán trưởng thành - Phương pháp lấy máu và làm tiêu bản		2 2
13.	- Hình thể đơn bào - Phương pháp nhuộm tiêu bản máu		2 2
14.	Phương pháp xét nghiệm phân		4
15.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết – xem tiêu bản mẫu)		4

16.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4
17.	- Hình thể tiết túc - Mỗ muỗi		2 2
18.	- Hình thể và phương pháp xét nghiệm nấm trực tiếp - Ôn tập		2
19.	Thi thực hành		

9. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống, bài phát tay và công cụ hỗ trợ (máy chiếu)
- Thực hành: + Thảo luận nhóm
  + Mô tả, minh hoạ bằng tranh ảnh, mô hình, tiêu bản
  + Hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với phân tích tình huống

10. Lượng giá:

- Thi kết thúc học phần:
  + Lý thuyết: thi trắc nghiệm trên máy tính
  + Thực hành: vấn đáp và soi tiêu bản

11. Tài liệu học tập:

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội)
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành: giảng dạy tại các phòng thực hành của Bộ môn tầng 2 khu 5 tầng ký túc xá sinh viên.

13. Tên Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

- Bộ môn: Ký sinh trùng
- Trưởng Bộ môn: TS. Đinh Thị Thanh Mai

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Ban giám hiệu	Trưởng bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	TS. Đinh Thị Thanh Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
Bộ môn: Mô – Phôi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Mã số: Mô học - Phôi thai học

2. Số đơn vị học trình: 5 Lý thuyết: 4 Thực hành: 1

3. Số tiết học: 90 Lý thuyết: 60 Thực hành: 30

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 1, Thực hành: 1)

5. Đối tượng: Bác sỹ chính quy

6. Giảng viên giảng dạy:

- TS Vũ Sỹ Khảng
- ThS. Phạm Thị Thu Thủy
- BS. Khổng Thị Vân Anh
- BS. Nguyễn Thị Nhị
- Bs Đỗ Đình Tiệp
- KTV Hoàng Văn Chính
- KTV Phạm Thị Thái
- KTV Nguyễn Tuyết Nhung: *(về trường từ tháng 2/2013)*

7. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các tế bào và mô đại cương trong cơ thể người bình thường.

2. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các mô cơ quan của cơ thể người bình thường. Liên hệ được với hoạt động chức năng của chúng.

3. Mô tả được sự hình thành và phát triển của phôi người từ khi thụ tinh đến giai đoạn thành mầm các cơ quan.

4. Mô tả được sự hình thành và phát triển cấu tạo, chức năng các bộ phận phụ của phôi người.

5. Mô tả được sự hình thành và phát triển của một số cơ quan và hệ cơ quan.

6. Giải thích được sự hình thành một số dị tật bẩm sinh thường gặp

8. Nội dung:

8.1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết LT
1	Nhập môn – Biểu mô	04
2	Mô liên kết	04
3	Mô cơ – Mô thần kinh	04
4	Hệ thần kinh – Hệ tuần hoàn	04

5	Hệ bạch huyết – Hệ hô hấp	04
6	Hệ tiêu hóa	04
7	Hệ tiết niệu – Da và các thành phần phụ thuộc da	04
8	Hệ nội tiết – Hệ sinh dục nam	04
9	Hệ sinh dục nữ	04
10	Thị giác – Thính giác	04
11	Phôi đại cương	04
12	Phôi đại cương (tiếp theo)	04
13	Phôi tiêu hóa – Phôi hô hấp	04
14	Phôi tiết niệu – Phôi sinh dục	04
15	Phôi hệ tim mạch	04
Tổng		**60**

8.2. Thực hành :

STT	Nội dung bài học	Số tiết
1	Biểu mô	04
2	Mô liên kết	04
3	Mô cơ – Mô thần kinh	04
4	Hệ tuần hoàn – Hệ bạch huyết	04
5	Ống tiêu hóa chính thức	04
6	Tuyến tiêu hóa – Phổi – Da & phụ thuộc da	04
7	Thận – Sinh dục – Nội tiết – Mắt – Rau	04
8	Ôn tập	02
Tổng		**30**

9. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống, tài liệu phát tay và công cụ hỗ trợ (máy chiếu)
- Thực hành: + Thảo luận nhóm
  + Mô tả, minh hoạ bằng tranh ảnh, video, tiêu bản
  + Hướng dẫn xem tiêu bản trên kính hiển vi

10. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi cử. Sinh viên cần học trước các học phần: sinh học, giải phẫu để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.
- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: Xem xét thái độ học tập của sinh viên, thường xuyên kiểm tra bài cũ để đánh giá khả năng nắm bắt kiến thức của sinh viên, kịp thời giải quyết những vấn đề sinh viên chưa rõ.
- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm

+ Thực hành: thi chạy trạm

Tỷ trọng điểm: (LTx2+TH)/3

11. Tài liệu học tập:

11.1. Tài liệu giảng dạy

1. Mô - phôi : Phần mô học: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế: Y học, 2007. - 299tr. ; 27cm.
2. Phôi thai học : Thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng / Đỗ Kính. - Tái bản lần thứ hai, có chỉnh sửa và bổ sung: Y học, 2015. - 858 tr. : minh hoạ ; 27 cm
3. Thực hành mô học (Đại học Y Hải Phòng), năm 2011.

11.2. Tài liệu tham khảo:

1. Mô học/ Phan Chiến Thắng - Nhà xuất bản Y học, 2005- 326tr.
2. Mô học tạng và hệ thống/ Nguyễn Trí Dũng - Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 2010. - 305tr; 26cm.
3. Bài giảng phôi thai học/ Nguyễn Dũng Tuấn- Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyên nhân và phân loại tật bẩm sinh ở người: Y học, 2011.- 202tr. ;21cm.

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành: giảng dạy tại phòng thực hành của Bộ môn tầng 5 khu nhà A

Hải Phòng, ngày 06 tháng 9 năm 2013

Ban giám hiệu	Trưởng bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	TS. Vũ Sỹ Khảng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO NIÊN CHẾ
SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý 1*

3. Số đơn vị học trình: 3 . Lý thuyết: 2. Thực hành: 1

Số tiết lý thuyết: 30. Thực hành 30.

4. Chuyên ngành đào tạo: Bác sỹ Đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sĩ răng hàm mặt (6 năm).

5. Năm học: năm thứ 2.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi – Bộ môn Sinh lý

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. BS. Phạm Thị Nguyên
5. BS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

**** Về kiến thức:***

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về kỹ năng:***

- Thao tác đúng các bước tiến hành và phân tích, diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học cơ bản (Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu).
- Có kĩ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về thái độ:***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kĩ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp, thực hành những kĩ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

Sinh lý học là môn học gồm:

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các các nội dung về Đặc điểm cơ thể sống và nội môi; Sinh lý tế bào; Sinh lý máu và dịch thể; Chuyển hóa năng lượng; Quá trình điều nhiệt trong cơ thể, Sinh lý thần kinh).
- Phần thực hành gồm: một số các kĩ thuật xét nghiệm máu, một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 16 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

**** Điều kiện:***

- Môn học tiên quyết: các môn học cơ bản (Sinh học, Di truyền...), môn y học cơ sở (Giải phẫu, Mô học).
- Môn học song hành: các môn y học Cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

**** Yêu cầu:***

- Thao tác được các kĩ thuật: Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu.
- Nhận định, phân tích được kết quả xét nghiệm công thức máu. Nhận định, giải thích được kết quả thực nghiệm đánh giá chức năng hệ thần kinh.
- Thực hiện được kĩ năng ra quyết định: đưa ra được chỉ định làm xét nghiệm cho một số tình trạng bệnh và giải thích.
- Giải thích được các thực nghiệm đã học.

**** Chỉ tiêu:***

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Chỉ tiêu bài kiểm tra:
  + Một bài thi thực hành x 33%
  + Một bài thi hết học phần lý thuyết x 67%.

12. Nội dung học phần

**** Lý thuyết:***

Bài 1. Đại cương cơ thể sống và hằng tính nội môi

1. Đặc điểm của sự sống

2. Nội môi và hằng tính nội môi

2.1. Nội môi

2.2. Hằng tính nội môi và hệ thống ổn định hằng tính nội môi

3. Điều hòa chức năng

3.1. Điều hòa bằng đường thần kinh

3.2. Điều hòa bằng đường thể dịch

3.3. Cơ chế điều hòa ngược

Bài 2: Sinh lý học tế bào

1. Đặc điểm cấu trúc chức năng của màng tế bào

2. Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.1. Quá trình khuếch tán

2.2. Quá trình vận chuyển tích cực

Bài 3: Điện thế màng và điện thế hoạt động

1. Cơ sở vật lý của điện thế màng

2. Điện thế nghỉ

3. Điện thế hoạt động

Bài 4: Sinh lý máu

1. Những tính chất và chức năng chung của máu

1.1. Tính chất của máu

1.2. Chức năng chung của máu

2. Hồng cầu

2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu

2.2. Chức năng của hồng cầu

2.3. Điều hòa số lượng hồng cầu

2.4. Rối loạn lâm sàng dòng hồng cầu

3. Nhóm máu và truyền máu

3.1. Hệ thống nhóm máu ABO

3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

4. Bạch cầu

4.1. Chức năng của các loại bạch cầu

4.2. Số lượng và công thức bạch cầu

5. Tiểu cầu

5.1. Cấu trúc, đặc tính của tiểu cầu

5.2. Chức năng của tiểu cầu

6. Quá trình cầm máu

6.1. Giai đoạn thành mạch

6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu

6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông

6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông

6.5. Những chất gây đông và chất chống đông sử dụng trong lâm sàng

Bài 5: Chuyển hóa năng lượng

1. Các dạng năng lượng trong cơ thể

2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng

2.1. Tiêu hao năng lượng cho tồn tại và duy trì sự sống

2.2. Tiêu hao năng lượng cho phát triển cơ thể

2.3. Tiêu hao năng lượng cho sinh sản

3. Nguyên tắc của các phương pháp đo tiêu hao năng lượng

4. Điều hòa chuyển hóa năng lượng

4.1. Ở mức tế bào

4.2. Ở mức cơ thể

Bài 6: Điều hòa thân nhiệt

1. Thân nhiệt và các yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt
2. Quá trình sinh nhiệt
3. Quá trình tỏa nhiệt

4. Cơ chế điều nhiệt

4.1. Cơ chế chống nóng

4.2. Cơ chế chống lạnh

4.3. Các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người

5. Sốt, tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt

Bài 7: Sinh lý hệ thần kinh

1. Sinh lý hệ thần kinh trung ương

1.1. Vai trò của hệ thần kinh trung ương

1.2. Cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương

2. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương

2.1. Chức năng của neuron

2.2. Các synap thần kinh

3. Chức năng các cấu trúc thuộc hệ thần kinh trung ương

3.1. Tủy sống

3.2. Hành não

3.3. Não giữa

3.4. Thể lưới

3.5. Tiểu não

3.6. Não trước và vỏ não

4. Hệ thần kinh thực vật

4.1. Thần kinh giao cảm

4.2. Thần kinh phó giao cảm

5. Thần kinh cấp cao

**** Thực hành:***

Bài 1.Đếm số lượng hồng cầu, Đếm số lượng bạch cầu máu ngoại vi.

Bài 2. Định lượng Hemoglobin. Đo tốc độ máu lắng.

Bài 3. Định công thức bạch cầu phổ thông và công thức Arthnet.

Bài 4. Định thời gian đông máu, định thời gian chảy máu.

Bài 5. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu.

Bài 6. Thí nghiệm Phân tích cung phản xạ tủy, Duỗi cứng mất não trên thỏ.

Bài 7. Thí nghiệm Phá một bên tiểu não ếch và tiểu não bồ câu.

13. Phương pháp giảng

- Lý thuyết: thuyết trình, pháp vấn, thảo luận nhóm.

- Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm hoặc phân tích mẫu kết quả xét nghiệm.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bảng.
- Kính hiển vi, buồng đếm tế bào máu, ống potain, máu, lam kính, bông cồn, kim chích, hóa chất, động vật thực nghiệm ếch, bồ câu, thỏ, bàn mổ, panh, kéo, …

15. Đánh giá

- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: (*điểm thực hành x hệ số 1 + điểm lý thuyết x hệ số 2)/3 = điểm học phần*

16. Tài liệu học tập, tham khảo

**** Tài liệu học tập***

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.
2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

**** Tài liệu tham khảo***

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

**** Phần lý thuyết***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	Đại cương cơ thể sống, hằng tính nội môi	2	PGS. Mùi	[2-5]	Thuyết trình, Pháp vấn, Thảo luận
2	Sinh lý tế bào	4	PGS. Mùi		
3	Sinh lý máu	8	ThS Hồng		
4	Sinh lý chuyển hóa năng lượng	4	BS Trang		
5	Sinh lý điều nhiệt	4	BS Trang		
6	Sinh lý thần kinh	8	PGS. Mùi		

Tổng	**30**			

** Thực hành*

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/ TLTK	Hình thức học
1	Bài 1: Đếm số lượng hồng cầu, Đếm số lượng bạch cầu máu ngoại vi.	5	ThS Hồng	[1]	- GV: *giới thiệu bài học* - KTV: *thao tác mẫu hướng dẫn kỹ thuật.* - SV: + *Quan sát, Thực hiện kĩ thuật.* + *Viết báo cáo thực hành*
2	Bài 2: Định lượng Hemoglobin. Đo tốc độ máu lắng.	4	BS Nguyên		
3	Bài 3: Định công thức bạch cầu phổ thông và công thức Arthnet.	5	BS Nguyên		
4	Bài 4: Định thời gian đông máu, định thời gian chảy máu.	4	ThS Đông		
5	Bài 5: Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu.	4	BS Trang		
6	Bài 6. Bài Thí nghiệm Phân tích cung phản xạ tủy, Duỗi cứng mất não trên thỏ.	4	PGS Mùi		
7	Bài 7. Thí nghiệm Phá một bên tiểu não ếch và tiểu não bồ câu.	4	PGS Mùi		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 5 năm 2013

BAN GIÁM HIỆU | **TRƯỞNG BỘ MÔN**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO NIÊN CHẾ
SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý 2*

3. Số đơn vị học trình: 4 . Lý thuyết: 3. Thực hành: 1

Số tiết lý thuyết: 45. Thực hành 30.

4. Chuyên ngành đào tạo: Bác sỹ Đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sĩ răng hàm mặt (6 năm).

5. Năm học: năm thứ 2.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi – Bộ môn Sinh lý

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. BS. Phạm Thị Nguyên
5. BS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

**** Về kiến thức:***

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về kỹ năng:***

- Thao tác đúng một số kỹ thuật thăm dò chức năng (Bắt mạch, Đo huyết áp, Nghe tiếng tim, Đo chức năng thông khí phổi, Điện tâm đồ, chẩn đoán thai sớm).
- Nhận định, diễn giải được các kết quả thăm dò chức năng.
- Thao tác, giải thích được các kết quả thực nghiệm đánh giá chức năng một số cơ quan tuần hoàn, nội tiết, sinh sản.

**** Về thái độ:***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kĩ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp thực hành những kĩ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý các hệ cơ quan Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Nội tiết, Sinh sản.

- Phần thực hành gồm: phương pháp thăm dò chức năng một số cơ quan, và một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 16 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

** Điều kiện:*

- Môn học tiên quyết: môn Y học cơ sở (Sinh lý 1, Giải phẫu 2).
- Môn học song hành: các môn Y học cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

** Yêu cầu:*

- Đọc được các thông số đo chức năng hô hấp, điện tâm đồ, điện não đồ bình thường.
- Thực hiện được kỹ thuật chẩn đoán thai sớm, bắt mạch, đo huyết áp, nghe tiếng tim và nhận định đúng kết quả.
- Quan sát và giải thích được cơ chế của các biểu hiện bình thường cũng như các rối loạn bất thường trên thực nghiệm.

** Chỉ tiêu:*

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Chỉ tiêu bài kiểm tra:
  + Một bài thi thực hành
  + Một bài thi kết thúc học phần lý thuyết.

12. Nội dung học phần

**** Lý thuyết:***

Bài 1: Sinh lý tuần hoàn

1. Sinh lý tim

1.1. Các đặc tính sinh lý cơ tim

1.2. Chu kỳ tim

1.3. Điều hòa hoạt động tim

2. Sinh lý tuần hoàn động mạch

2.1. Các loại huyết áp động mạch

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp động mạch

2.3. Điều hòa tuần hoàn động mạch

3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 2: Sinh lý hô hấp

1. Chức năng thông khí

2. Chức năng vận chuyển khí

2.1. Máu vận chuyển oxy

2.2. Máu vận chuyển CO_2

3. Quá trình trao đổi khí

4. Điều hòa hô hấp

4.1. Vai trò của các trung tâm hô hấp

4.2. Vai trò của một số yếu tố và cấu trúc thần kinh khác

4.3. Vai trò của một số yếu tố thể dịch

Bài 3: Sinh lý tiêu hóa

1. Tiêu hóa ở miệng

1.1. Hoạt động cơ học

1.2. Hoạt động bài tiết nước bọt

2. Tiêu hóa ở dạ dày

2.1. Hoạt động cơ học

2.2. Hoạt động bài tiết dịch vị

3. Tiêu hóa ở ruột non

3.1. Hoạt động cơ học

3.2. Hoạt động bài tiết dịch tụy

3.3. Hoạt động bài tiết dịch mật

3.4. Hoạt động bài tiết dịch ruột non

4. Tiêu hóa ở ruột già

5. Chức năng chủ yếu của gan

Bài 4: Sinh lý tiết niệu

1. Quá trình lọc ở cầu thận

2. Quá trình tái hấp thu ở ống lượng gần, quai Henle

3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống lượn xa và ống góp

4. Nguyên lý của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.

5. Thận nhân tạo

Bài 5: Sinh lý nội tiết

1. Đại cương về các tuyến nội tiết và hormon

2. Chức năng nội tiết vùng dưới đồi

3. Chức năng nội tiết tuyến yên

4. Chức năng nội tiết tuyến giáp, tuyến cận giáp

5. Chức năng nội tiết tuyến thượng thận

6. Chức năng nội tiết tuyến tụy

Bài 6: Sinh lý sinh sản

1. Sinh lý sinh sản nam

1.1. Chức năng ngoại tiết của tinh hoàn

1.2. Chức năng nội tiết của tinh hoàn

1.3. Dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam

1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam

2. Sinh lý sinh sản nữ

2.1. Chức năng ngoại tiết của buồng trứng

2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng

2.3. Chu kỳ kinh nguyệt

2.4. Dậy thì và mãn kinh

2.5. Thụ thai, mang thai, sổ thai

2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai

2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm

3. Cơ sở sinh lý học của các biện pháp tránh thai

**** Thực hành:***

Bài 1: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim.

Bài 2. Thí nghiệm vai trò của dây X lên hoạt động tim, Nút buộc Stanius.

Bài 3. Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình Thí nghiệm). Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.

Bài 4. Đo huyết áp động mạch người. Đo HA qua Labtutor. Bắt mạch. Nghe tiếng tim. Ghi điện tim. Đo chức năng hô hấp.

Bài 5. Quan sát hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ, lưu huyết não.

Bài 6. Thí nghiệm cắt tuyến yên, Gây hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.

Bài 7. Chẩn đoán có thai bằng sinh vật học và miễn dịch học.

13. Phương pháp giảng:

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, tình huống thảo luận.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác các thực nghiệm, thao tác mẫu các kĩ thuật.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bút dạ, bảng.
- Huyết áp, ống nghe, Máy đo điện tim, kết quả điện tim. Máy đo chức năng hô hấp, máy điện não, máy siêu âm.
- Động vật thực nghiệm ếch, chó, thỏ, panh, kéo, bàn mổ, thuốc, hóa chất, máy kích thích điện, hệ thống ghi chức năng sống, …

15. Đánh giá

- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: (*điểm thực hành x hệ số 1 + điểm lý thuyết x hệ số 2)/3 = điểm học phần*

16. Tài liệu học tập, tham khảo

**** Tài liệu học tập***

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.

2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

**** Tài liệu tham khảo***

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

**** Lý thuyết***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TL học tập/TLTK	Hình thức học
1	Sinh lý hệ tuần hoàn	7.5	ThS. Hồng-ThS. Chiêm	[2-5]	Thuyết trình, pháp vấn, thảo luận
2	Sinh lý hệ hô hấp	7.5	PGS. Mùi-BS. Nguyên		
3	Sinh lý hệ tiêu hóa	7.5	BS. Trang		
4	Sinh lý hệ tiết niệu	7.5	BS. Nguyên		
5	Sinh lý nội tiết	7.5	ThS. Đông		
6	Sinh lý sinh sản	7.5	PGS. Mùi		
	Tổng số	45			

**** Thực hành***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	**Bài 1**: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim.	4	PGS. Mùi	[1]	- **GV**: *thuyết trình* - **KTV**: *tiến hành thực hiện kĩ thuật* - **SV**: + *Quan sát, tiến hành, nhận định, phân tích kết quả.* + *Viết báo cáo thực hành*
2	**Bài 2**: Thí nghiệm vai trò của dây X lên hoạt động tim. Nút buộc Stanius.	4	ThS. Đông		
3	**Bài 3**: Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình Thí nghiệm). Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.	4	PGS. Mùi		
4	**Bài 4**: Đo huyết áp động mạch người. Đo HA qua Labtutor. Bắt mạch. Nghe tiếng tim. Ghi điện tim. Đo chức năng hô hấp.	5	BS. Nguyên		

5	**Bài 5.** Quan sát hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ, lưu huyết não.	5	ThS. Hồng		
6	**Bài 6:** Thí nghiệm cắt tuyến yên, Gây hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	BS. Trang		
7	**Bài 7:** Chẩn đoán có thai sớm bằng sinh vật học và miễn dịch học.	4	BS. Trang		
	Tổng số	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 5 năm 2013

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH - DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:
Tổng số đơn vị học trình: 5 Lý thuyết: 4 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 60 Thực hành: 30
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ đa khoa
Học phần tiên quyết: Sinh lý học
Học phần học trước: Giải phẫu, Hóa sinh
Học phần song hành: Dược lý, Vi sinh, Giải phẫu bệnh
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Văn Thức, Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Phạm Thị Khuyên

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Trình bày được những quy luật chung về bệnh lý của các cơ quan chức phận, của một số quá trình bệnh lý điển hình và của bệnh nói chung; mô tả được cấu tạo và cơ chế hoạt động của các cơ quan, tế bào miễn dịch, các phân tử trực thuộc của hệ miễn dịch, mối quan hệ hợp tác điều hòa giữa chúng trong đáp ứng miễn dịch nói chung và miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh như nhiễm trùng, ung thư; cũng như cơ chế khái quát của các hiện tượng bệnh lý miễn dịch (quá mẫn, tự miễn, suy giảm miễn dịch) và một số nguyên lý chung về điều trị rối loạn miễn dịch
- Kỹ năng: Có kỹ năng suy luận tổng hợp, phân tích các tình huống xét nghiệm, áp dụng các kiến thức thích hợp vào công tác chẩn đoán và điều trị bệnh

- Thái độ: có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỷ mỷ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	NỘI DUNG	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Đại cương Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2
2.	Rối loạn chuyển hóa nước - điện giải	2	2
3.	Rối loạn cân bằng acid- base	2	
4.	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	2	4
5.	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	2	2
6.	Sinh lý bệnh chức phận tạo máu	3	2
7.	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	3	4
8.	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	3	2
9.	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	3	2
10.	Sinh lý bệnh chức năng gan	3	4
11.	Sinh lý bệnh chức năng thận	3	
12.	Sinh lý bệnh chức năng nội tiết	2	
13.	Sinh lý bệnh chức năng thần kinh	2	
14.	Sinh lý bệnh tuổi già	3	
15.	Các cơ quan và tế bào tham gia vào quá trình đáp ứng miễn dịch	2	
16.	Kiểm soát và điều hòa miễn dịch	2	
17.	Đáp ứng miễn dịch dịch thể	2	
18.	Đáp ứng miễn dịch qua trung gian tế bào	2	2
19.	Hệ thống bổ thể	3	2
20.	Kháng nguyên, MHC	2	
21.	Miễn dịch ghép	2	
22.	Miễn dịch chống ung thư	2	
23.	Đáp ứng miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật	2	
24.	Miễn dịch bệnh lý	3	2
25.	Miễn dịch trị liệu	2	
	Tổng	**60**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả thực nghiệm, phân tích phiếu xét nghiệm

5.2. Phương pháp học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hành các thí nghiệm, tham gia trao dổi, thảo luận

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Nhà xuất bản Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học
3. Sinh lý bệnh học / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2004. - 452tr. ; 24cm
4. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần miễn dịch học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 157tr. ; 27cm.
5. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần sinh lý bệnh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 255tr. ; 27cm.
6. Miễn dịch học cơ bản. - H. : Y học, 1986. - 422 tr. ; 21 cm

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

7.1. Thi thực hành: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học thực hành mới được thi hết học phần thực hành.

+ Hình thức thi: thi viết

+ Thời lượng thi: 50 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng

7.2. Thi lý thuyết:

- ***Đánh giá ban đầu.***

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Sinh lý bệnh – miễn dịch

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Sinh lý bệnh – miễn dịch

- ***Đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, ghi chép đầy đủ kết quả thí nghiệm và phân tích tất cả các huyết đồ niệu đồ trong giáo trình thực hành

- ***Đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 5.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

7.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LTx2 + TH)/3**

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. Học phần thực hành: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, súc vật phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Phạm Huy Chuyên

TRƯỜNG ĐH Y HẢI PHÒNG

BỘ MÔN VI SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG: SV BSĐK năm 2

1. Thông tin về học phần

Số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

2. Mục tiêu:

Lý thuyết:

- Trình bày được những kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh, vacxxin và huyết thanh, nhiễm trùng bệnh viện, sự đề kháng của cơ thể.
- Biết được các đặc điểm cơ bản nhất (Tích chất sinh vật hóa học, khả năng gây bệnh, các phương pháp chẩn đoán vi sinh, cách phòng và điều trị bệnh) của một số vi khuẩn, virus gây bệnh nguy hiểm trong y học. Một số bệnh nguy hiểm đang xuất hiện và nổi trội.

Thực hành: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong xét nghiệm vi sinh: kỹ thuật lấy bệnh phẩm, nhuộm gram, nhuộm Ziehl-Nelsen, kỹ thuật kháng sinh đồ. Kiến tập qui trình nuôi cấy chẩn đoán vi khuẩn, một số kỹ thuật miễn dịch và SHPT ứng dụng trong chẩn đoán vi sinh.

3. Phương pháp giảng dạy

Lý thuyết: - Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành: - Thảo luận nhóm lớn.

- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

4. Lượng giá: Thi kết thúc học phần:

- Lý thuyết: thi viết tự luận
- Thực hành: Vấn đáp.

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

5.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
  Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;

6. <u>Chịu trách nhiệm giảng dạy</u>

Bộ môn Vi sinh trường Đại học Y Hải Phòng

7. <u>Chi tiết tên bài giảng</u>

STT	Tên bài giảng	Số tiết	Ngày giảng	Người giảng
1	Hình thể, cấu tạo và sinh lý của vi khuẩn Di truyền học vi khuẩn.	4		
2	Đại cương virus. Sự đề kháng của cơ thể chống VSV Kháng sinh và kháng kháng sinh	4		
3	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của VSV. Nhiễm trùng bệnh viện. Vaccin và huyết thanh.	4		

4	Phương pháp chẩn đoán VSV Khử trùng- Tiệt trùng.	4		
5	Các cầu khuẩn gây bệnh (tụ cầu vàng, liên cầu A, phế cầu, lậu cầu, não mô cầu)	4		
6	Họ vi khuẩn đường ruột (thương hàn, lỵ, *E.coli*), vi khuẩn tả	4		
7	*Mycobacterium* (lao). *Clostridium* (uốn ván, hoại thư sinh hơi, ngộ độc thịt), xoắn khuẩn giang mai	4		
8	Trực khuẩn dịch hạch, bạch hầu, mủ xanh, *Hemophilus influenzae*. Trực khuẩn ho gà.	4		
9	Các virus gây viêm gan (HBV, HCV, HAV), Virus gây hội chứng SGMD ở người.	4		
10	*Myxovirus* (cúm, sởi). *Arbovirus* (Dengue, VNNB B)	4		
11	*Enterovirus. Rotavirus. Adenovirus.*	4		
12	Virus Herpes và thủy đậu. Virus dại, HPV	4		
Thực hành (30 tiết)				
1	Quan sát hình thể vi khuẩn	4		
2	Làm tiêu bản nhuộm vi khuẩn- Các phương pháp nhuộm soi vi khuẩn	4		
3	Cách lấy bệnh phẩm- Cấy phân lập vi khuẩn	4		
4	Cấy định danh vi khuẩn	4		
5	Kháng sinh đồ	4		
6	Ứng dụng một số phản ứng miễn dịch vào chẩn đoán vi sinh	4		
7	Tham quan phòng xét nghiệm –	4		

	Kiến tập ứng dụng sinh học phân tử tại labo bệnh viện			
8	Thi thực hành	2		

8. <u>Cơ sở vật chất</u>

Bộ môn Vi sinh có 02 cơ sở thực hành: tại Bộ môn Vi sinh - Trường Đại học Y Hải Phòng và khoa Vi sinh - Bệnh viện Việt Tiệp.

Tại Bộ môn Vi sinh - Trường Đại học Y Hải Phòng

- 01 phòng thực hành 1: gồm 46 kính hiển vi, tủ ấm.
- 01 phòng thực hành 2: gồm tủ sấy, nồi hấp vô trùng, dụng cụ, hóa chất phục vụ học tập và NCKH.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chúc

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Hùng Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SỨC KHOẺ MÔI TRƯỜNG – SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

1. **Đối tượng**: Bác sỹ đa khoa hệ 6 năm- năm 3 và bác sĩ đa khoa hệ 4 năm- năm 2

2. **Số đơn vị học trình**: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2

3. **Số tiết học**: Lý thuyết: 30 Thực hành: 32

4. **Số lần kiểm tra**: 1 Số chứng chỉ: 1

B. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

1. **Số đơn vị học trình**: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

2. **Số tiết học**: Lý thuyết: 15 Thực hành: 16

3. **Mục tiêu môn học**:

1. Trình bày được các định nghĩa và khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng lên sức khoẻ
2. Trình bày được các yếu tố gây ô nhiễm: nguồn gốc, yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khoẻ
3. Trình bày các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau
4. Khảo sát đánh giá được một số yếu tố môi trường, tác động của môi trường lên sức khoẻ

4. **Nội dung:**

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Buổi giảng	GV
1	Đại cương sức khỏe môi trường	1	0	1	TS.Hương
2	Vệ sinh nước và cung cấp nước sạch	2	4	2	TS.Hương
3	Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng	2	2	3	ThS.Ngọc
4	Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng	2	4	3	TS.Hương
5	Quản lý và xử lý chất thải	2	2	1	TS.Hương
6	Vệ sinh bệnh viện	2	0	1	TS.Hương
7	Vệ sinh trường học	2	4	4	ThS.Ngọc
8	Vệ sinh nhà ở	2	0	4	ThS.Ngọc
	Tổng số	**15**	**16**		

5. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Bài tập tình huống

*Địa điểm thực hành: - Phòng thực tập Khoa
- Trung tâm Y tế dự phòng thành phố
- Trung tâm Y tế huyện ngoại thành

6. Lượng giá:

- Câu hỏi lượng giá đầu học phần:
  - Anh/Chị cho biết khái niệm Sức khỏe môi trường là gì?
  - Anh/chị cho biết sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người?
  - Theo Anh/chị, các vấn đề môi trường hiện nay mà con người gặp phải là gì?
  - Anh/Chị cho biết các biện pháp dự phòng ô nhiễm môi trường hiện nay Anh/chị đang áp dụng.
- Câu hỏi lượng giá giữa học phần: bài kiểm tra tư cách, sinh viên làm bài tập tình huống sau, nộp lấy bài tư cách:

  Gia đình bà Sửu ở xóm 1, một huyện nghèo của Thanh Hóa, trước đây thường xuyên sử dụng nguồn nước giếng khơi để ăn uống và sinh hoạt. Nhà bà Sửu có một bể chứa nước sạch để dự trữ nước khi trạm cấp nước bị mất điện, không cung cấp nước. Nguồn nước có màu vàng, có mùi lạ, vị mặn.

  Là cán bộ y tế, Anh/Chị đánh giá như thế nào về bể chứa nước của gia đình bà Sửu? Anh/Chị sẽ tư vấn ra sao trong trường hợp này?

- Lượng giá thực hành: Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi thực hành, nộp báo cáo thực hành sau mỗi buổi, điểm thực hành tính trên trung bình các điểm từ mỗi buổi

- Lượng giá hết học phần:điểm điều kiện từ các báo cao thực hành để tính tư cách thi lý thuyết, điểm lý thuyết sẽ là điểm chung cả học phần. Hình thức thi lý thuyết: Trắc nghiệm: câu hỏi MCQ, Đúng/Sai, Ngỏ ngắn

7. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Hải Phòng (2012). Tài liệu học tập lý thuyết
- Bộ Y tế, Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ môi trường, Nhà xuất bản y học

8. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Hải Phòng (2012). Tài liệu học tập lý thuyết
- Bộ Y tế, Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ môi trường, Nhà xuất bản y học

9. Tài liệu tham khảo

1) Bộ Y Tế. Trường Đại học Y Hà Nội (1995). Vệ sinh môi trường - Tập 1
2) Bộ Y Tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2002). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 2
3) B. Wisner (2002). Environmental health in emergencies and disasters, Geneva : World Health Organization
4) Doãn Ngọc Hải (2015). Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và môi trường - Tập 2, Nhà xuất bản y học
5) Đào Ngọc Phong (2009). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 1, Nhà xuất bản y học
6) Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chỉnh (2002). Sức khoẻ môi trường – Tập 1, Nhà xuất bản y học
7) Environmental policy and public health : Air ollution, global climate change, and wilderness, San Francisco : Jossey-Bass, 2012
8) Geneva : WHO (1996). Creating supportive environments for health

9) Geneva : WHO (2000). Hazardous chemicals in human and environmental health

10) Nguyễn Mạnh Liên (2006). Y học môi trường và lao động, Nhà xuất bản y học

11) Nguyễn Thị Thu (2007). Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học

12) Rom N. William (1992). Environmental and occupational medicine, Boston : Little.

13) The World Bank (2008) Global monitoring report 2008: MDGs and Environment

10. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

- Bộ môn Sức khoẻ môi trường, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược Hải Phòng

11. Cơ sở vật chất

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng
- Phòng thực hành: dụng cụ thực hành, máy móc, tiêu hao

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012.

BAN GIÁM HIỆU	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
Phạm Văn Kín	Nguyễn Bá Dũng	Dương Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DỊCH TỄ HỌC

Đối tượng: **Y đa khoa (chính qui, liên thông chính qui)** **Mã số:**

Số ĐVHT: 4 **Lý thuyết: 3** **Thực hành: 1**

Số tiết học **Lý thuyết: 48** **Thực hành: 32**

Số lần kiểm tra: 2

1. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Dịch tễ học gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

2. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng

Mục tiêu kiến thức:

1. Nêu được đặc điểm và ứng dụng của dịch tễ học
2. Trình bày được cách tiếp cận dịch tễ học để định nghĩa, đo lường sự xuất hiện những tình trạng liên quan đến sức khỏe trong quần thể
3. Phân tích được những điểm mạnh và hạn chế của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học
4. Nêu được những đóng góp của dịch tễ học để phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và xây dựng chính sách y tế, thực hành lâm sàng.
5. Nêu được vai trò của dịch tễ học trong đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình can thiệp

Mục tiêu thái độ:

1. Nhìn nhận được vai trò quan trọng và cần thiết của DT trong y học.
2. Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật của DTH để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.

Mục tiêu kỹ năng:

1. Tính toán được các số đo mắc bệnh và tử vong
2. Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát bệnh

3. NỘI DUNG MÔN HỌC

TT	CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC	LT	TH
1	Nhập môn - Cách đề cập dịch tễ học - Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	4	0
2	Số đo mắc bệnh - tử vong	2	4
3	Phương pháp nghiên cứu mô tả	4	0
4	Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	2	4
5	Phương pháp nghiên cứu thuần tập	2	4
6	Phương pháp nghiên cứu can thiệp	4	0
7	Sàng tuyển phát hiện bệnh sớm	2	4
8	Chẩn đoán cộng đồng	2	4
9	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	2	4
10	Các sai số trong nghiên cứu	4	0
11	Phân tích và trình bày kq nghiên cứu	2	4
12	Nguyên lý dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng	4	0
13	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, đường tiêu hóa, đường máu, đường da và niêm mạc	4	0
14	Giám sát Dịch tễ học	4	0
15	Dịch tễ học nhiễm HIV/AIDS	4	0
16	Tiêm chủng phòng bệnh	2	4
	Tổng	48	32

4. Phương pháp dạy học:

- Dạy học tích cực
- Thảo luận nhóm
- Làm bài tập mẫu

5. Lượng giá

- Lượng giá quá trình: câu hỏi trắc nghiệm; bài tập.
- Đánh giá học phần:
  - Thực hành: Tham gia đầy đủ các bài thực hành; kết quả kiểm tra thực hành đạt thì sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc môn học
  - Điểm tổng kết học phần = Điểm bài thi kết thúc học phần
    Bài thi kết thúc học phần gồm 90 câu hỏi, làm bài trong 60 phút

6. Tài liệu học tập và tham khảo

6.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay Khoa Y tế Công Cộng, trường Đại học Y Hải phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y Hải phòng. Dịch tễ học, NXB Y học (2012)
- Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2006
- PGS.TS. Dương Đình Thiện, Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, NXB Y học, 2001.
- Trường Đại học Y Hà Nội, Thực hành dịch tễ học, NXB Y học, 1996

7. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dịch tễ học. Khoa Y tế Công cộng-Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

8. Chuẩn bị cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm. 2012..

BAN GIÁM HIỆU	P. KHOA YTCC	TRƯỞNG BỘ MÔN
Phạm Văn Hán	**Nguyễn Bá Dụng**	**Nguyễn Thị Thanh Bình**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ 4 VÀ 6 NĂM

1. **Mã số:**
2. **Số đơn vị học trình: 3** **Lý thuyết: 2** **Thực hành:1**
3. **Số tiết học:** 60 **Lý thuyết: 30** **Thực hành:** 30
4. **Số lần kiểm tra: 1** **Số chứng chỉ: 1**
5. **Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm, Khoa Y tế công cộng
6. **Cán bộ tham gia giảng dạy:**
   ThS. Nguyễn Thị Thắm
   ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh
7. **MỤC TIÊU HỌC TẬP:**

7.1. Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng, vệ sinh thực phẩm với sức khoẻ và bệnh tật của cộng đồng.

7.2. Trình bày được vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng đối với cơ thể, thành phần, giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm

7.3. Trình bày được nguyên nhân, cách phát hiện và biện pháp phòng chống tình trạng thiếu hay thừa dinh dưỡng.

7.4. Trình bày được nguyên tắc vệ sinh ăn uống, vệ sinh bảo quản, chế biến thực phẩm.

7.5. Trình bày được những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng chế độ ăn điều trị .

7.6. Đánh giá được tình trạng thiếu, thừa dinh dưỡng và một số vấn đề vệ sinh ăn uống công cộng và gia đình.

8. **NỘI DUNG:**

STT	CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC	LT	TH	Buổi	Giảng viên
1.	Dinh dưỡng và sức khoẻ	2		1	Thắm
2.	Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng.	4		2	Linh
3.	Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thức ăn	4		3	Linh
4.	Các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khoẻ cộng đồng	4		4,5	Thắm
5.	Chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng	2		6	Linh

6.	Giáo dục truyền thông dinh dưỡng	2			
7.	Các nguyên tắc trong dinh dưỡng điều trị	4		7	Thắm
8.	Ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng chống	4		8	Linh
9.	Vệ sinh ăn uống công cộng, vệ sinh chế biến bảo quản và chế biến một số loại thực phẩm	4		9	Linh
10.	Nuôi con bằng sữa mẹ		4	1	Linh
11.	Sử dụng biểu đồ tăng trưởng		4	2	Linh
12.	Một số test nhanh kiểm tra nhà ăn công cộng		4	3	
13.	Đánh giá khẩu phần ăn		8	4-5	Thắm
14.	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng chỉ tiêu nhân trắc.		4	6	Linh
15.	Thực hành chế độ ăn bổ sung		4	7	Linh
16.	Kiểm tra vệ sinh thực phẩm cơ sở sản xuất chế biến ăn uống 1công cộng		2	8	
	Tổng:	**30**	**30**		

9. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Nghiên cứu trường hợp
- Thực hành (Phòng thí nghiệm, cộng đồng)
- Bài tập.

10. Lượng giá:

Đánh giá ban đầu: Sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ, tích cực tại bộ môn

10.1. Lượng giá đầu khóa học

+ Đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt được trước khi học môn:

- Anh/chị biết những vấn đề sức khỏe nào liên quan đến dinh dưỡng?
- Chuyển hóa cơ bản là gì? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới chuyển hóa cơ bản?
- Chất dinh dưỡng là gì? Có những nhóm chất dinh dưỡng nào?
- Theo anh/chị có mấy nhóm thức ăn? Kể tên?
- Anh/chị đã từng bị ngộ độc thực phẩm bao giờ chưa? Tại sao anh/chị cho rằng đó là ngộ độc thực phẩm? Cách xử trí?
- Theo anh/chị có mối liên quan giữa dinh dưỡng và điều trị không?

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ, hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

10.2. Lượng giá quá trình: Kiểm tra tư cách

10.3. Lượng giá cuối khóa:

+ Yêu cầu về thực hành:

- Sinh viên vắng mặt 1 buổi thực hành không được tham gia thi thực hành.
- Điểm phần thực hành phải đạt từ 5 điểm trở lên
- Hình thức thi: thi thực hành, thi vấn đáp
- Sinh viên vắng mặt trên 20% tổng số tiết quy định của học phần không được dự thi hết học phần.
- Bài thi hết môn, hình thức thi: Test
- Bài tập, tình huống

11. Tài liệu:

- Tài liệu phát tay Khoa Y tế Công Cộng, trường Đại học Y Hải phòng (2010)
- Trường Đại học Y Hà Nội, Dinh Dưỡng An toàn thực phẩm, NXB Y học, 2006
- Trường Đại học Y Hà Nội, Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, NXB Y học, 2006.
- Bảng thành phần hóa học của thực phẩm (2006). Viện Dinh dưỡng. Nhà xuất bản Y học
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Nhi, Bài giảng Nhi Khoa tập 1, NXB Y học 2006
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Nội, Bệnh học Nội Khoa, NXB Y học, 2006

12. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP. Khoa Y tế Công cộng-Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

13. Cơ sở vật chất

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng
- Phòng thực hành

Ngày tháng năm 2012

BAN GIÁM HIỆU	P. TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
	Nguyễn Bá Dũng	Lê Thị Sơn Thủy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (32/0)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ đa khoa năm thứ 4
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Các Bộ môn thuộc Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học "Chương trình y tế quốc gia" giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản và phổ cập về các chương trình y tế quốc gia đang được thực hiện trong gia đoạn hiện nay.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được được mục tiêu, giải pháp chung của ngành y tế để thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia

2. Trình bày được mục tiêu định hướng và các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của từng chương trình mục tiêu y tế quốc gia
3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết		Người giảng
		LT	TH	
1.	Giới thiệu về các chương trình YTQG	2		PGS. TS. Dương Thị Hương
2.	Chương trình phòng chống SDD	3		Ths. Nguyễn Thị Thùy Linh
3.	Chương trình đảm bảo chất lượng và VSATTP	2		Ths. Nguyễn Thị Thắm
4.	Chương trình phòng chống sốt xuất huyết	3		PGS. TS. Phạm Minh Khuê
5.	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	3		Ths. Trần Thị Bích Hồi
6.	Chương trình phòng chống sốt rét	2		PGS. TS. Dương Thị Hương
7.	Chương trình vệ sinh môi trường	2		Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc
8.	Chương trình phòng chống TNTT	3		Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc
9.	Chương trình phòng chống thảm họa	2		PGS. TS. Dương Thị Hương
10.	Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá	2		BSCKII. Nguyễn Bá Dụng
11.	Chương trình phòng chống Lao	2		PGS. TS. Phạm Minh Khuê
12.	Chương trình phòng chống bệnh tâm thần tại cộng đồng	2		Ths. Trần Thị Thúy Hà
13.	Chương trình phòng chống rượu, ma túy	2		Ths. Nguyễn Thị Thắm
14.	Chương trình phòng chống phong	2		Ths. Trần Thị Thúy Hà
	TỔNG SỐ	**28**		

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Các chương trình y tế quốc gia gia đoạn 2012-2015, chiến lược 2020, 2030

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG	LÃNH ĐẠO KHOA
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN

5TRƯỜNG ĐH Y HP
KHOA Y TẾ CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ ĐA KHOA

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 3(2/1)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/30)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ đa khoa (6 năm) năm 4;
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần này bao gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
2. Trình bày được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng

4. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Giảng viên
1	Quan điểm & chính sách y tế VN	3	3	BSCKII. Nguyễn Bá Dụng
2	Hệ thống tổ chức ngành y tế VN	3	3	Ths. Trần Thị Thúy Hà
3	Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	3	3	Ths. Trần Thị Bích Hồi
4	Lập kế hoạch y tế	3	3	Ths. Trần Thị Bích Hồi
5	Điều hành, giám sát các hoạt động	3	3	Ths. Trần Thị Bích Hồi

	YT			
6	Đánh giá các hoạt động y tế	3	3	Ths. Trần Thị Bích Hồi
7	Quản lý tài chính & vật tư y tế	3	3	Ths. Trần Thị Bích Hồi
8	Quản lý nhân lực y tế	3	3	Ths. Trần Thị Thúy Hà
9	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	3	3	Ths. Trần Thị Thúy Hà
10	Quản lý BV	3	3	Ths. Phạm Minh Tâm
	TỔNG	30	30	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Thực hành: Đi thực tế tìm hiểu tại các TTYT thành phố, tuyến quận/huyện và xã phường

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Thực hành: Đi thực tế viết bài thu hoạch theo chủ đề giảng viên phân công
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2011),Tổ chức và quản lý y tế, Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, NXB Y học
- Trương Việt Dũng, Phạm Duy Luật (2009), Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế, Trường Đại học y Hà Nội.
- Dương Huy Liệu, Trương Việt Dũng (2006), Quanr lý y tế, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2012

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢCHẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bộ môn Nội	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hải Phòng, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NỘI CƠ SỞ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số đơn vị học trình: 8 Lý thuyết: 4 Thực hành: 4
Phân bố thời gian (tiết): 240 Lý thuyết: 60 Thực hành: 180
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y3 đa khoa
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội
Giảng viên:

1. PGS Phạm Văn Nhiên
2. PGS Nguyễn Thị Dung
3. PGS Đỗ Thị Tính
4. BSCKII. Ngô Văn Điển
5. BS Vũ Mạnh Tân
6. ThS Lê Thị Diệu Hiền
7. ThS Kê Thị Lan Anh
8. ThS Vũ Thị Thu Trang
9. ThS Nguyễn Ngọc Ánh
10. ThS Trịnh Hồng Nhung
11. ThS Đỗ Thị Thanh Loan
12. ThS Đoàn Thị Út
13. BSNT Đỗ Quang Tùng
14. BSNT Phạm Chính Nghĩa
15. BS Bùi Hồng Nhung
16. BS Đào Trọng Dương
17. BS Bùi Đức Hiển

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng các bệnh nội khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhâncác bệnh nội khoa và các hội chứng thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Khai thác được bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân.

- Khám đúng kỹ thuật, thành thạo và phát hiện được các triệu chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Mô tả được các triệu chứng, hội chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Nêu được các nguyên nhân chính của triệu chứng và hội chứng thường gặp.
- Đánh giá và vận dụng được các kết quả xét nghiệm trong lâm sàng.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Tiếp cận bệnh nhân và làm bệnh án	3	9
2.	Khám bộ máy tuần hoàn	3	9
3.	Hội chứng suy tim	2	6
4.	Khám bệnh nhân thiếu máu	1	3
5.	Khám và chẩn đoán xuất huyết	2	6
6.	Khám bộ máy hô hấp	3	9
7.	Hội chứng tràn dịch màng phổi	2	6
8.	Hội chứng tràn khí màng phổi	2	6
9.	Khám bộ máy tiêu hoá	3	9
10.	Khám và chẩn đoán cổ trướng	2	6
11.	Khám và chẩn đoán vàng da	2	6
12.	Khám và chẩn đoán gan to	2	6
13.	Khám bệnh nhân đau bụng	2	6
14.	Khám và chẩn đoán phù	2	6
15.	Khám bệnh nhân hôn mê	2	6
16.	Khám bệnh nhân khó thở	2	6
17.	Khám và chẩn đoán hạch to	2	6
18.	Khám và chẩn đoán lách to	2	6
19.	Khám và chẩn đoán sốt	2	6

20.	Khám hệ nội tiết	2	6
21.	Khám bệnh nhân đái tháo đường	2	6
22.	Khám hệ tiết niệu	3	9
23.	Khám và chẩn đoán đái máu	2	6
24.	Khám bệnh nhân đau lưng	2	6
25.	Khám bệnh nhân đau ngực	2	6
26.	Khám hệ vận động	3	9
27.	Khám hệ thần kinh	3	9

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm,…

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Triệu chứng học nội khoa – Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Nội khoa cơ sở tập 1 - Các bộ môn Nội, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Nội khoa cơ sở tập 2 - Các bộ môn Nội, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Bài giảng kỹ năng giao tiếp cho sinh viên y khoa, nhà xuất bản Y học năm 2014.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…

- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- Đánh giá ban đầu.

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội cơ sở.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Nội cơ sở.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:
  + Giảng đường.
  + Máy chiếu.
  + Bảng.
  + Loa đài, micro.
- Thực hành:
  + Mô hình.
  + Máy đo huyết áp.
  + Thước dây.
  + Tranh minh hoạ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS. Phạm Văn Nhiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢCHẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bộ môn Nội	*Hải Phòng, ngày tháng năm*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NỘI BỆNH LÝ 1

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số đơn vị học trình: 9 Lý thuyết: 4 Thực hành: 5
Phân bố thời gian (tiết): 317 Lý thuyết: 80 Thực hành: 237
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y4 đa khoa
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội
Giảng viên:

1. PGS Phạm Văn Nhiên
2. PGS Nguyễn Thị Dung
3. PGS Đỗ Thị Tính
4. BSCKII. Ngô Văn Điển
5. BS Vũ Mạnh Tân
6. ThS Lê Thị Diệu Hiền
7. ThS Kê Thị Lan Anh
8. ThS Vũ Thị Thu Trang
9. ThS Nguyễn Ngọc Ánh
10. ThS Trịnh Hồng Nhung
11. BSNT Đỗ Quang Tùng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh; phát hiện các triệu chứng, hội chứng lâm sàng chính để chẩn đoán sơ bộ, chẩn đoán phân biệt; đề xuất và phân tích xét nghiệm để chẩn đoán xác định. Xử trí bước đầu các bệnh nội khoa thường gặp, phát hiện và xử trí kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường. Phân loại bệnh nhân, tư vấn giáo dục sức khỏe và sử dụng thuốc hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày được triệu chứng điển hình, cách chẩn đoán và các phương pháp điều trị bệnh nội khoa thường gặp.

- Nêu được các triệu chứng điển hình và nội dung điều trị các trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp.
- Nêu được nội dung phân loại và ra quyết định chuyển bệnh nhân đúng những trường hợp nặng vượt quá khả năng của tuyến cơ sở.
- Trình bày đúng các biện pháp tư vấn, phòng bệnh và quản lý sức khỏe tại cộng đồng.
- Nêu được cách sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Tăng huyết áp	3	9
2.	Hẹp hở van 2 lá	3	9
3.	Hẹp hở van động mạch chủ	2	6
4.	Điều trị suy tim	3	9
5.	Điện tim đồ ứng dụng trong lâm sàng	3	9
6.	Hen phế quản	3	9
7.	Viêm phế quản cấp, mạn	3	9
8.	Viêm phổi thuỳ	3	9
9.	áp xe phổi	3	9
10.	Chẩn đoán và điều trị nội khoa loét dạ dày tá tràng	3	9
11.	Chẩn đoán và xử trí xuất huyết tiêu hoá cao.	3	9
12.	Viêm khớp dạng thấp	3	9
13.	Xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân	3	9
14.	Đái tháo đường	4	12
15.	Basedow	3	9
16.	Bướu giáp trạng đơn thuần	3	9

17.	Chẩn đoán và điều trị hội chứng thận hư thứ phát	3	9
18.	Tâm phế mạn	3	9
19.	Cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn	3	9
20.	Xơ gan	3	9
21.	áp xe gan do amíp	3	9
22.	Điện giật	3	9
23.	Ngạt nước	3	9
24.	Rắn cắn	2	6
25.	Nguyên tắc xử trí ngộ độc cấp	2	6
26.	Một số ngộ độc cấp thường gặp (phospho hữu cơ, Bacbituric, thuốc chuột)	4	12
27.	COPD	3	6

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng,…

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học nội khoa tập 1– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Bệnh học nội khoa tập 2– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học nội khoa tập 1- Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Bệnh học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 1 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học

- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,...

- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.

- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- Đánh giá ban đầu.

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội bệnh học.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Nội bệnh học.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

- Hình thức thi: tự luận

- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:
  + Giảng đường.
  + Máy chiếu.
  + Bảng.
  + Loa đài, micro.
- Thực hành:
  + Mô hình.
  + Máy đo huyết áp.
  + Thước dây.
  + Tranh minh hoạ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS. Phạm Văn Nhiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bộ môn Nội	*Hải Phòng, ngày tháng năm*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NỘI BỆNH LÝ 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số đơn vị học trình: 10 Lý thuyết: 5 Thực hành: 5
Phân bố thời gian (tiết): 220 Lý thuyết: 55 Thực hành: 165
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y6 đa khoa
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội
Giảng viên:

1. PGS Phạm Văn Nhiên
2. PGS Nguyễn Thị Dung
3. PGS Đỗ Thị Tính
4. BSCKII. Ngô Văn Điển
5. BS Vũ Mạnh Tân
6. ThS Lê Thị Diệu Hiền
7. ThS Kê Thị Lan Anh
8. ThS Vũ Thị Thu Trang

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh; phát hiện các triệu chứng, hội chứng lâm sàng chính để chẩn đoán sơ bộ, chẩn đoán phân biệt; đề xuất và phân tích xét nghiệm để chẩn đoán xác định. Xử trí bước đầu các bệnh nội khoa thường gặp, phát hiện và xử trí kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường. Phân loại bệnh nhân, tư vấn giáo dục sức khỏe và sử dụng thuốc hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày được triệu chứng điển hình, cách chẩn đoán và các phương pháp điều trị bệnh nội khoa thường gặp.
- Nêu được các triệu chứng điển hình và nội dung điều trị các trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp.
- Nêu được nội dung phân loại và ra quyết định chuyển bệnh nhân đúng những trường hợp nặng vượt quá khả năng của tuyến cơ sở.

- Trình bày đúng các biện pháp tư vấn, phòng bệnh và quản lý sức khỏe tại cộng đồng.
- Nêu được cách sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Viêm gan mạn	2	6
2.	An toàn truyền máu	2	6
3.	Chẩn đoán và xử trí đau ngực	2	6
4.	Chẩn đoán và xử trí đau lưng	2	6
5.	Nhức đầu	2	6
6.	Suy thận cấp	3	9
7.	Viêm cầu thận mạn	2	6
8.	Suy thận mạn	2	6
9.	Viêm đài bể thận cấp, mạn	2	6
10.	Viêm bàng quang, niệu đạo	2	6
11.	Shock	2	6
12.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	2	6
13.	Cấp cứu ho ra máu	2	6
14.	Cơn đau thắt ngực	3	9
15.	Nhồi máu cơ tim	3	9
16.	Táo bón	2	6
17.	Cấp cứu tai biến mạch não	2	6
18.	Chẩn đoan và điều trị thiếu máu	3	9
19.	Chẩn đoán và xử trí tràn khí màng phổi	2	6
20.	Hội chứng ruột kích thích	3	9
21.	Một số đặc điểm bệnh lý và nguyên tắc điều trị bệnh ở người cao tuổi	3	9
22.	Ung thư phổi	3	9

23.	Leucemie cấp	2	6
24.	Leucemie kinh	2	6

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

Thuyết trình, thảo luận nhóm, tình huống lâm sàng,…

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của môn học,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học nội khoa tập 1– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Bệnh học nội khoa tập 2– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học nội khoa tập 1- Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học nặm 2012.
- Bệnh học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 1 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:

- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.

- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- Đánh giá ban đầu.

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội bệnh học.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Nội bệnh học.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:
  + Giảng đường.
  + Máy chiếu.
  + Bảng.
  + Loa đài, micro.
- Thực hành:
  + Mô hình.
  + Máy đo huyết áp.
  + Thước dây.
  + Tranh minh hoạ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS. Phạm Văn Nhiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI - PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NGOẠI CƠ SỞ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình: 8 Lý thuyết: 4 Thực hành: 4

Phân bố thời gian (tiết): 240 Lý thuyết: 60 Thực hành: 180

Đối tượng sinh viên: Y3 đa khoa

Chứng chỉ 1: Lý thuyết Ngoại Cơ sở

Chứng chỉ 2: Thực hành lâm sàng Ngoại cơ sở

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại & PTTH

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng các bệnh ngoại khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng.

Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh ngoại khoa và các hội chứng thường gặp.

Thái độ: Luôn có thái độ tích cực trong học tập, chủ động trong giao tiếp với bệnh nhân, có tình yêu nghề, hình thành bước đầu tư duy lâm sàng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Khai thác được bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân.

- Khám đúng kỹ thuật, thành thạo và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của các hội chứng Ngoại khoa thường gặp trong lâm sàng.
- Mô tả được các triệu chứng, hội chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Nêu được các nguyên nhân chính của triệu chứng và hội chứng thường gặp.
- Đánh giá và vận dụng được các kết quả xét nghiệm trong lâm sàng.
- Thực hiện một số động tác vô trùng cơ bản trong Ngoại khoa

4. TỔ CHỨC DẠY HỌC (Chương trình chi tiết kèm theo)

STT	Tên bài giảng	Lý thuyết	Thực hành	Người giảng
1	Khám bụng ngoại khoa	3	8	PGS.TS. Duyệt
2	H/c VPM	2	6	PGS.TS. Duyệt
3	Bệnh án ngoại khoa	3	8	PGS.TS. Duyệt
4	Vô trùng, tiệt trùng nhà mổ	1	6	BS Thành E
5	Truyền máu và các chất thay thế	1	6	BS Thành E
6	Đại cương gây mê, gây tê	2	6	ThS. Hùng E
7	Choáng giảm thể tích	2	6	ThS. Hùng E
8	H/c tắc ruột	2	6	ThS. Thương
9	H/c vàng da tắc mật	2	6	ThS. Thương
10	H/c chảy máu trong	2	6	ThS. Tiến
11	Chuẩn bị BN trước mổ	3	8	ThS. Tiến
12	Bí đái	2	6	BS Tùng
13	Đái máu	2	6	BS Tùng
14	Hội chứng TALNS	3	8	ThS Thành D
15	Hội chứng chèn ép tủy	3	8	ThS Thành D
16	Khám cột sống, đầu mặt cổ	3	8	ThS Thành D
17	Khám CTSN	3	8	ThS Thành D
18	Khám mạch máu TK ngoại vi	2	6	BS Sơn

19	Khám chấn thương VT ngực	2	6	BS Sơn
20	NK ngoại khoa	3	8	BS Hưng
21	Khám bẹn bìu, TSM, hậu môn	3	8	BS Hưng
22	Khám hệ tiết niệu nam, SD nam, bẹn bìu	3	8	ThS Thắng C
23	T/c nhọt, hậu bối, áp xe, chín mé	2	6	BS Nguyên
24	Các loại bột	2	6	BS Chuyện
25	Khám chi, T/c học gãy xương, sai khớp	3	8	BS Chuyện
26	Đại cương bỏng	3	8	TS Trung
	Tổng	60	180	

NỘI DUNG HỌC PHẦN

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm,…

5.2. Phương pháp học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Triệu chứng học ngoại khoa – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Ngoại khoa cơ sở - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 1999.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sang

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.

Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

  + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

  + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phầnSinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 5.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:*** Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 90 phút

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bênh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chúc	PGS.TS Phạm Văn Duyệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI - PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NGOẠI BỆNH LÝ I

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình: 7 Lý thuyết: 3 Thực hành: 4

Phân bố thời gian (tiết): 225 Lý thuyết: 45 Thực hành: 180

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y đa khoa

Chứng chỉ 1: Lý thuyết Ngoại Bệnh học 1

Chứng chỉ 2: Thực hành lâm sàng Ngoại Bệnh học 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về bệnh lý các bệnh ngoại khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh ngoại khoa và các hội chứng thường gặp. Trình bày được các đặc điểm dịch tễ, tổn thương giải phẫu bệnh lý của các bệnh Ngoại khoa thường gặp. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt các bệnh Ngoại khoa thường gặp. Trình bày được các nguyên tắc sơ cứu và chỉ định điều trị Ngoại khoa

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Chẩn đoán được một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp

- Sơ cứu được một số cấp cứu ngoại khoa
- Đề xuất chuyển sớm và đúng tuyến điều trị
- Thực hiện được một số thủ thuật và tiểu phẫu đơn giản.
- Thực hiện được một số vấn đề về truyền thông giáo dục phòng bệnh Ngoại khoa.

4. TỔ CHỨC DẠY HỌC (Chương trình chi tiết kèm theo)

STT	Tên bài giảng	Giờ LT	Giờ TH	Giảng viên
1	Chấn thương và vết thương bụng	2	10	PGS.TS Duyệt
2	Viêm tụy cấp	2	8	PGS.TS Duyệt
3	Tắc ruột sơ sinh	2	8	ThS Thương
4	Lồng ruột ở trẻ còn bú	3	10	ThS Thương
5	Thủng dạ dày	3	8	BS Tiến
6	Viêm ruột thừa	3	8	BS Tiến
7	Chảy máu do loét DD-TT	4	8	BS Tuấn Anh
8	Sỏi OMC	3	8	ThS Thắng C
9	Chấn thương thận	3	8	ThS Thắng C
10	Sỏi tiết niệu	2	8	ThS Thắng C
11	VT mạch máu-H/c chèn ép khoang	2	8	BS Sơn
12	CT ngực kín - VT ngực	2	8	BS Sơn
13	CTSN - VTSN	2	8	BS Hùng B
14	Gãy cột sống	2	8	BS Hùng B
15	Gãy trên lồi cầu xương cánh tay	2	8	BS Hưng B
16	Trật khớp vai- Khuỷu- Háng	2	10	BS Hưng B
17	Gãy Pouteau-Colles và gãy 2 xương cẳng tay	2	10	BS Nguyên
18	Gãy cổ và thân xương đùi	2	8	BS Chuyện
19	Gãy 2 xương cẳng chân	2	8	BS Chuyện

20	Chấn thương niệu đạo - bàng quang	2	10	TS Chiến
21	U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	2	10	BS Tùng
	Tổng	45	180	

NỘI DUNG HỌC PHẦN

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

a. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm, hướng dẫn ở phòng tiền lâm sàng….

b. Phương pháp học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…
- Sinh viên: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

a. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học ngoại khoa – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

b. Tài liệu tham khảo

- Ngoại khoa Bệnh học - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2006, tập 1,2

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sang

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.

- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

  + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

  + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 5.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ***
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bênh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Phạm Văn Duyệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI - PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NGOẠI BỆNH LÝ 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình: 8 Lý thuyết: 4 Thực hành: 4

Phân bố thời gian: 240 Lý thuyết: 60 Thực hành: 180

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y6 đa khoa

Chứng chỉ 1: Lý thuyết Ngoại Bệnh học 2

Chứng chỉ 2: Thực hành lâm sàng Ngoại Bệnh học 2

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về bệnh lý các bệnh ngoại khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh ngoại khoa và các hội chứng thường gặp. Trình bày được các đặc điểm dịch tễ, tổn thương giải phẫu bệnh lý của các bệnh Ngoại khoa thường gặp. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt các bệnh Ngoại khoa thường gặp. Trình bày được các nguyên tắc sơ cứu và chỉ định điều trị Ngoại khoa

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Chẩn đoán được một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp
- Sơ cứu được một số cấp cứu ngoại khoa
- Đề xuất chuyển sớm và đúng tuyến điều trị

- Thực hiện được một số thủ thuật và tiểu phẫu đơn giản.
- Thực hiện được một số vấn đề về truyền thông giáo dục phòng bệnh Ngoại khoa.

4. TỔ CHỨC DẠY HỌC (Chương trình chi tiết kèm theo)

STT	Tên bài giảng	Giờ LT	Giờ TH	Giảng viên
1	Trĩ dò hậu môn, sa trực tràng	3	8	PGS.TS Duyệt
2	Viêm phúc mạc các áp xe trong ổ bụng	3	8	PGS.TS Duyệt
3	Vỡ xương chậu	3	8	BS Hưng B
4	Dị tật bẹn bìu, lỗ đái lệch thấp	3	8	BS Hưng B
5	Lao xương, u xương, viêm xương	3	8	BS Hưng B
6	VT bàn tay, nhiễm khuẩn bàn tay	3	8	BS Tiến
7	Gãy xương hở	3	8	BS Chuyện
8	VT khớp	3	8	BS Chuyện
9	Điều trị ngoại khoa loét dạ dày- tá tràng	3	8	BS Tuấn Anh
10	Choáng nhiễm trùng	3	8	ThS Hùng E
11	Choáng chấn thương	3	8	ThS Hùng E
12	Hoại thư sinh hơi uốn ván	3	8	BS Nguyên
13	Thoát vị bẹn, thoát vị đùi	3	8	BS Sơn
14	B/c sỏi OMC	3	8	ThS Thương
15	Giãn đại tràng bẩm sinh	3	8	ThS Thương
16	Dị tật hậu môn, trực tràng	2	8	ThS Thương
17	U tinh hoàn, dương vật, nước màng tinh	2	8	ThS Thắng C
18	B/c sỏi niệu quản	2	6	ThS Thắng C
19	Xử trí CTSN trong 48 giờ đầu	2	6	BS Hùng B
20	Phồng ĐM, thông ĐM-TM	2	8	TS Doanh
21	Đại cương bệnh lý tuyến giáp	2	8	TS Doanh
22	Điều trị bỏng	2	8	TS Trung
23	B/c tiết niệu trong vỡ xương chậu	2	8	TS Chiến

	Tổng số	60	180	

NỘI DUNG HỌC PHẦN

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

a. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm, hướng dẫn ở phòng tiền lâm sàng….

b. Phương pháp học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…
- Sinh viên: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

a. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học ngoại khoa – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

b. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học Ngoại khoa - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2006, tập 1,2.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sang

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

  + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

  + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 5.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bênh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Phạm Văn Duyệt

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN SẢN CƠ SỞ

1. Mã số:

2. Số đơn vị học trình: 6 Lý thuyết: 3 Thực hành: 3

3. Số tiết học: 180 Lý thuyết: 145 Thực hành: 135

4. Đối tượng sinh viên : Bác sĩ đa khoa

5. Mục tiêu môn học:

5.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức sinh lý sinh dục nữ.
- Nêu được các kiến thức về sự mang thai, chuyển dạ đẻ và sau đẻ (bao gồm chăm sóc trẻ sơ sinh)
- Nêu được các kiến thức và thái độ xử trí ban đầu đối với một số cấp cứu (tai biến) sản khoa và phụ khoa: vỡ tử cung, chảy máu sau đẻ, tiền sản giật-sản giật, nhiễm khuẩn hậu sản, chửa ngoài tử cung.
- Trình bày được triệu chứng, cách chẩn đoán, xử trí, tiên lượng một số trường hợp cấp cứu: sản khó, sản bệnh lý, bệnh lý phụ khoa.
- Trình bày được cơ sở khoa học của kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.
- Vận dụng kiến thức về sản phụ khoa, dân số kế hoạch hóa gia đình trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

5.2 Thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường
- Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề thai nghén, sinh đẻ, chăm sóc sức khoẻ sinh sản và KHHGĐ
- Nhận thức được tác hại của các tai biến sản phụ khoa đến sức khỏe và tính mạng của thai phụ và thai nhi.

6. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Cách làm bệnh án sản khoa		4
2	Các làm bệnh án phụ khoa		4

3	Cách làm bệnh án hậu sản, hậu phẫu		4
4	Chảy máu thời kỳ sổ rau	2	5
5	Sinh lý chuyển dạ	1	5
6	Biểu đồ chuyển dạ	1	5
7	Chẩn đoán chuyển dạ	1	5
8	Những thay đổi giải phẫu sinh lý ở phụ nữ có thai	2	5
9	Sổ rau thường và hậu sản thường	2	5
10	Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ	2	5
11	Nhiễm khuẩn hậu sản	2	5
12	Phồng chống HIV/ AID với bà mẹ và tre sơ sinh	1	4
13	Đặc điểm thai nhi phân phụ đủ tháng	2	0
14	Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh	1	5
15	Suy thai	2	5
16	Hồi sức sơ sinh	1	5
17	Cao huyết áp do thai ghén sản giật	2	5
18	Cơ chế đẻ: ngôi chỏm chẩm chậu trái trước	2	5
19	Đẻ khó	2	5
20	Vỡ tử cung	2	5
21	Sinh lý phụ khoa	2	5
22	Sinh lý sự thụ thai	2	5
23	Chẩn đoán thai nghén	2	5
24	Ngôi thế kiểu thế	1	5
25	Tư vẫn chăm sóc trước sinh và quản lý thai ghén	2	0
26	Nuôi con sữ mẹ	2	5
27	Thai ghén nguy cơ cao	2	5
28	Khống chế nhiễm khuẩn	1	4
29	Các tổn thương lành tính cổ tử cung	1	5
30	Chửa ngoài tử cung	2	5

	Tổng	**45**	**135**

7. **Phương pháp dạy học:**
- Giảng dạy theo phương pháp tích cực, sinh viên đóng vai trò chủ đạo
- Đóng vai
- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Giải quyết vấn đề
- Case study
- Cầm tay chỉ việc trên mô hình và trên bệnh nhân

6. **Lượng giá:**
- Đánh giá ban đầu bằng bài test trắc nghiệm ngắn trước mỗi bài học
- Đáng giá quá trình tình huống lâm sàng khi sinh viên kết thúc mỗi khoa
- Đáng giá kết thúc học phần bằng bài thi test và thi lâm sàng hỏi bệnh thăm khám các kỹ năng trên bệnh nhân và thi bệnh án trên bàn hỏi thi.

7. **Tài liệu học tập:**
- Tài liệu giảng dạy sản phụ khoa của Dự án Hà Lan - trường Đại học Y Hải Phòng

8. **Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** BM sản phụ khoa

Các giảng viên giảng dạy

Lê Thanh Bình	BSCKII
Trần Thị Việt Phương	BSCKII
Lại Thị Nguyệt Hằng	BSCK II
Ngô Thị Uyên	Th.s
Đào Hải Yến	Th.s
Bùi Thị Minh Thu	Th.s
Nguyễn Thị Hoàng Trang	Th.s
Thái Thị Huyền	Bs

9. Tài liệu tham khảo

1. Bài giảng sản phụ khoa : Tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Y học, 2004. - 316tr. ; 27cm

2. Bài giảng sản phụ khoa: Tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2002. - 404tr. ; 27cm
3. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr. ; 27cm.
4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành phụ - sản : Ban hành kèm theo quyết định số 1377/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Y tế. - H. : Y học, 2016. - 283tr. ; 27cm
5. Hướng dẫn thực hành phụ khoa / Rozenbaum, H.. - Tp. HCM. : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh; 2000. – 280tr ; 19 cm.
6. Lâm sàng sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 2001. – 507tr. ; 19cm.
7. Phẫu thuật sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 1998. - 832 tr. ; 27 cm.
8. Phòng chống 5 tai biến sản khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Yhọc, 1995. – 32tr.; 19cm
9. Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành / Trường đại học Y Hà Nội - Bộ môn Sản Phụ khoa. - H. : Y học, 2004. - 457tr. ; 21cm.
10. Phụ khoa hình minh họa / Govan A.D.T. - H. : Y học, 1993. - 477 tr. ; 24 cm.
11. Sản khoa hình minh họa. - H. : Y hoc, 2006. - 443 tr. ; 27 cm
12. Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản: đáp án (sách dành cho học viên). - H. : Bộ Y tế - Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.

Tài liệu nước ngoài

13. Clinical manual of gynecology / Stovall, Thomas G. - 2nd ed. - London : Mcgraw-Hil, 1992. - 658p. ; 19cm
14. Comprehensive gynecology review. - 2nd ed. - London : Mosby, 1992. - 298p. ; 19cm
15. Obstetric and perinatal infections / Charles, David. - London : Mosby, 1993. - 365p. ; 19cm
16. Obstetrics fistula:guiding principles for clinical management and programme development. - Geneva : World Health Organization, 2006. - 73p. ; 27cm.

10. Cơ sở vật chất

- Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là cơ sở cho sinh viên thực tập, Đây là bệnh viện tuyến 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hàng năm

có khoảng 15.000 sản phụ sinh đẻ tại đây, mỗi ngày khám 400 lượt bệnh nhân

- Cở sở thực hành thực địa: Khoa Sản – Bệnh viện đa khoa Kiến An. Đây là bệnh viện khu vực 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiếp nhận bệnh nhân từ các tuyến cơ sở chuyển đến.
- Giảng đường trường đại học y Hải Phòng với đầy đủ hệ thống máy chiếu, loa, ánh sáng
- Giảng đường đặt tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng tiền lâm sàng với đầy đủ các mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.
- Giảng đường đặt tại Bệnh viện đa khoa Kiến An là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng lâm sàng trên mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	Ngô Thị Hạnh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN SẢN BỆNH HỌC

1. Mã số:

2. Số đơn vị học trình: 9 Lý thuyết: 4 Thực hành: 5

3. Số tiết học: 285 Lý thuyết: 60 Thực hành: 225

4. Đối tượng sinh viên : Bác sĩ đa khoa

5. Mục tiêu môn học:

5.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức sinh lý sinh dục nữ.
- Nêu được các kiến thức về sự mang thai, chuyển dạ đẻ và sau đẻ (bao gồm chăm sóc trẻ sơ sinh)
- Nêu được các kiến thức và thái độ xử trí ban đầu đối với một số cấp cứu (tai biến) sản khoa và phụ khoa: vỡ tử cung, chảy máu sau đẻ, tiền sản giật-sản giật, nhiễm khuẩn hậu sản, chửa ngoài tử cung.
- Trình bày được triệu chứng, cách chẩn đoán, xử trí, tiên lượng một số trường hợp cấp cứu: sản khó, sản bệnh lý, bệnh lý phụ khoa.
- Trình bày được cơ sở khoa học của kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.
- Vận dụng kiến thức về sản phụ khoa, dân số kế hoạch hóa gia đình trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

5.2 Thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường
- Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề thai nghén, sinh đẻ, chăm sóc sức khoẻ sinh sản và KHHGĐ
- Nhận thức được tác hại của các tai biến sản phụ khoa đến sức khỏe và tính mạng của thai phụ và thai nhi.

6. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Rối loạn kinh nguyệt	2	9
2	Tư vấn tránh thai kế hoạch hóa gia đình	2	9
3	Bệnh tim và thai nghén	2	9

4	Chửa trứng	2	9
5	Chăm sóc bảo vệ sức khỏe sinh sản tuổi dậy thì, vị thành niên	3	6
6	Các phương pháp thăm dò trong phụ khoa	2	9
7	Các phương pháp thăm dò trong sản khoa	2	9
8	K cổ tử cung	3	9
9	K niêm mạc tử cung	1	9
10	Rau bong non	2	9
11	Thai lưu	2	9
12	Rau tiền đạo	2	9
13	Các khối u buồng trứng	2	7
14	Tư vấn trong nạo phá thai	2	9
15	Nạo phá thai an toàn	4	10
16	Đa ối thiểu ối	2	6
17	Viêm phần phụ	1	9
18	Viêm đường sinh dục dưới	2	9
19	Các biện pháp tránh thai và kế hoạch hóa gia đình	6	16
20	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe sinh sản quanh tuổi mãn kinh	3	0
21	Đại cương vô sinh	2	9
22	Các tổn thương khối u tuyến vú	2	9
23	Ung thư vú	2	9
24	Dọa sảy thai và sảy thai	2	9
25	Dọa đẻ non và đẻ non	2	9
26	U xơ tử cung	2	9
	Tổng	**60**	**225**

7. Phương pháp dạy học:

- Giảng dạy theo phương pháp tích cực, sinh viên đóng vai trò chủ đạo
- Đóng vai
- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

- Giải quyết vấn đề
- Case study
- Cầm tay chỉ việc trên mô hình và trên bệnh nhân

6. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu bằng bài test trắc nghiệm ngắn trước mỗi bài học
- Đáng giá quá trình tình huống lâm sàng khi sinh viên kết thúc mỗi khoa
- Đáng giá kết thúc học phần bằng bài thi test và thi lâm sàng hỏi bệnh thăm khám các kỹ năng trên bệnh nhân và thi bệnh án trên bàn hỏi thi.

7. Tài liệu học tập:

- Tài liệu giảng dạy sản phụ khoa của Dự án Hà Lan - trường Đại học Y Hải Phòng

8. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: BM sản phụ khoa

Các giảng viên giảng dạy

Lê Thanh Bình	BSCKII
Trần Thị Việt Phương	BSCKII
Lại Thị Nguyệt Hằng	BSCK II
Ngô Thị Uyên	Th.s
Đào Hải Yến	Th.s
Bùi Thị Minh Thu	Th.s
Nguyễn Thị Hoàng Trang	Th.s
Thái Thị Huyền	Bs

9. Tài liệu tham khảo

1. Bài giảng sản phụ khoa : Tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Y học, 2004. - 316tr. ; 27cm
2. Bài giảng sản phụ khoa: Tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2002. - 404tr. ; 27cm
3. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr. ; 27cm.

4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành phụ - sản : Ban hành kèm theo quyết định số 1377/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Y tế. - H. : Y học, 2016. - 283tr. ; 27cm
5. Hướng dẫn thực hành phụ khoa / Rozenbaum, H.. - Tp. HCM. : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh; 2000. – 280tr ; 19 cm.
6. Lâm sàng sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 2001. – 507tr. ; 19cm.
7. Phẫu thuật sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 1998. - 832 tr. ; 27 cm.
8. Phòng chống 5 tai biến sản khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Yhọc, 1995. – 32tr.; 19cm
9. Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành / Trường đại học Y Hà Nội - Bộ môn Sản Phụ khoa. - H. : Y học, 2004. - 457tr. ; 21cm.
10. Phụ khoa hình minh họa / Govan A.D.T. - H. : Y học, 1993. - 477 tr. ; 24 cm.
11. Sản khoa hình minh họa. - H. : Y hoc, 2006. - 443 tr. ; 27 cm
12. Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản: đáp án (sách dành cho học viên). - H. : Bộ Y tế - Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.

Tài liệu nước ngoài

13. Clinical manual of gynecology / Stovall, Thomas G. - 2nd ed. - London : Mcgraw-Hil, 1992. - 658p. ; 19cm
14. Comprehensive gynecology review. - 2nd ed. - London : Mosby, 1992. - 298p. ; 19cm
15. Obstetric and perinatal infections / Charles, David. - London : Mosby, 1993. - 365p. ; 19cm
16. Obstetrics fistula:guiding principles for clinical management and programme development. - Geneva : World Health Organization, 2006. - 73p. ; 27cm.

10. Cơ sở vật chất

- Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là cơ sở cho sinh viên thực tập, Đây là bệnh viện tuyến 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hàng năm có khoảng 15.000 sản phụ sinh đẻ tại đây, mỗi ngày khám 400 lượt bệnh nhân
- Cở sở thực hành thực địa: Khoa Sản – Bệnh viện đa khoa Kiến An. Đây là bệnh viện khu vực 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiếp nhận bệnh nhân từ các tuyến cơ sở chuyển đến.

- Giảng đường trường đại học y Hải Phòng với đầy đủ hệ thống máy chiếu, loa, ánh sáng

- Giảng đường đặt tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng tiền lâm sàng với đầy đủ các mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.

- Giảng đường đặt tại Bệnh viện đa khoa Kiến An là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng lâm sàng trên mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT **TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT NHI KHOA
Tên học phần: Nhi cơ sở

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình: 06 Lý thuyết: 03 Thực hành: 03

Phân bố thời gian: 180 tiết Lý thuyết: 45 Thực hành: 135

Đối tượng sinh viên: Bác sĩ đa khoa

Học phần tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, vi sinh, ký sinh trùng

Học phần học trước: Nội cơ sở

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nhi

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thức
3. TS. Đặng Văn Chức
4. TS. Vũ Văn Quang
5. ThS. Trần Thị Thắm
6. ThS. Nguyễn Bùi Bình
7. BS. Hà Thị Thu Huyền
8. BSNT. Trịnh Thị Thuần
9. BS. Đặng Thị Ngoan
10. BS. Trần Thị Hải Yến
11. BS. Phạm Thị Ngọc
12. ThS. Chu Thị Hà

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhi khoa cơ sở như sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động của trẻ, theo dõi và đánh giá sức khỏe trẻ em qua các thời kỳ. Hơn nữa, học phần này mô tả về đặc điểm giải phẫu, sinh lý của các hệ thống các bộ phận cơ thể trẻ em như đặc điểm bộ máy hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu. Giúp cho sinh viên chẩn đoán và xử trí những bệnh thường gặp ở trẻ em như suy dinh dưỡng, tiêu chảy

cấp, nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và một số bệnh khác: viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, viêm màng não mủ, thấp tim... Đồng thời, cung cấp các kiến thức về dinh dưỡng trẻ em, hướng dẫn bà mẹ thực hành về nuôi dưỡng trẻ.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kiến thức:

1. Trình bày được những đặc điểm sinh học các cơ quan trong cơ thể của trẻ em
2. Nêu được các công thức tính các chỉ số nhân trắc, huyết áp, nước tiểu ở trẻ em.
3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của những bệnh thông thường ở trẻ em
4. Trình bày được phác đồ điều trị của những bệnh trên

Thực hành:

1. Khám đúng và phát hiện được những triệu chứng của một số bệnh thông thường ở trẻ em.
2. Đề xuất các xét nghiệm để chẩn đoán những bệnh thông thường ở trẻ em và đọc kết quả những xét nghiệm đó.
3. Chẩn đoán được những bệnh thông thường ở trẻ em.
4. Chỉ định điều trị được những bệnh thông thường ở trẻ em.
5. Thực hành được một số kỹ năng cơ bản

*Thái độ:*Xác định được bệnh lý trẻ em là cấp tính, diễn biến nhanh chóng và khó tiên lượng. Khám cho trẻ em là khó khăn

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên chủ đề / Bài học	Số tiết
1	**Đặc điểm sinh lý, bệnh lý các thời kỳ TE** 1. Đại cương 2. Đặc điểm sinh học và bệnh lý từng thời kỳ 2.1. Thời kỳ trong tử cung 2.2. Thời kỳ sơ sinh 2.3. Thời kỳ bú mẹ 2.4. Thời kỳ răng sữa 2.5. Thời kỳ thiếu niên (lứa tuổi học đường) 2.6. Thời kỳ dậy thì 3. Một số vấn đề sức khoẻ trẻ em hiện nay	Lý thuyết: 2 Thực hành:6

2	**Đặc điểm phát triển thể chất trẻ em** 1. Đại cương 2. Sự phát triển chiều cao 2.1. Sự phát triển chiều dài của thai nhi 2.2. Trẻ dưới 1 tuổi. 2.3. Trẻ trên 1 tuổi 3. Sự phát triển cân nặng 3.1. Sự phát triển cân nặng của thai nhi 3.2. Sự phát triển cân nặng của trẻ dưới 1 tuổi 3.3. Sự phát triển cân nặng của trẻ trên 1 tuổi 3.4. Biểu đồ phát triển (Growth chart) 4. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay 5. Tỷ lệ giữa các phần trong cơ thể 6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em.	Lý thuyết: 1 Thực hành:3
3	**Đặc điểm phát triển tinh thần vận động TE** 1. Những nguyên tắc chung của quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em. 2. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em. 3. Những biểu hiện của sự phát triển tâm thần và vận động của trẻ em qua từng lứa tuổi 3.1. Đánh giá sự phát triển tâm thần vận động 3.2. Sự phát triển tâm thần và vận động qua từng lứa tuổi	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3
4	**Đặc điểm da cơ xương trẻ em** 1. Đặc điểm da và tổ chức dưới da trẻ em 1.1 Đặc điểm cấu tạo 1.2. Đặc điểm sinh lý, bệnh lý da trẻ em 2. Đặc điểm hệ cơ trẻ em 3. Đặc điểm hệ xương trẻ em	Lý thuyết: 1 Thực hành:3
5	**Đặc điểm và chăm sóc trẻ sơ sinh đủ, thiếu tháng** 1. Một số khái niệm 2.Đặc điểm giải phẫu, sinh lý một số cơ quan của trẻ sơ sinh	Lý thuyết: 3 Thực hành:9

	3.Tiêu chuẩn đánh giá trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng (hình thể ngoài) 4. Những hiện tượng sinh lý của trẻ sơ sinh đủ tháng khoẻ mạnh 4.1. Vàng da sinh lý 4.2. Sụt cân sinh lý 4.3. Biến động sinh dục 5. Theo dõi, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh 5.1. Theo dõi 5.2. Chăm sóc 5.3. Nuôi dưỡng 5.4. Thuốc	
6	**Đặc điểm hệ tiết niệu trẻ em** 1. Đặc điểm giải phẫu và cấu tạo 1.1. Thận 1.2. Đài bể thận 1.3.Niệu quản 1.4. Bàng quang 1.5. Niệu đạo 2. Đặc điểm sinh lý 2.1. Thời kỳ trong tử cung 2.2 Thời kỳ sơ sinh 2.3. Số lần đái 2.4. Số lượng nước tiểu 2.5. Thành phần nước tiểu	Lý thuyết: 1 Thực hành:3
8	**Viêm cầu thận cấp** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân và dịch tễ học của VCTC 3.Bệnh sinh 4. Lâm sàng và xét nghiệm 4.1. Lâm sàng 4.2. Xét nghiệm 4.2.1. Nước tiểu 4.2.2. Máu 5. Thể lâm sàng 5.1. Thể tiềm tàng	Lý thuyết: 2 Thực hành:6

	5.2.Thể thông thường 5.3. Thể tăng HA 5.4. Thể đái máu 5.5. Thể vô niệu 6. Tiến triển và tiên lượng 6.1. Tiến triển 6.2. Tiên lượng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1. Nguyên tắc 8.2. Điều trị cụ thể 8.2.1. Nghỉ ngơi 8.2.2. Chế độ ăn uống 8.2.3. Kháng sinh 8.2.4. Thuốc lợi tiểu 8.2.5. Điều trị biến chứng 9. Phòng bệnh * Phòng tiên phát * Thứ phát	
9	**Hội chứng thận hư** 1. Khái niệm HCTH 2. Dịch tễ 3. Sinh lý bệnh 3.1. Protein niệu 3.2. Phù 3.3. Giảm protid máu nhất là Albumin máu 3.4. Tăng Lipid và Cholesterol 3.5. Sơ đồ sinh lý bệnh của HCTH (Thomson & CharlersWorth 1994) 4. Lâm sàng và xét nghiệm của HCTH tiên phát đơn thuần 4.1. Phù 4.2.Không có dấu hiệu của VCTC 4.3. Dấu hiệu toàn thân khác	Lý thuyết: 2 Thực hành:6

	4.4. Xét nghiệm nước tiểu 4.5. Xét nghiệm máu 5. HCTH tiên phát kết hợp 6. Biến chứng 6.1. Nhiễm khuẩn 6.2. Chậm lớn, thiếu dinh dưỡng, thiếu máu, bướu cổ… 6.3. Co giật do hạ Canxi máu 6.4. Rối loạn điện giải 6.5. Suy thận cấp 6.6. Tắc mạch 6.7. Cơn đau bụng 6.8. Biến chứng do điều trị Steroid 7. Tiến triển và tiên lượng 7.1. Tiến triển 7.2. Tiên lượng 8. Điều trị 8.1. Chế độ ăn uống 8.2. Liệu pháp Steroid 8.3. Điều trị triệu chứng 8.4. Điều trị biến chứng 9.Phòng bệnh	
10	**Đặc điểm hệ tiêu hoá trẻ em** 1. Đại cương 2. Đặc điểm giải phẫu 2.1. Răng miệng 2.2. Thực quản 2.3. Dạ dày 2.4. Ruột 2.5. Phân 2.6.Gan và tụy 3. Kết luận	Lý thuyết: 1 Thực hành:3
11	**Tiêu chảy cấp** 1. Định nghĩa và phân loại 2. Dịch tễ học 2.1. Tỉ lệ mắc và tỉ lệ tử vong	Lý thuyết: 3 Thực hành:9

	2.2. Đường lây truyền 2.3. Yếu tố nguy cơ mắc bệnh TCC 2.3.1. Yếu tố vật chủ làm tăng tính cảm thụ đối với bệnh TCC 2.3.2. Tính chất mùa: có sự khác biệt theo mùa và địa dư 2.3.3. Những tập quán làm tăng nguy cơ tiêu chảy 2.3.4. Bệnh tiêu chảy có thể lan rộng gây các vụ dịch: tả, lị… 2.4. Tác nhân gây bệnh 2.4. 1. Rotavirus 2.4. 2. Vi khuẩn 2.4. 3. Kí sinh trùng 3. Sinh lý bệnh của TCC 3.1. Sinh lý hấp thu nước và điện giải 3.2.Bệnh sinh tiêu chảy 3.2.1. Virus 3.2.2. Vi khuẩn 3.2.3. Đơn bào 4 . Hậu quả của tiêu chảy phân nước 4.1. Mất nước , mất Natri 4.2. Nhiễm toan chuyển hoá 4.3. Thiếu Kali 5. Triệu chứng lâm sàng của TCC 5.1. Triệu chứng tiêu hoá 5.2. Triệu chứng mất nước 5.3. Dấu hiệu toàn thân 5.4. Một số triệu chứng theo nguyên nhân hay gặp 6. Xét nghiệm 7. Chẩn đoán 7.1.Phân loại mức độ mất nước 7.2. Phân loại mất nước và xử trí theo tuyến 8. Điều trị: 8.1.Bồi phụ nước và điện giải	

	8.1.1. Phác đồ A 8.1.2. Phác đồ B 8.1.3. Phác đồ C 8.2. Dinh dưỡng khi tiêu chảy 8.3. Điều trị nhiễm khuẩn 8.4. Không dùng thuốc chống nôn, cầm ỉa 8.5. Điều trị triệu chứng 9. Phòng bệnh	
12	**Đặc điểm hệ hô hấp trẻ em** 1. Đặc điểm giải phẫu 1.1. Mũi 1.2 Họng - hầu 1.3. Thanh- khí- phế quản 1.4. Phổi 1.5. Màng phổi và trung thất 1.6. Lồng ngực 2. Đặc điểm sinh lý 2.1. Đường thở 2.2. Nhịp thở 2.3. Kiểu thở 2.4. Quá trình trao đổi khí ở phổi 2.5. Điều hoà hô hấp	Lý thuyết: 1 Thực hành:3
13	**Nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI)** 1. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân 3. Các yếu tố nguy cơ 4. Lâm sàng và cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 5.1. Phân loại theo IMCI 5.2 Chẩn đoán xác định 6. Điều trị 6.1. Tại tuyến y tế cơ sở 6.2. Điều trị tại bệnh viện 7. Phòng bệnh 7.1. Phòng mắc bệnh 7.2. Phòng biến chứng	Lý thuyết: 3 Thực hành:9

14	**Viêm phổi** 1. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân của bệnh viêm phổi 3. Các yếu tố nguy cơ 4. Lâm sàng và cận lâm sàng 4.1 Giai đoạn khởi phát 4.2 Giai đoạn toàn phát 4.3 Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 5.1. Phân loại theo IMCI 5.2 Chẩn đoán xác định 6. Điều trị 6.1. Tại tuyến y tế cơ sở 6.2. Điều trị tại bệnh viện 7. Phòng bệnh 7.1. Phòng mắc bệnh 7.2. Phòng biến chứng	Lý thuyết: 2 Thực hành:6
14	**Đặc điểm hệ tim mạch trẻ em** 1. Đặc điểm vòng tuần hoàn rau thai và vòng tuần hoàn sau đẻ 1.1.Đặc điểm vòng tuần hoàn rau thai 1.2 Đặc điểm vòng tuần hoàn sau đẻ 2. Đặc điểm giải phẫu 2.1 Đặc điểm của tim 2.2 Đặc điểm mạch máu 3. Một số chỉ số huyết động 3.1. Tiếng tim 3.2 Mạch 3.3 Huyết áp 3.4. Khối lượng máu tuần hoàn 3.5 Tốc độ tuần hoàn	Lý thuyết: 1 Thực hành:3
15	**Đặc điểm hệ thần kinh trẻ em** 1. Đặc điểm cấu tạo hệ thần kinh trẻ em 1.1 . Não bộ 1.1.1 Đặc điểm giải phẫu, tổ chức học 1.1.2 Thành phần hoá học	Lý thuyết: 1 Thực hành:3

	1.2. Tiểu não 1.3. Tuỷ sống 1.4. Hệ thần kinh thực vật 2. Đặc điểm sinh lý, bệnh lý 2.1. Đặc điểm sinh lý 2.2. Đặc điểm bệnh lý	
16	**Xuất huyết não màng não** 1. Đại cương 1.1. Dịch tễ học 1.2. Vị trí xuất huyết 2. Nguyên nhân gây XHNMN trẻ em 2.1. Nguyên nhân gây XHNMN ở trẻ em dưới 3 tháng tuổi * Xuất huyết não màng não sớm * Xuất huyết não màng não muộn: 2.2. Nguyên nhân gây XHNMN ở trẻ trên 3 tháng 3. Lâm sàng 3.1. Xuất huyết não màng não ở trẻ dưới 3 tháng 3.1.1. Xuất huyết não màng não sớm 3.1.2. Xuất huyết não màng não muộn * Trường hợp nặng điển hình * Trường hợp nhẹ không điển hình 3. 2 . Xuất huyết não màng não ở trẻ trên 3 tháng 3.3. Cận lâm sàng * Xét nghiệm máu * Chọc dịch não tuỷ thấy * Các xét nghiệm khác 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt * Với viêm màng não mủ * Động kinh trẻ em * Tetani trẻ nhỏ * Phế quản phế viêm sơ sinh	Lý thuyết: 2 Thực hành:6

	5. Điều trị * Chăm sóc * Chống chảy máu và chống thiếu máu * Điều trị triệu chứng khác * Phẫu thuật 6. Tiến triển và di chứng * Tiến triển * Di chứng 7 . Phòng bệnh	
17	**Viêm màng não mủ** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh 2.1 Vi khuẩn gây bệnh 2.2. Đường xâm nhập 3. Triệu chứng lâm sàng. 3.1. Thời kỳ khởi phát 3.2. Thời kỳ toàn phát 3.2.1. Nhiễm trùng nhiễm độc 3.2.2. Hội chứng não màng não * Cơ năng * Khám thực thể * Các triệu chứng khác 4. Cận lâm sàng * Chọc dịch não tuỷ(DNT) * Xét nghiệm máu và một số xét nghiệm khác 5 . Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định * Dựa vào lâm sàng có * Cận lâm sàng xác định qua kết quả dịch não tuỷ 5.2 Chẩn đoán phân biệt * Lao màng não * Viêm màng não do vi rút * Xuất huyết não màng não * Khi dịch não tuỷ có máu do chạm phải mạch máu	Lý thuyết: 2 Thực hành:6

	6. Tiến triển biến chứng di chứng * Tiến triển * Biến chứng * Di chứng 7. Điều trị 7.1. Liệu pháp kháng sinh 7.1.1. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị VMNM trẻ em 7.1.2. Điều trị cụ thể * Khi chưa biết vi khuẩn * Khi biết vi khuẩn * Thời gian sử dụng kháng sinh * Bệnh nhân khỏi bệnh khi 7.2. Điều trị triệu chứng 7.3. Chế độ chăm sóc dinh dưỡng	
18	**Đặc điểm máu ngoại vi trẻ em** 1. Đặc điểm sự tạo máu 1.1 Sự tạo máu trong bào thai 1.2 Sự tạo máu sau sinh 1.2.1 Nơi tạo máu 1.2.2 Đặc điểm sự tạo máu sau sinh 1.2.3 Hình ảnh máu ở tuỷ xương 2. Đặc điểm máu ngoại biên trẻ em 2.1 Hồng cầu 2.1.1. Số lượng 2.1.2. Đường kính hồng cầu 2.1.3. Thể tích hồng cầu trung bình 2.1.4 Các đặc điểm khác 2.2 Huyết sắc tố (Hb). 2.2.1 Số lượng Hb: 2.2.2 Lượng Hb trung bình hồng cầu 2.2.3 Nồng độ Hb trung bình hồng cầu 2.2.4 Thành phần Hb 2.3. Bạch cầu 2.4. Tiểu cầu 3. Một số đặc điểm khác	Lý thuyết: 1 Thực hành:3

	3.1 Khối lượng máu tuần hoàn 3.2. Phức bộ Prothrombin	
19	**Hội chứng thiếu máu ở trẻ em** 1. HỘI CHỨNG THIẾU MÁU 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học thiếu máu 1.3. Phân loại thiếu máu 1. 3.1. Phân loại theo nguyên nhân 1. 3.1.1. Thiếu máu do giảm sinh Thiếu máu do thiếu các yếu tố tạo máu Thiếu máu do giảm sản và bất sản tuỷ 1.3.1.2. Thiếu máu do tan máu Tan máu do nguyên nhân bất thường tại hồng cầu, di truyền Tan máu do nguyên nhân ngoài hồng cầu mắc phải 1. 3.1.3. Thiếu máu do chảy máu 1.3.2. Phân loại theo huyết học 1.3.2.1. Thiếu máu nhược sắc hồng cầu nhỏ 1.3.2.2.Thiếu máu đẳng sắc, hồng cầu bình thường 1.3.2.3. Thiếu máu hồng cầu to 1.4 Chăm sóc sức khoẻ ban đầu: 2. THIẾU MÁU DINH DƯỠNG (THIẾU SẮT) 2.2 Nhắc lại chuyển hoá sắt 2.3. Nguyên nhân thiếu máu do thiếu sắt 2.4. Triệu chứng thiếu máu do thiếu sắt 2. 4.1 Triệu chứng lâm sàng 2. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng 2.5. Chẩn đoán 2. 5.1 Chẩn đoán xác định 2. 5.2 Chẩn đoán phân biệt 2.6. Điều trị 2. 6.1 Điều trị thiếu sắt 2.6.2 Điều trị nguyên nhân gây thiếu sắt 2.7 Phòng bệnh	Lý thuyết: 3 Thực hành:9

	3. THIẾU MÁU TAN MÁU (HUYẾT TÁN) 3.1. Định nghĩa và dịch tễ học thiếu máu tan máu 3.2. Nguyên nhân tan máu 3.2.1 Tan máu do nguyên nhân tại hồng cầu 3.2.2 Tan máu do nguyên nhân ngoài hồng cầu 3.3. Triệu chứng chung của thiếu máu tan máu 3.3.1. Triệu chứng lâm sàng Thiếu máu tan máu cấp Thiếu máu tan máu mãn tính 3.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng 3.4. Điều trị thiếu máu tan máu 3.4.1. Tuyến y tế cơ sở 3.4.2. Tại bệnh viện 3.5. Bệnh Beta Thalassemia 3.5.1 Định nghĩa 3.5.2 Triệu chứng 3.5.3. Chẩn đoán xác định dựa vào các xét nghiệm 3.5.4 Điều trị	
20	**Bạch cầu cấp** 1. Đại cương 2. Một số đặc điểm dịch tễ học 2.1. Tần số mắc bệnh 2.1. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ gây bệnh 2.3. Tuổi mắc bệnh 2.4. Giới tính 2.5. Địa dư 2.6. Chủng tộc 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Thời kì khởi phát 3.2. Thời kì toàn phát 3.2.1. Các triệu chứng do thiếu tế bào máu bình thường. 3.2.2. Các triệu chứng do xâm lấn bạch cầu ở các bộ phận.	Lý thuyết:2 Thực hành:6

	4.Xét nghiệm 4.1. Máu ngoại vi (công thức máu, huyết đồ) 4.2. Tủy đồ. 4.3. Các xét nghiệm khác. 5. Phân loại: 5.1. Bạch cầu cấp thể lympho 5.2. bạch cầu cấp thể tủy. 6. Chẩn đoán: 6.1. Chẩn đoán xác định. 6.2. Chẩn đoán các thể bạch cầu cấp. 6.3. Chẩn đoán phân biệt. 7. Điều trị: 7.1. Nguyên tắc điều trị. 7.1.1. Đa hóa trị liệu 7.1.2. Điều trị triệu chứng 7.1.3. Ghép tủy xương. 7.1.4. Theo dõi. 8. Tiên lượng. 9. Phòng bệnh.	
21	**Dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi** 1. Tầm quan trọng của nuôi dưỡng đúng 2. Nuôi dưỡng trẻ dưới 12 tháng mẹ đủ sữa. 2.1 Chế độ ăn của trẻ 0-6 tháng mẹ đủ sữa. 2.1.1 Tầm quan trọng của nuôi con bằng sữa mẹ 2.1.2. Kỹ thuật cho con bú 2.1.3 Đánh giá kết quả một bữa bú 2.2. Chế độ ăn của trẻ 6 - 12 tháng 2.2.1. Nguyên tắc cho ăn bổ sung 2.2.2. Ô vuông thức ăn 2.2.3. Cách chế biến thức ăn bổ sung 2.2.4. Số bữa ăn và tính chất thức ăn bổ sung cho trẻ 6-12 tháng 3. Dinh dưỡng trẻ từ 0 - 12 tháng mẹ thiếu hoặc không có sữa 3.1 Khái niệm về ăn nhân tạo và ăn hỗn hợp	Lý thuyết: 3 Thực hành:9

	3.2. Chọn thức ăn thay thế sữa mẹ. 3.3 Cách tính số lượng thức ăn cho trẻ ăn nhân tạo. 3.4. Tính số bữa ăn cho trẻ ăn nhân tạo 3.5. Kỹ thuật cho ăn . 4. Chế độ ăn của trẻ từ 2 đến 5 tuổi. 4.1. Nuôi dưỡng trẻ 13 đến 24 tháng 4.2. Nuôi trẻ từ 25 đến 36 tháng 4.3 Nuôi dưỡng trẻ 4-5 tuổi 5. Chế độ nuôi dưỡng và phòng bệnh thừa cân béo phì ở trẻ em. 5.1.Chẩn đoán thừa cân béo phì và thừa cân 5.2. Nguyên nhân gây béo phì ở trẻ em 5.3. Dinh dưỡng phòng bệnh thừa cân béo phì cho trẻ em	
22	**Suy dinh dưỡng thiếu Protein năng lượng** 1 . Định nghĩa 2. Tình hình suy dinh dưỡng trẻ em trên thế giới và Việt nam 3. Nguyên nhân 4. Triệu chứng lâm sàng SDD 5. Xét nghiệm 6. Phân loại SDD 7. Điều trị Suy dinh dưỡng: 7.1 Điều trị SDD độ I và II 7.2 Điều trị SDD nặng 8. Phòng bệnh suy dinh dưỡng	Lý thuyết: 3 Thực hành:9
23	**Còi xương thiếu vitamin D** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Chuyển hoá vitamin D trong cơ thể và cơ chế bệnh sinh bệnh còi xương 4. Nguyên nhân gây bệnh còi xương 4.1. Thiếu ánh nắng mặt trời vì 4.2. Chế độ ăn uống	Lý thuyết: 1 Thực hành:3

	4.3. Yếu tố thuận lợi 5. Giải phẫu bệnh 6.Triệu chứng lâm sàng 6.1. Rối loạn thân kinh thực vật 6.2 . Triệu chứng ở hệ xương 6.3: Giảm trương lực cơ 6.4 : Thiếu máu 7. Cận lâm sàng 8. Chẩn đoán : 8.1. Chẩn đoán xác định 8.2. Chẩn đoán thể lâm sàng bệnh còi xương 9. Điều trị bệnh còi xương 10. Phòng bệnh còi xương	
22	**Bệnh thấp tim** 1. Đại cương 1.1. Khái niệm 1.2. Lịch sử nghiên cứu 1.3. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân gây bệnh 2.1. Đặc điểm liên cầu khuẩn β tan huyết nhóm 2.2.Bằng chứng gây bệnh của liên cầu khuẩn β tan huyết nhóm A 3. Giải phẫu bệnh 3.1. Giai đoạn đầu 3.2. Giai đoạn tổn thương hạt và tạo thành huyết khối 3.3. Giai đoạn xơ hóa 4. Sinh lí bệnh 5. Lâm sàng 5.1. Viêm khớp 5.2. Viêm tim 5.3. Múa vờn (chorea de syndeham) 5.4. Hạt thấp Meynet 5.5. Hồng ban vòng 5.6. Các triệu chứng khác ít gặp	Lý thuyết: 3 Thực hành:9

	6. Cận lâm sàng 6.1. Những dấu hiệu chứng tỏ nhiễm liên cầu 6.2. Các dấu hiệu chứng tỏ tình trạng viêm 6.3. Các dấu hiệu chứng tỏ tổn thương tim 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1. Chế độ nghỉ ngơi 8.2. Kháng sinh 8.3. Chống viêm 8.4. Điều trị triệu chứng 9. Phòng bệnh 9.1. Phòng thấp tiên phát (phòng thấp cấp I) 9.2. Phòng thấp tái phát (phòng thấp cấp II)	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- **Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- **Thực hành:** Giảng bên giường bệnh, trình ca lâm sàng, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của học phần
- Thực hành: Sinh viên thăm khám bệnh, tham gia trao đổi, thảo luận và trình bệnh án lâm sàng
- Tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thảo luận nhóm, minh họa qua tranh ảnh. Sinh viên có thể tự học theo nhóm/tổ tại trường, bệnh viện

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

1. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng , Bài giảng Nhi khoa tập 1, lưu hành nội bộ.
2. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng , Bài giảng Nhi khoa tập 2, lưu hành nội bộ.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa", tập 1, Nhà xuất bản Y học
2. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa",tập 2, Nhà xuất bản Y học.
3. Bệnh viện Nhi đồng 1 (2009). Phác đồ điều trị Nhi khoa. NXB Y học.
4. Nguyễn Công Khanh (2009), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học
5. Trần Đình Long (2003), "Bệnh lý học sơ sinh". Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Ngọc Sáng (2012), "Nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học.
7. Yap HK (2012), Pediatric Nephrology

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi tình hình học tập của sinh viên khi học các môn học trước.

7.2. Đánh giá trong quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bệnh viện (đi học đầy đủ, đi trực đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)
- Thái độ học tập, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm khi học tập tại bộ môn.
- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình sẽ là điều kiện thi kết thúc học phần.

7.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi lâm sàng: làm bệnh án + Thi vấn đáp . Chấm điểm theo thang điểm 10
- Thi lý thuyết: Thi test trên giấy. Chấm điểm theo thang điểm 10

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

8.1.Lý thuyết

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phấn bảng, máy chiếu, loa, micro,…

8,2 Thực hành

- Sinh viên học lâm sàng tại khoa phòng của Bệnh viện
- Bình bệnh án tại giảng đường.

Hải Phòng ngày tháng năm 2012

HIỆU TRƯỞNG	CHỦ NHIỆM BỘ MÔN NHI
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chúc	SANG PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT NHI KHOA

Tên học phần: Nhi bệnh học

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số đơn vị học trình: 09 Lý thuyết: 04 Thực hành: 05

Phân bố thời gian: 285 tiết Lý thuyết: 60 Thực hành: 225

Đối tượng sinh viên: Y ĐA KHOA

Học phần tiên quyết: Sinh lý bệnh – miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng

Học phần học trước: Nội cơ sở

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nhi

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thức
3. TS. Đặng Văn Chức
4. Vũ Văn Quang
5. ThS. Trần Thị Thắm
6. ThS. Nguyễn Bùi Bình
7. BS. Hà Thị Thu Huyền
8. BSNT. Trịnh Thị Thuần
9. BS. Đặng Thị Ngoan
10. BS. Trần Thị Hải Yến
11. BS. Phạm Thị Ngọc
12. ThS. Chu Thị Hà

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên có những kiến thức, kỹ năng trong chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (đánh giá, phân loại, xử trí trẻ bệnh dưới 5 tuổi). Đồng thời, học phần này cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về chẩn đoán và xử trí một số bệnh về huyết học, hô hấp, tiêu hóa, tim mạch, thận niệu, sơ sinh và nội tiết. Hơn nữa, cung cấp cho sinh

viên có kiến thức kỹ năng về xử trí cấp cứu một số bệnh thường gặp như suy hô hấp, co giật, hôn mê, ngộ độc ở trẻ em.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kiến thức:

1. Trình bày được những đặc điểm sinh học các cơ quan trong cơ thể của trẻ em
2. Nêu được các công thức tính các chỉ số nhân trắc, huyết áp, nước tiểu ở trẻ em.
3. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của những bệnh thông thường ở trẻ em
4. Trình bày được phác đồ điều trị của những bệnh trên

Thực hành:

1. Khám đúng và phát hiện được những triệu chứng của một số bệnh thông thường ở trẻ em.
2. Đề xuất các xét nghiệm để chẩn đoán những bệnh thông thường ở trẻ em và đọc kết quả những xét nghiệm đó.
3. Chẩn đoán được những bệnh thông thường ở trẻ em.
4. Chỉ định điều trị được những bệnh thông thường ở trẻ em.
5. Thực hành được một số kỹ năng cơ bản

*Thái độ:*Xác định được bệnh lý trẻ em là cấp tính, diễn biến nhanh chóng và khó tiên lượng. Khám cho trẻ em là khó khăn

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên chủ đề / Bài học	Số tiết
1	**Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em (IMCI)** 1. Dịch tễ học các bệnh thường gặp ở trẻ em và sự cần thiết của xử trí lồng ghép 2. Tình hình triển khai IMCI 2.1. Trên thế giới 2.2. Trong khu vực 2.3. Tại Việt Nam 3. Tiến trình xử trí lồng ghép 4. Xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi 4.1. Kiểm tra dấu hiệu nguy hiểm toàn thân 4.2. Đánh giá và xử trí ho hoặc khó thở	Lý thuyết: 3 Thực hành: 11

	4.3. Đánh giá và xử trí tiêu chảy 4.3.1 Cho tình trạng mất nước 4.3.2. Nếu tiêu chảy 14 ngày hoặc hơn 4.3.3. Có máu trong phân 4.4. Đánh giá và xử trí sốt 4.4.1. Sốt có nguy cơ sốt rét 4.4.2. Sốt không có nguy cơ sốt rét 4.4.3. Phân loại và xử trí sởi 4.4.4. Phân loại và xử trí sốt xuất huyết (nếu có nguy cơ SXH) 4.5. Phân loại và xử trí vấn đề về tai 4.6. Kiểm tra dinh dưỡng và thiếu máu 4.7. Đánh giá về tiêm chủng 4.8. Đánh giá vấn đề khác 5. Điều trị trẻ 6. Chăm sóc trẻ khám lại 7. Tham vấn cho bà mẹ 8. Xử trí trẻ bệnh từ 1 tuần đến 2 tháng	
2	**Hội chứng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh** 1. Sự thích nghi của trẻ sơ sinh 2. Đánh giá mức độ suy hô hấp 1.1. Theo chỉ số Apgar 1.2. Theo chỉ số Signuta 1.3. Theo chỉ số Silverman 3. Nguyên nhân suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 3.1. Nguyên nhân từ hệ tim mạch 3.2. Nguyên nhân thần kinh 3.3. Nguyên nhân chuyển hoá 3.4. Nguyên nhân tại hệ hô hấp 3.4.1. Đường hô hấp trên 3.4.2. Đường hô hấp dưới * Bẩm sinh * Mắc phải 4. Một số bệnh thường gặp gây suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 4.1. Cơn khó thở thanh quản thoáng qua 4.2. Hội chứng hít	Lý thuyết: 3 Thực hành: 11

	4.3. Tổ chức phổi non 4.4. Xuất huyết phổi 4.5.Viêm phổi sau sinh 4.6. Bệnh màng trong 5. Điều trị hội chứng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 5.1. Điều trị nguyên nhân 5.2. Điều trị triệu chứng 5.2.1. Thở oxy 5.2.2. Chống toan máu 5.2.3. Chống nhiễm khuẩn: 5.2.4. Chống rối loạn thân nhiệt: 5.2.5. Dinh dưỡng	
3	**Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh** 1. Các giai đoạn chuyển hoá bilirubin trong cơ thể 2. Nguyên nhân vàng da ở trẻ sơ sinh 2.1. Vàng da sinh lý 2.2. Vàng da bệnh lý * Do sản xuất quá nhiều * Do thiếu hoặc rối loạn chức phận Enzym 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng tăng Bilirubin trực tiếp 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hậu quả của hội chứng tăng Bilirubin gián tiếp 4.1. Vàng da do nguyên nhân bất đồng nhóm máu mẹ con hệ ABO 4.1.1. Cơ chế: 4.1.2. Lâm sàng 4.1.3. Cận lâm sàng 4.2. Vàng da do nguyên nhân bất đồng nhóm máu mẹ con hệ Rh 4.2.1. Cơ chế 4.2.2. Lâm sàng 4.2.3. Xét nghiệm 4.3. Hậu quả của tăng Bilirubin gián tiếp.	Lý thuyết: 2 Thực hành: 8

	5. Điều trị tăng Bilirubin tự do 5.1. Dùng ánh sáng liệu pháp 5.1.1. Cơ chế 5.1.2. Chỉ định 5.1.3. Kỹ thuật 5.1.4. Theo dõi và điều trị tác dụng phụ của chiếu đèn 5.2. Thay máu 5.2.1. Chỉ định 5.2.2. Kỹ thuật 5.2.3. Tai biến của thay máu 5.2.4. Theo dõi và điều trị tăng cường	
4	**Nhiễm khuẩn SS** 1. Các phương thức tự bảo vệ của thai nhi và trẻ sơ sinh 1.1. Miễn dịch tế bào 1.2. Đại thực bào và chức năng thực bào 1.3. Hệ thống bổ thể 1.4. Miễn dịch dịch thể 2. Đường xâm nhập của mầm bệnh vào thai và trẻ sơ sinh 2.1. Vào thai nhi 2.2. Vào trẻ sơ sinh 3. Một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ sơ sinh 3.1. Nhiễm khuẩn da và niêm mạc 3.1.1. Mụn phỏng và nốt mủ 3.1.2. Mụn phỏng dễ lây lan 3.1.3. Viêm da bong (bệnh Ritter) 3.1.4. Nhiễm khuẩn ở mắt và miệng 3.2. Nhiễm khuẩn rốn 3.2.1. Viêm rốn 3.2.2. Viêm mạch máu rốn * Viêm tĩnh mạch rốn * Viêm động mạch rốn * Hoại thư rốn * Uốn ván rốn (phần riêng) 3.3. Nhiễm khuẩn huyết 3.4. Các nhiễm khuẩn khác	Lý thuyết: 3 Thực hành: 11

	4. Thể lâm sàng 5. Điều trị nhiễm khuẩn sơ sinh 5.1. Kháng sinh 5.1.1. Chỉ định 5.1.2. Thời gian 5.1.3. Liều lượng một số kháng sinh dùng trong nhiễm khuẩn sơ sinh 5.2. Điều trị triệu chứng 5.3. Immunoglobulin miễn dịch 6. Uốn ván rốn 6.1. Nguyên nhân và bệnh sinh 6.1.1. Nguyên nhân 6.1.2. Bệnh sinh 6.2. Triệu chứng lâm sàng 6.2.1. Giai đoạn ủ bệnh 6.2.2. Giai đoạn khởi phát 6.2.3. Giai đoạn toàn phát 6.2.4. Giai đoạn lui bệnh 6.3. Chẩn đoán 6.3.1. Chẩn đoán xác định 6.3.2. Chẩn đoán phân biệt 6.3.3. Chẩn đoán thể lâm sàng 6.4. Điều trị 6.4.1. Điều trị bằng thuốc 6.4.2. Chăm sóc và nuôi dưỡng 6.5. Phòng bệnh	
5	**Sốt và sốt cao co giật ở trẻ em** 1. Định nghĩa, cơ chế bệnh sinh của sốt ở trẻ em 1.1. Định nghĩa 1.2. Cơ chế bệnh sinh của sốt 1.3. Đặc điểm điều hoà thân nhiệt ở trẻ em 1.4. Hậu quả của sốt ở trẻ em 2. Phân loại sốt 2.1. Theo mức độ 2.2. Theo thời gian 2.3. Theo kiểu sốt	Lý thuyết: 4 Thực hành: 14

	2.4. Những vị trí đo nhiệt độ cơ thể 3. Nguyên nhân của sốt 3.1. Sốt cấp tính 3.2. Sốt kéo dài 3.2.1. Nguyên nhân do các bệnh nhiễm trùng * Các bệnh do vi khuẩn * Các bệnh do virus và Rickettsia * Các bệnh ký sinh trùng 3.2.2. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức tân (tổ chức tạo máu) * Các bệnh máu và cơ quan tạo máu * Các khối u khác 3.2.3. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức liên kết 3.2.4. Sốt kéo dài do các nguyên nhân khác 4. Sốt và sốt cao co giật 4.1. Tiếp cận chẩn đoán bệnh nhi co giật 4.2. Chẩn đoán bệnh nhi sốt cao co giật Định nghĩa Lâm sàng 4.3. Xử trí bệnh nhi sốt 4.3.1. Hạ thân nhiệt 4.3.2. Bù đủ nước, dinh dưỡng và vitamin 4.3.3. Tìm nguyên nhân 4.3.4. Chẩn đoán và xử trí bệnh nhân sốt cao co giật 4.4. Xử trí bệnh nhi sốt cao co giật 5. Phòng bệnh	
6	**Hôn mê ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân 4. Sinh lý bệnh 5. Lâm sàng. 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán	Lý thuyết: 2 Thực hành:8

	7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán nguyên nhân 7.3. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1 Nguyên tắc điều trị 8.2. Chế độ ăn, chăm sóc và theo dõi 8.3. Thuốc 9. Tiên lượng 10. Phòng bệnh	
7	**Ngộ độc cấp ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân 4. Sinh lý bệnh 5. Lâm sàng. 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán nguyên nhân 7.3. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1 Nguyên tắc điều trị 8.2. Chế độ ăn, chăm sóc và theo dõi 8.3. Thuốc 9. Tiên lượng 10. Phòng bệnh	Lý thuyết: 3 Thực hành: 11
8	**Hen phế quản** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Dịch tễ học 4. Bệnh sinh 4.1. Do cơ chế miễn dịch 4.2. Do ức chế thụ thể β - Adrenergic 4.3. Tăng tiết Cholin 4.4. Thiểu năng tuỷ thượng thận	Lý thuyết: 3 Thực hành: 11

	4.5. Do tổn thương niêm mạc phế quản 5. Phân loại hen phế quản 5.1. Phân loại theo nguyên nhân sinh bệnh 5.1.1. Hen phế quản không dị ứng 5.1.2. Hen phế quản dị ứng * Hen phế quản dị ứng không nhiễm khuẩn * Hen phế quản dị ứng nhiễm khuẩn 5.2. Phân loại cơn hen theo mức độ 5.2.1. Phân loại cơn hen phế quản cấp theo mức độ 5.2.2. Phân loại cơn hen phế quản mạn theo tính chất tái phát * Cơn hen nhẹ * Cơn hen trung bình * Cơn hen nặng 6. Triệu chứng: 6.1. Triệu chứng cơ năng 6.2. Triệu chứng thực thể 6.3 Triệu chứng cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1 Chẩn đoán xác định * Triệu chứng lâm sàng * Cận lâm sàng 7.2 Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1 Điều trị cơn khó thở 8.2. Điều trị khác 9. Phòng tái phát	
9	**Hội chứng xuất huyết** 1. HỘI CHỨNG XUẤT HUYẾT 1.1. Cơ chế đông và cầm máu 1.1.1. Giai đoạn thành mạch 1.1.2. Giai đoạn tiểu cầu thực sự 1.1.3. Đông máu thực sự 1.1.4. Giai đoạn sau đông máu	Lý thuyết: 4 Thực hành: 14

	1.2. Phân loại xuất huyết ở trẻ em 1.2.1. Xuất huyết do tổn thương thành mạch 1.2.2. Xuất huyết do nguyên nhân tiểu cầu 1.2.2.1. Do rối loạn số lượng 1.2.2.2. Do rối loạn chất lượng 1.2.3. Xuất huyết do nguyên nhân huyết tương 1.2.3.1. Rối loạn sinh thromboplastin nội sinh 1.2.3.2. Rối loạn sinh thrombin 1.2.3.3. Rối loạn sinh Fibrin 1.2.4. Xuất huyết do nguyên nhân phối hợp 2. MỘT SỐ BỆNH XUẤT HUYẾT HAY GẶP Ở TRẺ EM 2.1. Xuất huyết giảm tiểu cầu 2.1.1. Xuất huyết gảim tiểu cầu tiên phát 2.1.2. Xuất huyết giảm tiểu cầu thứ phát Xuất huyết giảm tiểu cầu do thuốc Xuất huyết giảm tiểu cầu sau nhiễm trùng 2.1. 3. Dịch tễ học 2.1.4. Triệu chứng lâm sàng 2.1.5. Xét nghiệm 2.1.6. Điều trị 2.1.7. Phòng bệnh 2.2. Bệnh Hemophilia 2.2.1. Dịch tễ học 2.2.2. Định nghĩa 2.2.3. Nguyên nhân 2.2.4. Triệu chứng lâm sàng 2.2.5. Xét nghiệm 2.2.6. Chẩn đoán 2.2.7. Điều trị 2.2.8. Phòng chảy máu tái phát 2.3. Bệnh Schonlein - Henoch	
10	**Nguyên tắc sử dụng thuốc cho trẻ em** 1. Các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ em 1.1. Đường uống	Lý thuyết: 2 Thực hành:7

	1.2. Đường tiêm 1.3. Đường da và niêm mạc 2. Chuyển hoá thuốc trong cơ thể trẻ em 2.1. Sự phân bố thuốc 2.2. Khả năng gắn thuốc với protein huyết tương 2.3. Chuyển hoá thuốc 2.4. Bài tiết thuốc 3. Ảnh hưởng của tuổi đến động dược học 3.1. Tác dụng duy nhất ở trẻ em 3.2. Phản ứng thuốc 3.2.1. Phản ứng do thuốc 3.2.2. Phản ứng tuỳ theo từng giai đoạn tăng trưởng 3.3. Các tác dụng phụ của thuốc 3.3.1. Tăng nhạy cảm với tác dụng phụ 3.3.2. Giảm nhạy cảm với tác dụng phụ 4. Cách tính liều lượng thuốc dùng cho trẻ em 5. Một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ em 5.1. Phân loại điều trị ở trẻ em 5.2. Lựa chọn thuốc 5.3. Đường dùng 5.4. Những lưu ý khác 5.5. Kê đơn thuốc 5.6. Nguyên tắc dùng kháng sinh trong Nhi khoa 6.Liều lượng một số thuốc hay dùng trong Nhi khoa	
11	**Nhiễm trùng tiết niệu** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 2.1. Tỉ lệ mắc 2.2 Đường vào 2.3. Yếu tố thuận lợi 2.4. Tác nhân gây bệnh 3. Triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn đường tiết niệu 3.1. Sơ sinh 3.2. Trẻ nhỏ 3.3. Trong viêm đài bể thận cấp	Lý thuyết: 2 Thực hành:8

	3.4. Trong viêm đài bể thận mạn 3.5. Trong viêm bàng quang chảy máu 4. Cận lâm sàng 4.1.Máu 4.2. Nước tiểu 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán nguyên nhân 6. Điều trị 6.1. Nguyên tắc 6.2. Điều trị cụ thể * NTTN dưới * NTTN trên 7. Phòng bệnh	
12	**Bệnh tim bẩm sinh** 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 1.3. Nguyên nhân: gồm 2 nhóm chính 2. Phân loại 2.1. Nhóm TBS không có luồng thông 2.2. Nhóm TBS có luồng thông trái - phải 2.3. Nhóm TBS có luồng thông phải - trái: gồm 2 nhóm 2.3.1 Nhóm TBS có luồng thông phải - trái với tuần hoàn phổi giảm 2.3.2. Nhóm TBS có luồng thông phải - trái với tuần hoàn phổi tăng 3. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp 3.1 Thông liên thất 3.1.1 Giải phẫu bệnh 3.1.2 Lâm sàng 3.1.3 Cận lâm sàng 3.1.4 Diễn biến - biến chứng 3.1.5 Điều trị 3.2 Còn ống động mạch	Lý thuyết: 4 Thực hành: 14

	3.2.1. Giải phẫu bệnh 3.2.2. Lâm sàng 3.2.3. Cận lâm sàng 3.2.4. Diễn biến - biến chứng 3.2.5 Điều trị 3.3 Thông liên nhĩ 3.3.1. Giải phẫu bệnh 3.3.2. Lâm sàng (TLN lỗ thứ phát) 3.3.3. Cận lâm sàng 3.1.4. Diễn biến - biến chứng 3.1.5. Điều trị 3.4. Tứ chứng Fallot 3.4.1. Giải phẫu bệnh 3.4.2. Lâm sàng 3.4.3. Cận lâm sàng 3.4.4 Diễn biến - biến chứng 3.4.5 Điều trị 4. Phòng bệnh 4.1. Phòng không mắc bệnh TBS 4.2. Phòng biến chứng của TBS	
13	**Suy tim ở trẻ em** 1. Đại cương 1.1 Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 2. Sinh lý bệnh 2.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến cung lượng tim 2.2. Cơ chế bù trừ trong suy tim 2.3. Hậu quả của suy tim 3. Nguyên nhân suy tim 3.1. Do tăng gánh thể tích (tăng tiền gánh) 3.2. Do tăng gánh áp lực (tăng hậu gánh) 3.3. Tại cơ tim 3.4. Do rối loạn nhịp tim 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1 Suy tim trái 4.2. Suy tim phải	Lý thuyết: 3 Thực hành:11

	4.3. Suy tim toàn bộ 5. Đánh giá mức độ suy tim theo hiệp hội tim mạch Newyork (NYHA) 6. Điều trị 6.1. Những biện pháp điều trị chung 6.1.1. Những biện pháp không dùng thuốc 6.1.2. Các thuốc điều trị trong suy tim 7.Phòng bệnh	
14	**Chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu:** 1. Đại cương 2. Tinh thần và nội dung cơ bản của CSSKBĐ 2.1. Định nghĩa sức khỏe của WHO 2.2. Khái niệm về CSSKBĐ 2.3. Nội dung của CSSKBĐ 3. Bối cảnh của chiến lược CSSKBĐ cho trẻ em 4. Chiến lược CSSKBĐ cho trẻ em 4.1. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng 4.2. Bù nước nằng đường uống 4.3. Bảo đảm cho trẻ được bú sữa mẹ 4.4. Tiêm chủng 4.5. Kế hoạch hóa gia đình 4.6 Cung cấp đầy đủ thực phẩm cho các bà mẹ và trẻ em 4.7. Giáo dục sức khỏe cho các bà mẹ 5. Tình hình sức khỏe và bệnh tật trẻ em nước ta 5.1. Một số tiêu chí sức khỏe và xã hội của nước ta 5.2. Tình hình bệnh tật 6. Mục tiêu sức khỏe trẻ em từ 2010 đến 2020	Lý thuyết: 2 Thực hành:7
15	**Bệnh thiếu vitamin A** 1. Dịch tễ học bệnh thiếu Vitamin A 2 . Nguồn gốc, vai trò, chuyển hoá của Vitamin A. 2.1 Nguồn gốc 2.2. Chuyển hóa của Vitamin A trong cơ thể 2.3. Vai trò của Vitamin A với cơ thể 3. Nguyên nhân thiếu vitamin A ở trẻ em Việt Nam 3.1. Do chế độ ăn thiếu Vitamin A	Lý thuyết: 2 Thực hành:8

	3.2 Do bệnh tật. 4. Triệu chứng lâm sàng bệnh do thiếu Vitamin A 4.1. Thời kỳ đầu(thời kỳ tiền lâm sàng) 4.2. Thời kỳ toàn phát (thời kỳ lâm sàng) 5. Xét nghiệm 6. Chẩn đoán : 6.1.Chẩn đoán sớm 6.2. Chẩn đoán muộn 7. Điều trị bệnh thiếu Vitamin A 7.1. Chỉ định cho những trẻ 7 .2 . Liều lượng và cách sử dụng 8. Phòng chống bệnh thiếu vitamin A 8.1 . Truyền thông giáo dục sức khoẻ 8.2 . Uống vitamin A phòng bệnh	
16	**Bệnh thiếu vitamin B1** 1. Đại cương 2. Nguồn gốc,vai trò và chuyển hoá của vitamin B_1 2.1. Nguồn gốc Vitamine B_1 2.2 Vai trò của Vitamin B_1 2.3. Nhu cầu và chuyển hoá Vitamin B_1 3. Nguyên nhân gây thiếu Vitamin B_1 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Thể tim mạch 4.2. Thể thần kinh 4.3. Thể mãn tính 4.4. Thể tiềm tàng 5. Chẩn đoán 6 . Điều trị 6.1 Chế độ ăn 6.2. Thuốc Vitamin B_1 7. Phòng bệnh thiếu Vitamin B_1	Lý thuyết: 2 Thực hành:8
17	**Bướu cổ đơn thuần ở trẻ em** 1. Dịch tễ học 2. Bệnh nguyên 2.1. Yếu tố ngoại sinh 2.2. Yếu tố nội sinh	Lý thuyết: 2 Thực hành:8

	3. Bệnh sinh 4. Phân loại bướu cổ 4.1. Phân loại theo mức độ 4.2. Theo giải phẫu lâm sàng 5. Triêu chứng 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Triệu chứng cận lâm sàng 6. Tiến triển và biến chứng 7. Chuẩn đoán bướu cổ đơn thuần. 7.1. Ở tuyến y tế cơ sở 7.2. Ở cơ sở y tế tuyến trên 7.3. Chuẩn đoán phân biệt 8. Điều trị và phòng bệnh 8.1. Điều trị nội khoa 8.2. Điều trị ngoại khoa 9. Phòng bệnh	
18	**Suy giáp trạng bẩm sinh** 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 1.3. Quá trình tổng hợp hormon giáp trạng chứa Iốt. 2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 2.1. Nguyên nhân 2.1.1. Suy giáp trạng tiên phát 2.1.2. Suy giáp trạng thứ phát 2.1.3. Một số nguyên nhân khác 2.2.Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng SGT bẩm sinh 3.1 Suy giáp trạng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ 3.2. Suy giáp trạng ở trẻ lớn 3.2.1. Chậm phát triển thể chất 3.2.2. Chậm phát triển tinh thần vận động 3.2.3. Rối loạn phát triển hình thái 3.2.4. Thâm nhiễm da, niêm mạc, rối loạn lông tóc, móng.	Lý thuyết: 2 Thực hành:8

	3.2.5. Triệu chứng hệ cơ 3.2.6. Các rối loạn khác 4. Cận lâm sàng 4.1 Các xét nghiệm đặc hiệu 4.2 Xét nghiệm không đặc hiệu 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2 Chẩn đoán nguyên nhân 5.3 Chẩn đoán phân biệt với 6. Điều trị suy giáp trạng bẩm sinh 7. Tiên lượng 8. Phòng bệnh	
19	**Táo bón ở trẻ em** 1. Đại cương 2. Sinh lý của quá trình thải phân 3. Nguyên nhân 3.1. Nguyên nhân nội khoa 3.2. Nguyên nhân ngoại khoa 4 .Bệnh cảnh lâm sàng 4.1. Hỏi bệnh 4.2. Thăm khám 4.3. Bệnh biểu hiện ngay trong thời kỳ sơ sinh 4.4. Bệnh biểu hiện trên trẻ lớn 5. Cận lâm sàng 5.1. XQ giúp chẩn đoán 5.2. Đo áp suất trực tràng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 7.1. Theo nguyên nhân nội khoa 7.1.1. Điều trị tại cộng đồng 7.1.2. Tại cơ sở Y tế 7.2. Nguyên nhân ngoại khoa 8. Phòng bệnh	Lý thuyết: 2 Thực hành:8
20	**Hội chứng nôn trớ** 1. Đại cương và dịch tễ học 1.1. Dịch tễ học	Lý thuyết: 2 Thực hành:8

	1.2. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Theo tuổi 2.2. Theo thời gian kéo dài 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Nôn do phì đại cơ gây hẹp môn vị 3.2. Nôn do luồng trào ngược dạ dày - thực quản 4. Điều trị 4.1 Một số thuốc chống nôn thường dùng 4.2. Tại cộng đồng 4.3. Tại cơ sở y tế	
21	**Đau bụng ở trẻ em** 1. Đại cương 1.1. Dịch tễ học 1.2. Định nghĩa 1.3. Cơ chế đau bụng 2. Nguyên nhân 2.1. Theo vị trí đau 2.2. Đau bụng cấp hay tái diễn 2.3. Đau bụng do bệnh ngoại khoa hay nội khoa 3. Lâm sàng 3.1. Đánh giá một trẻ đau bụng 3.2. Khám thực thể 4. Cận lâm sàng 5. Điều trị 5.1. Tại cộng đồng 5.2. Tại bệnh viện 6. Phòng bệnh	Lý thuyết: 2 Thực hành:8
22	**Hội chứng biếng ăn ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân biếng ăn 2.1. Nguyên nhân rõ rệt 2.1.1. Mọc răng 2.1.2. Các bệnh nội khoa 2.1.3. Các bệnh nhiễm khuẩn 2.1.4. Nguyên nhân ăn uống	Lý thuyết: 2 Thực hành:8

	2.2. Nguyên nhân tâm thần 3. Điều trị 3.1.Điều trị tại nhà trong những trường hợp 3.2.Điều trị tại cơ sở y tế trong những trường hợp sau 4. Phòng bệnh	
23	**Biến chứng giun sán ở ống tiêu hóa trẻ em** 1. Dịch tễ học 1.1. Tỉ lệ mắc 1.2 Đường lây truyền 1.3. Yếu tố thuận lợi 1.4. Tác nhân gây bệnh 2. Đặc điểm và chu trình sinh sản của giun 3. Triệu chứng và biến chứng của một số loại giun sán 3.1. Giun đũa. 3.2. Giun kim 3.3. Giun móc 3.4. Sán dẹp đường ruột 4. Điều trị bệnh giun sán 4.1.Điều trị giun 4.1.1.Điều trị tại nhà 4.1.2. Điều trị tại cơ sở y tế 4.2.Điều trị sán: Cần tẩy sán tại cơ sở y tế 5. Phòng bệnh giun sán	Lý thuyết: 2 Thực hành:8
24	**Chỉ định và tai biến tiêm chủng:** 1. Đại cương 2. Các vaccine tiêm chủng mở rộng 2.1 Vaccine BCG 2.2. Vaccine viêm gan B liều sơ sinh 2.3. Vaccine Quinvaxem 2.4. Vaccine phòng bại liệt (OPV) 2.5. Vaccine phòng sởi (Measles Vaccine) 2.6. Vaccine viêm não Nhật Bản (Japanese B Encephalitis vaccine) 2.7. Vaccine tiêm nhắc bệnh bạch hầu – ho gà – uốn ván (DPT vaccine)	Lý thuyết: 2 Thực hành:7

	2.8. Vaccine phòng tả (Cholera vaccine) 2.9. Vaccine thương hàn (Typhoid vaccine) 2.10. Vaccine uốn ván (Tetanus vaccine) 3. Những lưu ý khi tiwwm chủng 4. Chống chỉ định tiêm chủng 5. Tai biến tiêm chủng 6. Lịch tiêm chủng mở rộng	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- **Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- **Thực hành:** Giảng bên giường bệnh, trình ca lâm sàng, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của học phần
- Thực hành: Sinh viên thăm khám bệnh, tham gia trao đổi, thảo luận và trình bệnh án lâm sàng
- Tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thảo luận nhóm, minh họa qua tranh ảnh. Sinh viên có thể tự học theo nhóm/tổ tại trường, bệnh viện

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

1. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Hải Phòng Bài giảng Nhi khoa tập 1, lưu hành nội bộ
2. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng , Bài giảng Nhi khoa tập 2, lưu hành nội bộ

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa", tập 1, Nhà xuất bản Y học
2. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa",tập 2, Nhà xuất bản Y học. .
3. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2009), Phác đồ điều trị Nhi khoa, NXB Y học
4. Nguyễn Công Khanh (2009), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học

5. Trần Đình Long (2003), "Bệnh lý học sơ sinh". Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Ngọc Sáng (2012), "Nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học.
7. Yap HK (2012), Pediatric Nephrology

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi tình hình học tập của sinh viên khi học các môn học trước.

7.2 Đánh giá trong quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bệnh viện (đi học đầy đủ, đi trực đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)
- Thái độ học tập, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm khi học tập tại bộ môn.
- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình sẽ là điều kiện thi kết thúc học phần.

7.3 Thi kết thúc học phần:

- Thi lâm sàng: làm bệnh án + Thi vấn đáp . Chấm điểm theo thang điểm 10
- Thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên giấy (Test). Chấm theo thang điểm 10.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

8.1 Lý thuyết

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phấn bảng, máy chiếu, loa, micro,…

8.2 Thực hành

- Sinh viên học lâm sàng tại khoa phòng của Bệnh viện
- Bình bệnh án tại giảng đường.

HIỆU TRƯỞNG	CHỦ NHIỆM BỘ MÔN NHI
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	SANG PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG

Ngành: Bác sỹ đa khoa

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Thôn tin chung

- Tên học phần: Tai Mũi Họng
- Mã học phần:
- Số ĐVHT: 3 Lý thuyết: 2 Lâm sàng: 1
- Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Lâm sàng: 30
- Học phần: + Bắt buộc ☒
  + Tự chọn ☐
- Các mã học phần tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tai Mũi Họng
- Giảng viên:
  + PGS.TS. Vũ Văn Sản
  + Ths. Tạ Hùng Sơn
  + Ths. Phùng Thị Vân Anh
  + Ths. Nguyễn Quang Đạo
  + Ths. Trần Hồng Hạnh
  + Ths. Phùng Thị Hoà
  + Ths. Trần Thị Thanh Thuý
  + Bs. Phạm Thanh Hải

2. Tóm tắt nội dụng học phần

Tai Mũi Họng là môn học nghiên cứu về giải phẫu ứng dụng, sinh lý và bệnh lý của các cơ quan tai, mũi, họng – thanh quản, và vùng đầu mặt cổ.

Tai Mũi Họng là một môn học chuyên sâu cần thiết đối với các đối tượng đào tạo vì bệnh lý của chuyên khoa Tai Mũi Họng là rất thường gặp, ở mọi lứa tuổi, giới tính, liên quan rất nhiều đến các chuyên khoa khác như nội khoa, ngoại khoa, mắt, răng hàm mặt, thần kinh – sọ não.

Bệnh lý của các cơ quan vùng tai mũi họng và đầu mặt cổ rất đa dạng, có thể chỉ là các bệnh lý hết sức thông thường, gặp hàng ngày, tự hồi phục, tuy nhiên cũng có thể là một bệnh lý hay một tình trạng cấp cứu có tính chất nguy hiểm đe dọa tính mạng người bệnh, hoặc có khi lại là biểu hiện bệnh lý của một hệ thống khác. Do đó, việc học tập môn Tai Mũi Họng là hết sức cần thiết cho quá trình thực hành sau này của nhân viên y tế, tránh bỏ sót các bệnh lý gây hậu quả đáng tiếc.

Để hoàn thành học phần này, trước hết sinh viên, học viên phải nắm được các kiến thức lý thuyết căn bản; sau đó, trong quá trình học tập lâm sàng, sinh viên cần quan sát, thực hành khám, nhận biết bệnh, tham gia hỗ trợ việc điều trị (nội khoa, thủ thuật, phẫu thuật), sau đó đối chiếu với kiến thức lý thuyết học được để nắm vững hơn các kiến thức chuyên sâu nhằm phục vụ cho quá trình công tác sau này.

Trước đây, việc học tập môn Tai Mũi Họng là rất khó khăn do các cơ quan

này đều nằm ở những vị trí sâu và kín đáo, rất khó đánh giá cũng như hình dung được bệnh lý nếu không được quan sát trực tiếp. Ngày nay, nhờ vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống khám nội soi và các hệ thống chẩn đoán hình ảnh hiện đại, nên sinh viên, học viên được quan sát những hình ảnh hết sức trực quan sinh động, giúp cho việc nắm bắt được các kiến thức dễ dàng hơn.

3. Mục tiêu của học phần

- Nắm được kiến thức giải phẫu và sinh lý cơ bản các cơ quan Tai Mũi Họng.
- Nắm được cách khám, các thao tác khám và hình ảnh giải phẫu bình thường.
- Nắm được triệu chứng lâm sàng, hình ảnh tổn thương bệnh học của một số bệnh cơ bản chuyên khoa Tai Mũi Họng.
- Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp.

4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Tên bài	Số tiết	
		Lý thuyết	Lâm sàng
1	Khám tai mũi họng thông thường	1	4
2	Vấn đề V.A	2	4
3	Viêm amidan	2	4
4	Viêm mũi	2	2
5	Viêm xoang	2	4
6	Viêm tai giữa cấp trẻ em	2	4
7	Viêm xương chũm	2	2
8	Biến chứng nội sọ do tai	2	
9	Viêm thanh quản	2	2
10	Dị vật đường ăn	2	2
11	Dị vật đường thở	2	
12	Chảy máu mũi	2	2
13	Ung thư vòm mũi họng	2	
14	Ung thư thanh quản	2	
15	Chấn thương tai mũi họng	2	
16	Viêm tai giữa mủ nhầy (đọc thêm)		
17	Nghe kém và đo sức nghe đơn giản	1	
	Tổng	**30**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết:

+ Thuyết trình.
+ Thảo luận nhóm.

- Lâm sàng:

+ Ca lâm sàng
+ Giảng đầu giường
+ Thảo luận nhóm

+ Bình bệnh án

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lên lớp: sinh viên lên lớp nghe giảng (sau khi đã tìm hiểu nội dung bài giảng qua tài liệu được cung cấp), trao đổi thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên, trao đổi trực tiếp với giảng viên về nội dung bài giảng.

- Thực tập lâm sàng: sinh viên quan sát các ca bệnh trong phòng khám và phòng bệnh, đối chiếu với lý thuyết, trao đổi thảo luận nhóm, trao đổi tìm hiểu ca bệnh với bác sỹ điều trị. Giảng viên đưa ra ca lâm sàng phù hợp với trình độ sinh viên và nội dung học để sinh viên thảo luận nhằm nắm được bài học.

- Sinh viên tự học: sinh viên phải đọc tài liệu trước khi lên lớp lý thuyết và thực hành lâm sàng, tự học theo tranh ảnh, trên mô hình, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Sách Bài giảng Tai Mũi Họng của Bộ môn Tai Mũi Họng - Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Sách Bài giảng điều dưỡng Tai Mũi Họng (lưu hành nội bộ) – Bộ môn Tai Mũi Họng – Đại học Y Dược Hải Phòng.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. F. Legent, P. Narcy, A. Beauvillian, P. Bordure (2003), *ORL Pathologie cervico – facial* 6e edition, Masson.

2. Võ Tấn (1990), *Tai mũi họng thực hành Tập 2, 3*, NXB Y học, Hà Nội.

3. Vũ Văn Sản (1993), *Cẩm nang Tai mũi họng*, (Bản dịch từ sách của Likhachev A.G.), NXB Y học, Hà Nội.

4. Vũ văn Sản (2003),*Viêm mũi dị ứng và Viêm mũi vận mạch*, NXB Y học, Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu

Hình thức: đặt 1 số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn tai mũi họng như giải phẫu, sinh lý.

7.2. Đánh giá trong quá trình

Hình thực: theo dõi thái độ học tập, hoạt động nhóm, mức độ chuyên cần của sinh viên

7.3. Đánh giá kết thúc học phần

7.3.1. Kiểm tra phần lâm sàng

Yêu cầu sinh viên phải đảm bảo tham gia >95% số giờ học lâm sàng. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức sau:

- Bệnh án lâm sàng.
- Kiểm tra tình huống lâm sàng.
- Kiểm tra kỹ năng lâm sàng.

7.3.2. Kiểm tra lý thuyết

Sinh viên đạt ở phần thi lâm sàng mới được dự thi lý thuyết. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức:

- Thi test.

- Thi tự luận.
- Hỏi thi vấn đáp.

7.3.3. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức

$$\text{TKHP} = \frac{(LT+LS)}{2}$$

Trong đó: TKHP: là điểm tổng kết học phần

LT: là điểm thi lý thuyết

LS: là điểm thi lâm sàng

Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 *(từ 0 đến 10)*, làm tròn đến một chữ số thập phân, do hai giảng viên chấm, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế 43.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng, đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên.
- Học phần lâm sang: khoa Tai mũi họng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, khoa Tai mũi họng Bệnh viện trẻ em Hải Phòng với các trang thiết bị, dụng cụ khám và điều trị bệnh lý tai mũi họng.

Giáo vụ	Trưởng Bộ môn	Ban Giám hiệu
Ths. Phùng Thị Vân Anh	PGS.TS. Vũ Văn Sản	HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức

HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT THEO NIÊN CHẾ

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

1. Mã số: 08
2. Số đơn vị học trình:03 Lý thuyết: 02 Thực hành : 01
3. Số tiết học: 60 Lý thuyết: 28 Thực hành : 26
4. Số lần kiểm tra: 01Số chứng chỉ: 01
5. Đối tượng sinh viên : Sinh viên đa khoa, YHDP, Chuyên tu
6. Học phần tiên quyết : Các môn cơ sở, nội, ngoại, sản, nhi
7. Học phần học song hành : Mắt, Tai mũi họng
8. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Răng hàm mặt

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Nội dung bao gồm giới thiệu những bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM và những dị tật bẩm sinh, chấn thương vùng hàm mặt, ung thư và các khối u lành tính vùng hàm mặt. Mỗi bệnh đều có giới thiệu về cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và đặc biệt là nguyên tắc dự phòng. Mối liên quan đến bệnh lý vùng đầu mặt cổ cũng như toàn thân.

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức : trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM.
- Thái độ : Không tách bệnh lý ở một vùng ra khỏi bệnh lý chung của toàn bộ cơ thể. Đề cao vai trò công tác dự phòng trong phòng chống bệnh sâu răng, viêm lợi, ung thư đầu mặt cổ.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và nguyên tắc dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp.

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành

1.	Răng và bộ răng	2	2
2.	Sâu răng	4	4
3.	Các biến chứng của sâu răng	2	2
4.	Bệnh nha chu	3	2
5.	Viêm nhiễm răng miệng hàm mặt	3	2
6.	Chấn thương hàm mặt	4	4
7.	Khe hở môi vòm miệng bẩm sinh	2	2
8	Khối u vùng hàm mặt	2	4
9.	Chăm sóc răng miệng ban đầu	4	2
10	Liên quan giữa sức khỏe răng miệng với sức khỏe toàn thân	2	2
	Tổng	**28**	**26**

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

1. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết : Thuyết trình
- Thực hành : Giảng lý thuyết lâm sàng

Giảng theo case lâm sàng

Thảo luận nhóm

Thực hành trên mô hình và bệnh nhân

Đóng vai

Nghiên cứu trường hợp

2. Phương pháp học, tự học

- Tự học : chuẩn bị nội dung theo yêu cầu giảng viên, dựa trên tài liệu giảng viên gợi ý, tự tìm tòi trước khi lên lớp. Giảng viên sẽ sẽ giải thích tất cả thắc mắc, làm rõ thêm, sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm kiểm tra yêu cầu môn học

- Khi thực tập lâm sàng : sinh viên tự thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên

VI. LƯỢNG GIÁ

1. Lượng giá ban đầu : thăm hỏi, phỏng vấn sinh viên.
2. Lượng giá trong quá trình : theo dõi sĩ số, đánh giá thái độ học tập.
3. Lượng giá kết thúc : lượng giá ban đầu và lượng giá trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi : tham gia 90% giờ giảng lý thuyết, 95% giờ giảng thực hành
- Điểm thi áp dụng thang 10
- Hình thức thi lý thuyết : Thi viết cải tiến
- Hình thức thi thực hành : Vấn đáp

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

- Giáo trình do khoa biên soạn.

VIII. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

Khoa răng hàm mặt

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết : phòng học với máy chiếu, đầy đủ bàn ghế, mic nói, bảng viết, phấn.
- Thực hành : phòng thực hành với ghế máy nha khoa, dụng cụ và vật liệu nha khoa.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
GS.TS. PHẠM VĂN THỨC	Phạm Văn Liêu	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC MẮT
(Bác sĩ đa khoa, RHM, YHDP, Chuyên tu)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số học phần: 1

Số ĐVHT: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75 Lý thuyết: 30 Thực hành: 45

Đối tượng sinh viên: Bác sỹ đa khoa, Chuyên tu, Răng - Hàm - Mặt, Y học dự phòng

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mắt

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- TS. Khúc Thị Nhụn: Trưởng Bộ môn
- Ths. Nguyễn Văn Được: Phó trưởng Bộ môn-Giáo vụ
- Ths. Nguyễn Thị Thu Trang: Giảng viên
- Bs. Trương Khánh Mỹ Hằng: Giảng viên
- Bs. Bùi Thị Dịu: Giảng viên
- Ths. Hoàng Tùng Sơn: Trưởng khoa Mắt bệnh viện Việt Tiệp
- Ths. Nguyễn Thị Thanh Thu: Phó trưởng khoa Mắt BV Việt Tiệp

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu mắt, đường dẫn truyền thần kinh thị giác, các triệu chứng cơ bản và một số bệnh lý thường gặp tại mắt. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng chẩn đoán và lập phác đồ điều trị mắt, tư vấn, hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về tình trạng, bệnh lý phần trước nhãn cầu, phần sau nhãn cầu, đường dẫn truyền thần kinh thị giác và bệnh thuộc các bộ phận phụ của mắt.
2. Chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị của tất cả các bệnh thông thường về mắt.
3. Xử trí được các cấp cứu, chấn thương mắt thường gặp, đặc biệt glôcôm cơn cấp, bỏng mắt, tắc động mạch trung tâm võng mạc, rách da mi, vỡ nhãn cầu.
4. Kiến tập các thủ thuật cơ bản của mắt như đo nhãn áp, thông lệ đạo, siêu âm, chích chắp lẹo, lấy dị vật kết giác mạc.
5. Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.
6. Tư vấn, hướng dẫn được vệ sinh phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp như tật khúc xạ, bệnh mắt hột, viêm kết mạc cấp thành dịch, chấn thương mắt, bỏng mắt.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Tên bài	Số tiết LT	Số tiết LS
Giải phẫu-Sinh lý mắt	4	2
Mờ mắt	3	4
Viêm màng bồ đào	2	4
Thị lực-Tật khúc xạ	2	4
Chấn thương và bỏng mắt	4	5
Mắt và bệnh toàn thân	2	4
Bệnh Glocom	3	4
Viêm loét giác mạc	2	4
Bệnh đục thể thuỷ tinh	2	4

Điều trị học nhãn khoa	2	2
Chẩn đoán nguyên nhân đỏ mắt	2	4
Viêm kết mạc	2	4
Tổng số	**30**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa mắt bệnh viện Đại học Y.
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phấn viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Mắt Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.
- Khoa Mắt Bệnh viện Việt Tiệp
- Phương pháp: Ca lâm sàng, bình và làm bệnh án.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng mắt - TMH – RHM: Bộ môn Mắt Đại học Y Hà Nội.
2. Các hội chứng nhãn khoa với bệnh lý toàn thân. Tái bản lần 3. NXB Y học 2000.
3. Giải phẫu Mắt ứng dụng trong lâm sàng và sinh lý thị giác. Nguyễn Xuân Nguyên. NXB Y học 1993.
4. Nhãn khoa: Tài liệu học tập lý thuyết cho SVĐK. Bộ môn Mắt Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
5. Nhãn khoa giản yếu tập I, II.
6. Nhãn khoa: Tài liệu học tập thực hành cho SVĐK. Bộ môn Mắt Đại học Y Dược Hải Phòng. Dự án Hà Lan
7. Thực hành nhãn khoa tập I, II. Đại học Y Hà Nội.
8. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.
9. Ophthalmologie: a pocket textbook atlas. Gerhard KL. NewYork 2000.
10. Textbook of Ophthalmology. Kenneth WR. 1er Edition. London 1997.

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Lượng giá trước học phần: GV đặt các câu hỏi nhỏ
- Lượng giá trong quá trình học: câu hỏi, tình huống lâm sàng

- Kiểm tra lí thuyết: 01 bài tự luận 90 phút.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. Thực hành: Khoa Mắt bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Mắt bệnh viện Việt Tiệp với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng

TRƯỞNG BỘ MÔN	HIỆU TRƯỞNG
ThS. Nguyễn Văn Được	GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN THẦN KINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC THẦN KINH
(Bác sĩ đa khoa hệ chính quy)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số học phần: 1

Số ĐVHT: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75 Lý thuyết: 30 Thực hành: 45

Đối tượng sinh viên: Bác sỹ đa khoa hệ chính quy

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Thần Kinh

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Ths. Ngô Văn Dũng: Phụ trách Bộ môn
- Ths. Nguyễn Tuấn Lượng: Giảng viên-Giáo vụ Bộ môn
- Ths. Đào Thị Hồng Hải: Giảng viên
- Ths: Chu Thị Thuận: Giảng viên
- Ts: Nguyễn Thị Thu Huyền: Trưởng khoa Thần Kinh bệnh viện Việt Tiệp
- Ths: Phùng Đức Lâm: Phó trưởng khoa Thần Kinh BV Việt Tiệp

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu hệ Thần kinh, các đường dẫn truyền thần kinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hình ảnh cắt lớp vi tính não, cộng hưởng từ sọ não, tủy sống và một số bệnh lý thần kinh thường gặp. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng chẩn đoán và lập phác đồ điều trị một số bệnh thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về giải phẫu, đường đi của bó tháp, bó gối, các đường cảm giác, phản xạ, thần kinh ngoại biên, giải phẫu và chức năng các vùng vỏ não, thân não, tủy sống và các đường liên hệ.
2. Trình bày được các yếu tố dịch tễ cơ bản của một số bệnh lý thần kinh thường gặp.
3. Chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị các bệnh lý thần kinh thường gặp, đặc biệt bệnh tai biến mạch não.
4. Kiến tập thủ thuật cơ bản như chọc dò dịch não tủy.
5. Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, can thiệp mạch, điều trị tiêu sợi huyết đường tĩnh mạch, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.
6. Tư vấn phòng bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ và điều trị dự phòng cấp 2 cho người bệnh, đặc biệt trong bệnh tai biến mạch não.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Tên bài	Số tiết LT	Số tiết LS
HC tăng áp lực nội sọ.	2	2
HC lâm sàng do tổn thương tủy sống.	2	2
Hôn mê.	2	2
Đặc điểm của tổn thương TK TW & NB	1	2
HC liệt nửa người.	2	2
Đau thần kinh hông to	2	2
Khám 12 đôi dây TK sọ não.	1	4
Khám vận động.	2	4
Đau đầu	1	2

Viêm đa rễ và dây thần kinh cấp tính.	2	2
Nhược cơ.	2	2
HC liệt hai chân.	2	2
HC màng não.	2	2
Khám cảm giác.	1	4
Khám phản xạ	1	4
Tai biến mạch máu não	2	3
Động kinh	2	2
Đọc phim CT Scanner trong TBMN	1	2
Tổng số	**30**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa thần kinh bệnh viện Việt Tiệp HP
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phấn viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Thần Kinh Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.
- Phương pháp: Ca lâm sàng, bình và làm bệnh án.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng lý thuyết chuyên ngành thần kinh do bộ môn biên soạn.
2. Clinical Neurology, 2005
3. Textbook of clinical neurology 2004
4. Thực hành lâm sàng thần kinh học tập 2, PGS Nguyễn Văn Chương
5. Thực hành lâm sàng thần kinh học tập 3, PGS Nguyễn Văn Chương
6. Triệu chứng học thần kinh, đào tạo bác sĩ đa khoa,nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2008.
7. Thực hành thần kinh các bệnh và hội chứng thường gặp, 2008.
8. Ultimate review for the neurology boards,2008

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Lượng giá trước học phần: Giảng viên đặt các câu hỏi nhỏ
- Lượng giá trong quá trình học:
  + Câu hỏi, tình huống lâm sàng
  + Theo dõi sĩ số, thái độ học tập của sinh viên
- Lượng giá kết thúc:

Điều kiện thi kết thúc môn học:

+ Sử dụng kết quả quá trình ban đầu và kết quả trong quá trình là điều kiện thi kết thúc môn học.

+ Thi kết thúc môn học: hình thức thi vấn đáp

. Kiểm tra lý thuyết: câu hỏi lý thuyết

. Kiểm tra thực hành: câu hỏi nhỏ, các tình huống lâm sàng.

. Điểm đánh giá:(LT+TH)/2.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. Thực hành: Khoa Thần kinh bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng

TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BỘ MÔN	HIỆU TRƯỞNG
ThS. Ngô Văn Dũng	GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DA LIỄU

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số học trình: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01

Phân bố thời gian: 60 tiết Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Đối tượng sinh viên: Y ĐA KHOA

Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nội bệnh học

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Da liễu

II. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- Ths. Nguyễn Văn Hà
- Ths. Nguyễn Thị Liên
- Ths. Đào Minh Châu
- Bs. Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền
- Bs. Nguyễn Thị Lệ Thủy

III. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và một số buổi tự học và thảo luận có sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn về một số chủ đề chính về các bệnh da,

hoa liễu thông thường như: bệnh da nhiễm khuẩn, bệnh da do virus, các bệnh lây truyền qua đường tình dục.... Sau đó sẽ đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Hình thức thực hành: sinh viên sẽ được tham dự các buổi giao ban, đi buồng, bình bệnh án, thăm khám bệnh nhân hàng ngày và thực hành các kỹ năng lâm sàng trên người bệnh ở các phòng điều trị khoa da liễu và phòng khám da liễu tại khoa khám bệnh.

- Kỳ vọng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học áp dụng được vào thực tế để chẩn đoán, xử trí và quản lý cũng như tư vấn giáo dục sức khoẻ phòng chống một số bệnh da, hoa liễu thường gặp.

IV. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1.Trình bày được đặc điểm dịch tễ học cơ bản của một số bệnh Da liễu thường gặp

2. Trình bày được cơ chế sinh bệnh học cơ bản của một số bệnh da liễu thường gặp

3. Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh da liễu thường gặp

4. Chẩn đoán được một số bệnh da liễu thường gặp

5. Xử trí được một số bệnh da liễu thường gặp

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu, Sinh lý da,. Thương tổn cơ bản.	2	2
2.	Bệnh eczema	4	4
3.	Bệnh vảy nến	4	4
4.	Nhiễm độc da dị ứng thuốc	4	4
5.	Bệnh Phong	4	4
6.	Bệnh Zona	4	4
7.	Bệnh lậu	2	2

8.	Bệnh giang mai	2	2
9.	Bệnh ghẻ, bệnh chốc	2	2
10.	Bệnh nấm da	2	2
	Tổng	**30**	**30**

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

6.1 Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại bệnh viện, dạy học bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh,

6.2 Phương pháp học và tự học

- Sinh viên nghe giảng trên lớp và trao đổi, thuyết trình theo chủ đề, thảo luận nhóm
- Khi thực hành lâm sàng, sinh viên thăm khám bệnh, làm bệnh án để trình bày ca lâm sàng, thảo luận nhóm
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Bài Giảng Bệnh Da liễu do Bộ Môn biên soạn theo chương trình của Dự án Hà Lan

7.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình bệnh Da và hoa liễu – Học Viện Quân Y
- Da liễu học – Nhà xuất bản giáo dục
- Hướng dẫn sử dụng kháng sinh – Bộ Y Tế
- Miễn dịch học – Nhà xuất bản Y học
- Chuyên đề dị ứng học – Nhà xuất bản Y học

– Fitzpatrick's Clinical Dermatology.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Kiểm tra – đánh giá ban đầu: Thăm hỏi, phát vấn

- Kiểm tra – đánh giá trong quá trình: Tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ tại bệnh viện, chuẩn bị bài tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp

Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá ban đầu và trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra – đánh giá kết thúc học phần:

-*Thực hành:* bệnh án lâm sàng

-*Lý thuyết:* thi viết

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = LT**

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường , máy chiếu…
- Thực hành: Phòng thực hành: khoa Da liễu bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, khoa Da liễu bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp
- Tài liệu tranh, ảnh, mô hình giải phẫu da và hình ảnh một số bệnh Da liễu thường gặp: Vảy nến, Zona, Eczema...

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	P. TRƯỞNG BỘ MÔN
GS.TS. PHẠM VĂN THỨC	Nguyễn Văn Thà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG **BỘ MÔN LAO VÀ BỆNH PHỔI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** ---------- *Hải Phòng, ngày .... Tháng.... Năm 20...*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN LAO VÀ BỆNH PHỔI

1.THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số đơn vị học trình: 4	Lý thuyết: 2	Lâm sàng: 2
Phân bố thời gian (tiết): 90	Lý thuyết: 30	Lâm sàng: 60

Thời gian tự học: 50 tiết

Đối tượng sinh viên: **Bác sỹ đa khoa, Y học dự phòng.**

Bộ môn phụ trách:Bộ môn Lao và bệnh phổi

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành lao và bệnh phổi. Bao gồm những kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh lý về lao: lao phổi, lao các cơ quan khác, phòng bệnh lao và chương trình chống lao quốc gia.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1 Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về bệnh lao, vi khuẩn lao

3.2 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các phương pháp phát hiện vi khuẩn lao của các thể lao.

3.3 Trình bày được cách chẩn đoán các thể bệnh lao.

3.4 Trình bày được nguyên tắc điều trị và điều trị cụ thể các thể bệnh lao, hiểu rõ các thuốc chống lao.

3.5 Trình bày được công tác phòng chống lao của chương trình chống lao quốc gia, các phương pháp phòng bệnh lao.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1 Lý thuyết

STT	Tên bài giảng lý thuyết	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Đại cương bệnh lao	01	00	**PGS.TS. Phục**
2	Sinh bệnh học bệnh lao	01	00	
3	Dịch tễ học bệnh lao	01	00	
4	Lao phổi mãn tính	02	02	**TS. Điện**
5	Lao sơ nhiễm	02	02	
6	Phòng bệnh lao và chương trình chống lao quốc gia	03	03	
7	Vi trùng lao	01	01	**ThS. Thọ**
8	Chẩn đoán lao bằng Xquang	01	01	
9	Lao màng phổi	01	01	
10	Lao xương khớp	01	01	
11	Bệnh lao phối hợp	02	02	
12	Lao phổi cấp	01	01	
14	Lao màng bụng	01	01	
15	Lao tiết niệu sinh dục	01	01	
16	Lao màng não	02	01	
17	Cấp cứu ho ra máu	01	01	
18	Lao hạch	01	01	
19	Phản ứng Mantoux	01	00	
20	Điều trị bệnh lao	02	02	**TS. Điện**
21	Giải đáp thắc mắc	02	00	**PGS.TS. Phục**

4.2 Thực hành

STT	Tên bài giảng thực hành	Số tiết		Giảng viên
		TH	Tự học	
1	Gặp gỡ Sinh viên	02	00	**Ths Thọ**
2	Bình BA lao phổi tái phát	04	02	**TS. Điện**
3	Bình BA lao xương khớp	04	02	**Ths Thọ**
4	Bình BA Lao phổi mới	04	02	**TS. Điện**
5	Bình BA ho ra máu	04	02	**Ths Thọ**
6	Bình BA lao màng phổi	04	02	
7	Bình BA lao màng bụng	04	02	

8	Bình BA lao HIV	04	02	
9	Bình BA lao phổi cấp	04	02	
10	Đọc XQ	04	04	
11	Bình BA lao màng não	04	02	**TS. Điện**
12	Bình BA lao sơ nhiễm	04	02	
14	Bình BA lao hạch	04	02	**ThsThọ**
15	Tiêm Mantoux	03	00	
16	Đọc KQ Mantoux	03	02	
17	Thực tập vi trùng lao	04	00	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Giảng lý thuyết trên lớp, thiết kế bài giảng lấy sinh viên làm trung tâm. Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm.

- Thực hành: Hướng dẫn sinh viên học trên bệnh nhân cụ thể. Bình các thể bệnh lao trên bệnh nhân cụ thể.

5.2 Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên chuẩn bị bài và đọc các bài lý thuyết trước, nghe giảng và thảo luận trong bài giảng.

- Lâm sàng: Đi học lâm sàng đầy đủ, khám bệnh nhân tỉ mỉ, kỹ càng, trao đổi với bạn cùng học, giảng viên của bộ môn khi có thắc mắc.

- Tự học: Chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu, nghiên cứu lại các bài đã học, đọc thêm các sách tham khảo cùng chuyên ngành.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy:

Bệnh học lao – Bộ môn Lao và bênh phổi, ĐH Y Hải Phòng: Tài liệu học tập do bộ môn biên soạn.

6.2 Tài liệu tham khảo:

- Bệnh học lao và bệnh học phổi : T1 / Viện lao và bệnh phổi.-. - H. : Y học, 1996. - T2:472 tr. ; 24 cm

- Bệnh học lao và bệnh học phổi : T2 / Viện lao và bệnh phổi. - H. : Y học, 1994. - T1:357 tr.;24 cm
- Bệnh lao phổi / Gao Bei Li. - H. : Nxb. Hà Nội, 2004. - 163tr. ; 19 cm.
- Bệnh lao quá khứ hiện tại và tương lai / Trần Văn Sáng. - H. : Y học, 1997. - 90 tr. ; 19 cm.
- Bệnh lao trẻ em / Trần Văn Sáng. - H. : Y học, 1998. - 232 tr. ; 19 cm
- Các phương pháp phát hiện, chẩn đoán lao phổi, lao kê, lao màng não / Hoàng Minh. - H. : Y học, 2002. - 202tr. ; 25cm
- Hướng dẫn kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao kháng đa thuốc. - H. : Y học, 2010. - 119tr. ; 27cm
- Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Lao và bệnh phổi : Ban hành kèm theo Quyết định số 1918/QĐ-BYT ngày 04 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế / Nguyễn Việt Cồ. - H. : Y học, 2015. - 123tr. ; 27cm
- Hướng dẫn quy trình thực hành chuẩn xét nghiệm vi khuẩn lao. - H. : Y học, 2012. - 399tr. ; 27cm
- Lao màng não lao màng ngoài tim lao màng bụng. - H. : Y học, 2002. - 336 tr. ; 21 cm
- Tuberculose / Huchon,Gérard. - Paris : Aupelf-Uref, 1994. - 119p. ; 19cm
- Tuberculosis control as an in tegral part of primary care / world health organization. - Geneva : HO, 1988. - 47p. ; 19 cm
- WHO report 2006: Global tuberculosis control: surveillance, planning, financing. - Geneva : World Health Organization, 2006. - 242p. ; 27cm

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

7.1 Đánh giá sinh viên dựa trên các tiêu chí sau:

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận trên lớp.
- Kiểm tra kết thúc học phần

7.2 Hình thức đánh giá:

- Lý thuyết: thi tự luận.

- Lâm sàng: Thi vấn đáp

7.3 Trọng số % các điểm: Thi kết thúc học phần: 100%

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Trang bị giảng đường với đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập: Bảng, bàn ghế, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh (Loa, micro, ...)

- Trang bị phim Xquang phổi điển hình bệnh lao phục vụ học thực hành của sinh viên.

- Trang bị sinh phẩm tuberculin để phục vụ cho việc học thực hành của sinh viên.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM. BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	PGS. TS. Trần Quang Phục

TRƯỜNG ĐH Y HẢI PHÒNG
BM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
****

Hải Phòng, ngày 01 tháng 08 năm 2013

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số ĐVHT: 04 (2/2) Lý thuyết: 02 Thực hành: 02
Số tiết học: 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90
Đối tượng: Y5 đa khoa, Y4 YHDP

II. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

1. Nêu được khái niệm về tàn tật và trình bày cách phòng ngừa tàn tật
2. Trình bày được các phương thức VLTL- Phục hồi chức năng
3. Nhận biết một số dạng tàn tật thường gặp
4. Thăm khám- lượng giá- chẩn đoán- điều trị- phục hồi chức năng một số bệnh lý thường gặp.

III. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Bài giảng	LT	TH	GHI CHÚ
1.	Quá trình tàn tật và chiến lược phòng ngừa	2	0	
2.	Đại cương phục hồi chức năng. Các thương tật thứ cấp thường gặp, cách phòng ngừa.	2	6	
3.	Các phương thức vật lí trị liệu thường dùng. (Điện trị liệu; Ánh sáng trị liệu; Xoa bóp trị liệu; Kéo nắn trị liệu; Vận động trị liệu)	6	18	
4.	Lượng giá chức năng, thăm khám người khuyết tật. Thử cơ bằng tay. Đo tầm vận động khớp.	2 2 2	12 9 9	
5.	PHCN bệnh nhân tổn thương thần kinh trung ương. - PHCN BN liệt ½ người do TBMN - PHCN BN TT tủy sống - PHCN BN CT sọ não	 4 2 2	 6 6 6	
6.	PHCN BN gãy xương	2	6	
7.	PHCN trẻ chậm phát triển trí tuệ PHCN trẻ bại não	2 2	6 6	
Tổng		30 tiết	90 tiết	

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC

4.1. Phương pháp dạy/ học:

- Lý thuyết: thuyết trình., thảo luận nhóm
- Thực hành, thực tập tại Bệnh viện, dạy học bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh.

4.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên đọc bài trước khi đến lớp, nghe giảng lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm.
- Khi thực hành lâm sàng, sinh viên được kiến tập, được hướng dẫn thăm khám lâm sàng và được thăm khám bệnh nhân trên lâm sàng dưới sự giám sát của giảng viên, làm bệnh án trình bày ca lâm sàng, thảo luận nhóm.

V. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

5.1. Tài liệu giảng dạy:

Giáo trình Bài giảng Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng, Bộ môn Phục hồi chức năng- Trường Đại học Y Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

1. Tài liệu Phục hồi chức năng phát tay, Bộ môn Phục hồi chức năng- Trường Đại học Y Hải Phòng.
2. Hà Hoàng Kiệm (2006), *Giáo trình giảng dạy đại học và sau đại học Vật lí trị liệu và Phục hồi chức năng*, Nhà xuất bản quân đội nhân dân.
3. Trần Trọng Hải, Trần Quý Tường, Cao Minh Châu, Trần Văn Chương và cs (2010), *Bộ tài liệu Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.
4. Nguyễn Thị Ngọc Lan (2011), *Bệnh học cơ xương khớp nội khoa*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. File PDF: MCMahon. M, Pruitt. D, Adams. JV, (2009), Cerebral palsy, Alexander. MA, Matthews. DJ, *Pediatric Rehabilitation priciples and practice*, Demos Medical, 4, 165- 97.

VI. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

6.1. Cơ sở thực hành:

- Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Việt Tiệp

6.2. Máy móc trang thiết bị:

- Một số trang thiết bị Vật lý trị liệu: Đèn hồng ngoại, máy vi sóng, điện phân, điện xung, máy kéo giãn cột sống, dụng cụ hoạt động trị liệu, tập với dụng cụ khớp vai, khớp gối …

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

7.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Phục hồi chức năng.
- Yêu cầu: sinh viên nhớ- hiểu kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học môn Phục hồi chức năng.

7.2. Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học đầy đủ trên lớp lý thuyết và thực hành tại bệnh viện.
- Chuẩn bị tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp.

7.3. Đánh giá hết môn: Hình thức thi:

- Thi thực hành: thi vấn đáp hoặc tình huống lâm sàng.
- Thi lý thuyết: thi viết

Trọng số (%) các điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần.

Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Phục hồi chức năng

STT	TÊN GIẢNG VIÊN	CHỨC VỤ
1	Ths. Vũ Văn Túy	P. Trưởng phụ trách BM
2	Ths. Bùi Thị Bích Ngọc	Giảng viên
3	Bs. Đoàn Thị Thanh Hà	Giảng viên
4	Bs. Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Giảng viên

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

P. TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BM

Ths. Vũ Văn Túy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ MÔN TÂM THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------&----------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN
NĂM HỌC 2014-2015

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
Số tiết học: Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 60 tiết
Đối tượng sinh viên: Y đa khoa 6 năm
Số lần kiểm tra: 02
Số chứng chỉ: 01
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm thần
Giáng viện phụ trách giảng dạy:

1. PGS.TS. Phạm Văn Mạnh
2. Ths. Nguyễn Quang Đại
3. Ths Vương Thị Thủy
4. Bs Lê Sao Mai
5. Bs Trịnh Quốc Việt

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên, bệnh sinh, các phương pháp điều trị và dự phòng bệnh tâm thần. Hướng dẫn sinh viên nhận biết một số rối loạn tâm thần thường gặp, các biện pháp điều trị,chăm sóc, theo dõi, quản lý bệnh tâm thần tại cộng đồng.

Việc học tập của sinh viên dựa vào giáo trình của bộ môn kết hợp với tìm hiểu thông tin trên internet và tài liệu dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Các kiến thức về khoa học hành vi, y học xã hội và nhân học y học sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn, sâu hơn khi học học phần này.

Nội dung học phần gồm:
Phần 1: Các triệu chứng và hội chứng rối loạn tâm thần
Phần 2: Một số bệnh tâm thần thường gặp
Phần 3: Chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần đạt được các mục tiêu sau:

1. Phát hiện được các rối loạn tâm thần thường gặp trong cộng đồng
2. Phát hiện và xử trí kịp thời một số tình trạng cấp cứu trong tâm thần
3. Tổ chức quản lý và phục hồi chức năng tại cộng đồng cho bệnh nhân tâm thần

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Stt	Nội dung	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Đại cương tâm thần học	2	0
2	Triệu chứng học	9	18
3	Nghiện ma tuý	3	8
4	Kích động	1	2
5	Lạm dụng rượu và nghiện rượu	4	8
6	Tự sát	1	2
7	Các rối loạn tâm thần thực tổn	2	4
9	Các rối loạn liên quan stress	2	4
10	Trầm cảm	2	4
11	Tâm thần phân liệt	3	8
12	CSSK tâm thần tại cộng đồng	1	2

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình, tình huống lâm sàng, thảo luận nhóm

- Thực hành lâm sàng: cho sinh viên thăm khám bệnh nhân tại khoa phòng, hướng dẫn lâm sàng, trình bày ca lâm sàng

2. Phương pháp học:

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên

- Khi thực tập lâm sàng: thăm khám bệnh, làm bệnh án, trình bày ca lâm sàng, thảo luận với giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học:sinh viên tìm hiểu thông tin, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giáo viên sau đó trình bày, báo cáo, thảo luận giữa các nhóm sinh viên và với giảng viên

VI. TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn cung cấp: Tập bài giảng dành cho đối tượng sinh viên Y đa khoa

2. Tài liệu tham khảo:

1. Tâm thần học đại cương và điều trị các bệnh tâm thần, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, (2003).
2. Tâm thần học và tâm lý học y học, Nxb. Quân đội nhân dân, (2007).
3. Các rối loạn liên quan với stress và điều trị học trong tâm thần, Bộ môn Tâm thần, Trường Đại học Y Hà nội, 2003.
4. Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 về các rối loạn tâm thần và hành vi (ICD10), Geneva, 1992.

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. **Đánh giá ban đầu**:
   - Sinh viên phải tham dự đầy đủ các tiết học theo quy định của nhà trường.
   - Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên các kiến thức của các chuyên ngành liên quan.
2. **Đánh giá quá trình**: thông qua thái độ học tập, hoạt động nhóm của sinh viên, bệnh án.
3. **Đánh giá cuối môn học**

   Lý thuyết: thi trắc nghiệm, thời gian 60 phút

   Lâm sàng: vấn đáp

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, tài liệu, vở bút.
- Trang thiết bị thực hành lâm sàng: quần áo blouse bảo hộ lao động và các vật dụng khác phù hợp với nội dung từng bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	PHẠM VĂN MẠNH
GS.TS. Phạm Văn Thức	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần

Tổng số đơn vị học trình: 06 Lý thuyết: 03 Thực hành: 03

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 45 Thực hành: 135

Đối tượng sinh viên: **Y5 Đa khoa**

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội cơ sở, nội bệnh lý

Học phần học trước: Thần kinh

Học phần song hành

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS.Nguyễn Thị Thu Hiền, TS.Lương Trần Khuê,ThS.Nguyễn Minh Thụy, ThS.Nguyễn Thị Thùy Dung, ThS. Lê Ngọc Sơn, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, BSCKI. Đoàn Mỹ Hạnh, BSNT.Khúc Thị Song Hương, ThS. Nguyễn Thị Thúy, BS. Phạm Tiến Dũng, BS.Trần Danh Tiến Thịnh.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần YHCT cung cấp cho SV các kiến thức về

- Lý luận cơ bản của YHCT.
- Vị trí, tác dụng của các huyệt thường dùng.
- Tên gọi, bộ phận dùng, tác dụng, liều lượngcủa các vị thuốc trong 12 nhóm thuốc YHCT thường dùng
- Chẩn đoán và điều trị một số bệnh bằng châm cứu và dùng thuốc

3.MỤC TIÊU

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được nội dung cơ bản và ứng dụng của một số học thuyết YHCT
- Trình bày được vị trí, tác dụng của các huyệt thường dùng, làm được thủ thuật và xây dựng được công thức huyệt châm cứu trong điều trị một số bệnh thông thường.
- Trình bày được tên, bộ phận dùng, tác dụng, liều lượng của các vị thuốc thuộc 12 nhóm thuốc y học cổ truyền. Xây dựng được đơn thuốc theo đối pháp lập phương để điều trị một số bệnh thường gặp.
- Chẩn đoán và điều trị một số bệnh bằng châm cứu và dùng thuốc YHCT

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH LÝ THUYẾT MÔN HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đối tượng: Bác sỹ đa khoa

STT	Nội dung	số tiết
1	Học thuyết Âm Dương ngũ hành	3
2	Học thuyết tạng tượng. Nguyên nhân gây bệnh	4
3	Tứ chẩn.Bát cương.Bát pháp	4
4	Đại cương về kinh lạc và huyệt. Huyệt theo vùng cơ thể	4
5	Phương pháp châm cứu. Cơ chế tác dụng của châm cứu	3
6	Đại cương về thuốc YHCT. Thuốc giải biểu. Thuốc an thần	4
7	Thuốc thanh nhiêt, lợi tiểu, trừ hàn	4
8	Thuốc hành khí, hoạt huyết, trừ đàm, cầm máu	4
9	Thuốc bổ, bình can, nhuận tràng	4
10	Đau thần kinh tọa. Viêm khớp dạng thấp. Cảm cúm	4
11	Suy nhược thần kinh. Liệt VII ngoại biên. Nổi mẩn dị ứng	4
12	Phục hồi di chứng liệt nửa người do TBMMN. Đau vai gáy	3
Tổng số		**45**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH LÂM SÀNG MÔN HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Đối tượng: Bác sỹ đa khoa

STT	Nội dung	số tiết
1	Tứ chẩn	5
2	Đại cương về kinh lạc và huyệt. Huyệt theo vùng cơ thể	20
3	Thực hành châm	25
4	Thực hànhThuốc giải biểu. Thuốc an thần,	5
5	Thực hànhThuốc thanh nhiêt, lợi tiểu, trừ hàn	5
6	Thực hành Thuốc bổ, bình can, nhuận tràng	5
7	Thực hành thuốc hành khí, hoạt huyết, trừ đàm	5
8	Đau thần kinh tọa	5
9	Viêm khớp dạng thấp.	5
10	Suy nhược thần kinh.	5
11	Phục hồi di chứng liệt nửa người do TBMMN.	5
12	Đau lưng	5
13	Cảm cúm	5
14	Nổi mẩn dị ứng	5
15	Đau vai gáy	5
16	Liệt VII ngoại biên	5
17	Cách làm bệnh án YHCT	5
18	Bình bệnh án	15
Tổng số		**135**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy học:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, bảng kiểm

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình Y học cổ truyền dành cho Y5 đa khoa do bộ môn biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 1, NXB Y học

2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu: hỏi thăm, phỏng vấn SV

- Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: Đi học đầy đủ, nghỉ không quá 20% tổng số buổi học

Lâm sàng: Đi học đầy đủ, không nghỉ học quá 03 buổi lâm sàng

- Làm bệnh án: SV làm, nộp đủ 03 bệnh án. Giáo viên sửa và chấm điểm

- Đánh giá kết thúc học phần:

Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình đạt là điều kiện để thi kết thúc học phần

Thi kết thúc học phần

*Lâm sàng:*Thi vấn đáp, thực hành thủ thuật

Lý thuyết: Thi test MCQ, câu hỏi ngắn

Điểm thi lý thuyết và lâm sàng tính độc lập

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: máy chiếu, giảng đường, phấn bảng, máy tính

- Lâm sàng: Phòng thực hành, bệnh viện thực hành, kim châm cứu, mẫu thuốc theo danh mục, máy điện châm, bông cồn ....

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TRUYỀN NHIỄM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRUYỀN NHIỄM

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ ĐA KHOA NĂM HỌC 2014 - 2015

Số ĐVHT: 06 (Lâm sàng 3 ĐVHT/ Lý thuyết 3 ĐVHT)

Só tiết: 45 Lý thuyết; 135 Lâm sàng

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Trình bày được các yếu tố dịch tễ học cơ bản của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
2. Mô tả sinh lý bệnh học cơ bản của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
3. Mô tả lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
4. Chẩn đoán được của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp
5. Xử trí được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng
6. Tư vấn phòng bệnh, chuyển tuyến một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng

II. NỘI DUNG

TT	TÊN BÀI HỌC	TIẾT GIẢNG		
		Lý thuyết	Thực hành	Tổng số
1	Đại cương các bệnh truyền nhiễm	2	0	2
2	HIV/AIDS	4	24	28
3	Viêm gan do vi rút	3	24	27
4	Viêm màng não mủ	3	12	15
5	Viêm não	2	8	10
6	Leptospirose	2	4	6
7	Sốt mò	2	4	6
8	Tả	2	4	6

9	Các bệnh truyền nhiễm mới nổi/tái nổi	2	4	6
10	Sốt rét	3	0	3
11	Sốt xuất huyết Dengue	2	8	10
12	Uốn ván	2	6	8
13	Thủy đậu	1	3	4
14	Quai bị	2	4	6
15	Nhiễm khuẩn huyết	3	8	11
16	Thương hàn	2	4	6
17	Lỵ amip	1	2	3
18	Lỵ trực khuẩn	2	4	6
19	Sởi	2	4	6
20	Bệnh dại	1	2	3
21	Cúm	1	6	7
22	Hội chứng phát ban	1	6	7
	Tổng số tiết giảng	45	135	180
	Tổng số ĐVHT	3	3	6

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Lý thuyết: Tổ chức dạy học tại giảng đường trường hoặc giảng đường bệnh viện giảng

- Thuyết trình
- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực:
  + Thảo luận nhóm
  + Đóng vai
  + Nghiên cứu tình huống

2. Thực hành: Tại bệnh viện

- Phân tích ca lâm sàng cụ thể
- Học lâm sàng theo từng nhóm nhỏ, giao ban hàng ngày…

IV. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

1. Kiểm tra, đánh giá ban đầu:

Hỏi và lượng giá kiến thức SV các môn học có liên quan trước đó.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình học:

- Chuyên cần: Mức độ tham gia học tập trên lớp, thực hành tại Bệnh viện (Sổ điểm danh, sổ trực, bệnh án học tập từng tuần..)
- Thái độ trong học tập, mức độ tham gia các hoạt động thảo luận khi học lâm sàng.

Kiểm tra đánh giá ban đầu và kiểm tra, đánh giá quá trình học là điều kiện xét thi kết thức học phần

3. Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần:

- Điều kiện: Tham gia > 90 % các buổi học lý thuyết và lâm sàng.
- Thi thực hành: Bốc bệnh án và thi vấn đáp, phân tích ca lâm sàng ngẫu nhiên
- Thi lý thuyết: Tự luận (trắc nghiệm)
- Điểm áp dụng thang điểm 10.

V. PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Bảng 1: PHÂN CÔNG BÀI GIẢNG LỚP Y5 HỆ CHÍNH QUY (3LT, 3 LS)

GIẢNG VIÊN	Tên bài	Số tiết lý thuyết
Ths. Bs. Phạm Thị Vân Anh	**8 bài**	**16 tiết**
	Đại cương các bệnh truyền nhiễm	**2**
	HIV/AIDS	4
	Sốt xuất huyết Dengue	2
	Thương hàn	2
	Hội chứng phát ban	1
	Viêm não	3
	Một số bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi	2
	Dại	1
Ths.Bs. Trần Thị Liên	**4 bài**	**9 tiết**
	Sốt rét	3
	Uốn ván	2
	Nhiễm khuẩn huyết	3
	Thủy đậu	1
Hoàng Thị Thía	**3 bài**	**7 tiết**

	Viêm màng não	3
	Leptospirose	2
	Tả	2
Nguyễn Thị Phương	**3 bài**	**5 tiết**
	Quai bị	2
	Cúm	1
	Sởi	2
Trần Thị Thoa	**2 bài**	**3 tiết**
	Lỵ amip	1
	Lỵ trực khuẩn	2
Ts.Bs Vũ Hải Vinh	**2 bài**	**5 tiết**
	Sốt mò	2
	Viêm gan do vi rút	3
Tổng cộng	**22 bài**	**45 tiết**

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm, ĐHYD TP Hồ Chí Minh năm 2006
2. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm ĐHY Hà Nội. Nhà xuất bản Y Học năm 2011
3. Bài giảng Truyền Nhiễm. Bùi Đại
4. Bệnh Học Truyền Nhiễm. Học Viện Quân Y. Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân
5. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 8E 8th edition.
6. https://www.uptodate.com/home

Hải Phòng, ngày 14 tháng 7 năm 2014

BAN GIÁM HIỆU **PT BỘ MÔN**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức

Phạm Thị Vân Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bộ môn: Ung Bướu	***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***
	=====&=====

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN UNG BƯỚU

1. Mã số:

2. Số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

3. Số tiết học: Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

4. Số lần kiểm tra: 1 Số chứng chỉ: 1

5. Đối tượng sinh viên:

Y6 – YĐK, Y5 – YHDP,

Chuyên tu năm 4

6. Mục Tiêu môn học

* *Kiến thức:*

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế, sàng lọc ung thư.
- Phân biệt được u lành và u ác.
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán một số bệnh ung thư phổ biến.
- Trình bày được các phương pháp điều trị một số bệnh ung thư thường gặp.

* *Kỹ năng:*

- Khám phát hiện các triệu chứng bệnh.
- Tư vấn cho bệnh nhân ung thư.
- Áp dụng các kiến thứcđã học để chẩn đoán vàđiều trị bệnh ung thư thường gặp.

* *Thái độ:*

Có tháiđộ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình học tập.

7. Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Giảng vên
	LÝ THUYẾT			
1	Đại cương ung thư	2	0	PGS Hòa
2	Nguyên nhân ung thư	2	0	Bs Hưng C
3	Sàng lọc ung thư	2	0	Bs Sâm
4	Chẩnđoán bệnh ung thư	2	0	Bs Quang
5	Chẩnđoán GPB bệnh ung thư	2	0	Bs Dương
6	Nguyên tắcđiều trị ung thư	1	0	PGS Hòa
7	Điều trị toàn thân ung thư	1	0	Bs Chung
8	Phẫu thuật ung thư	1	1	Bs Quang
9	Xạ trị ung thư	1	1	Bs Hưng E
10	Điều trịđau do ung thư	1	1	Bs Sâm
	THỰC HÀNH			
11	K khoang miệng	0	1	Bs Hưng E
12	K thực quản	0	1	PGS Hòa
13	K dạ dày	0	1	PGS Hòa
14	K gan	0	1	PGS Hòa
15	K đại trực tràng	0	1	Bs Hưng C
16	K vú	0	1	Bs Quang
17	K cổ tử cung	0	1	Bs Sâm
18	K buồng trứng	0	1	Bs Hưng C
19	K hạch	0	1	Bs Chung
20	K vòm	0	1	Bs Hưng E
21	K phổi	0	1	Bs Chung
22	K tiền liệt tuyến	0	1	Bs Quang

8. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: Chủ yếu là thuyết trình, kết hợp với nêu và giải quyết vấn đề giảng dạy và học tập theo hướng tích cực, áp dụng công nghệ thông tin.

- Thực hành: Giảng lâm sàng trên thực tế bệnh nhân và các tình huống giảđịnh . Hướng dẫn các phương pháp khám phát hiện triệu chứng, đọc phim....

9. Lượng giá:

Đánh giá ban đầu: Đặt câu hỏi cho sinh viên

Đánh giá quá trình: Quan sát thái độ học tập, hoạt động nhóm….

Đánh giá kết thúc: Bình bệnh án, Trình bày ca lâm sàng, Làm bài viết tự luận.

Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

10. Tài liệu học tập:

Giáo trình "Ung thư họcđại cương" - Đại học Y Hà Nội

Giáo trình "Chẩnđoán vàđiều trị bệnh ung thư" - Đại học Y Hà Nội.

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Ung bướu.

11. Chuẩn bị Cơ sở Vật chất:

- Giảng đường học tập tại trường với đầy đủ trang thiết bị học tập
- Giảng đường học thực hành tại bệnh viện.
- Sinh viên đi học lâm sàng tại TTUB – Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

Hải Phòng, Ngày .....tháng .....năm……

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Vũ Văn Hòn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
ĐƠN VỊ KỸ NĂNG Y KHOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: KỸ NĂNG Y KHOA CƠ BẢN
(Tiền lâm sàng- Skillslab)
Năm học 2014-2015

I. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tổng sốĐVHT: 04 Lý thuyết: 00 Thực hành: 04
Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết:00 Thực hành:120 tiết
Đối tượng sinh viên: năm thứ 2 hệ Bác sỹ đa khoa.
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Đơn vị kỹ năng y khoa (Skillslab).

II. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng thăm khám, kỹ năng thủ thuật. Các kỹ năng này sinh viên được chia nhóm nhỏ, học và thực hành bằng các phương pháp đóng vai, trình diễn, thực tập trên mô hình, bệnh nhân giả, video… trước khi sinh viên đi bệnh viện. Mục tiêu là để sinh viên làm quen và thuần thục các kỹ năng trước khi sinh viên thực tập trên người bệnh để hạn chế rủi ro và mang tính nhân văn đối với người bệnh.

- Trước khi sinh viên lên lớp học, sinh viên cần đọc giáo trình về nội dung bài học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình hoặc thảo luận. Ngoài ra, sinh viên đọc các tài liệu tham khảo có liên quan đến chủ đề bài học để hiểu chủ đề học sâu sắc hơn. Sinh viên tự thực hành các kỹ năng tại phòng skills lab

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Thực hành được các kỹ năng (giao tiếp cơ bản, thăm khám, thủ thuật) thuần thục trước khi đi thực hành lâm sàng.

IV. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	LT	TH
Kỹ năng giao tiếp			
1	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	0	8
2	Kỹ năng khai thác bệnh sử, làm bệnh án	0	4
3	Kỹ năng giao tiếp với người bệnh và người nhà bệnh nhân	0	4

4	Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp	0	4
5	Kỹ năng giao tiếp với cộng đồng	0	4
6	Kỹ năng thảo luận nhóm	0	4
7	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	0	8
8	Kỹ năng tham vấn nuôi dưỡng trẻ	0	4
Kỹ năng thăm khám			
9	Kỹ thuật khám cơ bản và toàn thân	0	4
10	Kỹ thuật khám hệ tuần hoàn	0	4
11	Kỹ thuật khám hệ hô hấp	0	4
12	Kỹ thuật khám hệ tiêu hóa	0	4
13	Kỹ thuật khám thận- tiết niệu	0	4
14	Kỹ thuật khám cơ- xương- khớp	0	4
15	Kỹ thuật khám hệ thần kinh	0	4
16	Kỹ thuật khám vú	0	4
17	Khám phụ khoa	0	4
18	Kỹ thuật đỡ đẻ thường	0	4
19	Khám trẻ sơ sinh sớm đủ tháng Khám trẻ sơ sinh muộn	0	4
20	Đánh giá, phân loại triệu chứng ho và khó thở ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi theo IMCI	0	4
21	Đánh giá và phân loại triệu chứng tiêu chảy ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi theo IMCI	0	4
Kỹ năng thủ thuật			
22	Kỹ năng đặt nội khí quản/ bóp bóng	0	4
23	Kỹ năng chọc dò màng bụng	0	4
24	Kỹ năng chọc dò màng phổi	0	4
25	Kỹ năng chọc dò tủy sống	0	4
26	Kỹ năng đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	0	4
27	Kỹ năng đọc một phim X quang phổi thẳng bình thường	0	4
28	Kỹ năng đọc phim cột sống, khớp bình thường	0	4
TỔNG SỐ	**0**	0	120

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

- Thực hành: Thực hành bằng phương pháp đóng vai, bệnh nhân giả, video, mô hình, trình diễn thực tập, thảo luận nhóm nhỏ, bài tập tình huống, dựa trên vấn đề, y học chứng cứ

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, thảo luận nhóm, động não, làm bài tập, thuyết trình, tự thực hành và xem video trên skillslab, thu thập thông tin, kiểm tra theo yêu cầu môn học

VI. CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

- Đơn vị huấn luyện kỹ năng y khoa.
- TS. Thái Lan Anh, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Phạm Thị Thư, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Nguyễn Thị Phương, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Bùi Thị Thanh Mai, Khoa Điều dưỡng.
- ThS. Vũ Văn Thái, bộ môn Ký sinh trùng, phó khoa XQ.
- Các giảng viên bộ môn Nhi
- Các giảng viên bộ môn Sản

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- *Tài liệu giảng dạy kỹ năng y khoa*, đơn vị kỹ năng y khoa, trường Đại học y Hải Phòng.

2. Tài liệu tham khảo

- Nhà xuất bản y học (2009), kỹ năng y khoa cơ bản
- Nhà xuất bản y học (2007), bài giảng huấn luyện kỹ năng y khoa.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá ban đầu: Đặt câu hỏi – sinh viên trả lời

2.Đánh giá quá trình:

- *Chuyên cần:* tham gia học trên lớp và thực hành tại bệnh viện đầy đủ, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà) chiếm trọng số 1/8 điểm môn học.
- *Kiểm tra thường xuyên:* hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho: bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình, mỗi sinh viên có 01 điểm này trong quá trình học (có trọng số là 1/8 điểm môn học)

3. Đánh giá hết môn:(có trọng số là 3/4 điểm học phần) chia thành 3 nhóm kỹ năng (giao tiếp 1/4, thăm khám 1/4, thủ thuật 1/4 điểm môn học)

* Công thức tính điểm môn học như sau:

A =((A1 + A2)x1 + (A3 + A4 + A5)x 2)/8

Trong đó: **A**: là điểm của môn học

A1: là điểm chuyên cần

A2: là điểm kiểm tra thường xuyên

A3: là điểm kiểm tra trạm kỹ năng giao tiếp

A4: là điểm kiểm tra trạm kỹ năng thăm khám
A5: là điểm tra kỹ năng thủ thuật

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thực hành:

Vật liệu dạy học: Phòng thực hành, phấn, bảng, máy tính, mô hình, giấy A0, bút màu, máy chiếu, màn chiếu.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG ĐƠN VỊ	GIÁO VỤ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG		
HIỆU TRƯỞNG		
GS.TS. Phạm Văn Thức		

Trường Đại học Y Hải Phòng
Bộ môn Giải phẫu bệnh - Y pháp

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC Y PHÁP

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã số:
Tổng số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ YHDP
Học phần tiên quyết:
Học phần học trước:
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giải phẫu bệnh - Y pháp
Giảng viên tham gia giảng dạy: Ngô Quang Dương, Phạm Văn Tuy, Nguyễn Ngọc Quý.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Y pháp là một ngành khoa học thuộc chuyên khoa y học, nhằm phục vụ cho công tác tư pháp hay pháp luật. Môn học Y pháp cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về y pháp học như sự chết, các điều luật đối với thầy thuốc, thương tích học, độc học…

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Giúp sinh viên nhận biết được sự chết, những biến đổi tử thi sau chết, ước lượng thời gian chết; nhận biết được các loại thương tích thường gặp; nhận biết và phân tích được các trường hợp ngộ độc thường gặp.
- Kỹ năng: Có kỹ năng suy luận tổng hợp, phân tích tình huống, dấu hiệu, triệu chứng,… để đưa ra chẩn đoán chính xác.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về y pháp học, nhận định sự chết, những biến đổi tử thi sau chết sớm và muộn; các kiến thức về thương tích học; ngạt cơ học, độc học.

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Lịch sử Y pháp. Nội dụng và đối tượng Y pháp. Các điều luật với thầy thuốc	1		
2	Sự chết, những biến đổi sau chết, ước lượng thời gian chết. Chết đột ngột, chết nghi vấn, chết cần giám định Y pháp	3	10	

3	Thương tích. Phân loại thương tích do vật tày, vật sắc, vật nhọn. Phân biệt thương tích trước và sau chết.	3	8	
4	Thương tích do hỏa khí, do điện. Tai nạn giao thông.	3		
5	Ngạt đại cương. Ngạt cơ học: Chết treo cổ, chết trong chất lỏng, chết ngạt do CO.	1	8	
6	Nhiễm độc: Lâm sàng, dấu hiệu và tổn thương chung, đặc hiệu (lân hữu cơ, thuốc ngủ, thạch tín)	2		
7	Pháp y tình dục; phá thai phạm pháp, giết sơ sinh.	1		
8	Phương pháp viết văn bản giám định y pháp	1	4	
Tổng		**15**	**30**	

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Kiến tập: mổ súc vật thí nghiệm, nhận định và phân tích nguyên nhân tử vong, ước lượng thời gian tử vong.

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi kiến thức
- Khi thực tập: Sinh viên quan sát, nhận định, trao đổi và thảo luận
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng; tự học trên sách báo, video…

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Y pháp do bộ môn Y pháp, trường ĐH Y Hà Nội biên soạn

7.2. Tài liệu tham khảo

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Kiểm tra - đánh giá ban đầu:

+ Bộ môn hỏi thăm sinh viên về các môn học trước (Giải phẫu, mô phôi học), về nội dung môn học.

+ Hỏi những câu hỏi ngắn liên quan đến những bài học trước đó để đánh giá mức độ học - hiểu của sinh viên.

- Kiểm tra - đánh giá trong quá trình:

+ Theo dõi sỹ số, theo dõi thái độ học tập của sinh viên.

+ Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và kết quả đánh giá quá trình làm điều kiện kiểm tra - đánh giá kết thúc.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ (kết thúc):

- Thi lý thuyết:
+ Hình thức thi: Tự luận
+ Thời lượng thi: 60 phút

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: Dụng cụ thực hành và súc vật thí nghiệm phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Ehức	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI & PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC PHẪU THUẬT THỰC HÀNH

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số ĐVHT: 2 Lý thuyết:1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Đối tượng sinh viên (dự kiến): SV dài hạn năm thứ 3, BS liên thông năm 2

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại- PTTH

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc giải phẫu, chức năng cơ quan, các bệnh lý ngoại khoa cơ bản và chỉ định ngoại khoa. Sinh viên nhận biết được các dụng cụ ngoại khoa kinh điển và cập nhật. Sinh viên nắm được các động tác cơ bản dùng cho phẫu thuật nói chung. Trên cơ sở các bài học thực hành trên súc vật, sinh viên làm được các thao tác cơ bản và làm được một số thủ thuật cấp cứu và một số phẫu thuật thường qui ngoại khoa.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kiến thức:

1. Nắm vững chỉ định, các thì phẫu thuật cơ bản của một số phẫu thuật ngoại khoa.
2. Nắm vững được các động tác cơ bản của phẫu thuật, cách sử dụng các dụng cụ phẫu thuật.
3. Làm được một số thao tác cơ bản trong phẫu thuật, làm được một số thủ thuật cấp cứu ngoại khoa.

Kỹ năng:

1. Nhận biết các loại dụng cụ ngoại khoa.
2. Sử dụng các dụng cụ áp dụng cho từng loại phẫu thuật cơ bản.
3. Kĩ năng chuẩn bị dụng cụ và đưa dụng cụ cho phẫu thuật viên theo một số ca mổ cụ thể.
4. Kĩ năng nhận biết tạng trên súc vật.
5. Thực hiện được một số thao tác cơ bản:
   - Tháo lắp dao mổ.
   - Kĩ năng buộc chỉ.
   - Kĩ năng khâu các mũi khâu cơ bản.
   - Cách rửa tay ngoại khoa, mặc áo đeo găng.

Thái độ: Có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỉ mỉ trong quá trình học tập.

II. NỘI DUNG MÔN HỌC:

STT	NỘI DUNG	LT	Giảng viên
1	Đại cương khâu ống TH, khâu lỗ thủng ruột. Khâu nối ruột tận – tân, bên- bên, tận – bên.	2	PGS.TS Duyệt
2	Đại cương môn PTTH. Mở đóng bụng. Mổ thoát vị bẹn. Các đường vào gan. Khâu vết thương gan.	2	BS Hưng
3	Đại cương bộc lộ ĐM. Bộc lộ ĐM đùi. Bộc lộ ĐM cánh tay.	2	BS Hưng
4	Mở thông dạ dày- Nối vị tràng	1	BS Dương
5	Đại cương cắt cụt chi. Cắt cụt chi trên, chi dưới.	1	BS Thành F
6	Mở màng phổi tối thiểu.	1	BS Tiến
7	Mổ cắt ruột thừa. Mở khí quản.	2	BS TIến
8	Dẫn lưu bàng quang. Dẫn lưu túi mật.	2	Ths Hiệu

9	Thăm dò dạ dày. Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng .	2	Ths Thương
	Tổng số	15	

THỰC HÀNH

STT	NỘI DUNG	TH
1	Giới thiệu dụng cụ	5
2	Mở đóng bụng, đường vào hậu cung mạc nối	5
3	Khâu nối ruột tận tận một lớp	5
4	Mở thông dạ dày- Nối vị tràng	5
5	Làm đường hầm WITZEL	5
6	Mở màng phổi tối thiểu.	5
7	Mổ cắt ruột thừa. Mở khí quản.	5
8	Dẫn lưu bàng quang. Dẫn lưu túi mật.	5
9	Thăm dò dạ dày. Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng .	5
	Tổng số	45

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

a. Phương pháp dạy

Học lý thuyết trên giảng đường. Xem băng, dạy thực tập trên súc vật tại phòng thực tập , nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, báo cáo, bảng kiểm,…

b. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận, xem băng, bảng kiểm,…
- Sinh viên học dưới sự giám sát, hướng dẫn của giảng viên và KTV.

IV. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

a. **Tài liệu giảng dạy**

- Sách PTTH – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

b. **Tài liệu tham khảo**

- Sách PTTH - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2007

V. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a/ Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động chuẩn bị dụng cụ và súc vật do phòng vật tư cung cấp.

- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dùng làm ĐK thi kết thúc học phần

b/ Thực hành: Đánh giá

- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận…
- Kiểm tra thường xuyên
- Kiểm tra thực hành
- Thi kết thúc học phần: thực hiện kỹ thuật trên súc vật, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên , sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trước khi thi lại lần 2.

VI. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng

Phòng thực hành tại Bệnh viện Đại học Y Hải phòng

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
GS.TS. PHẠM VĂN THỨC	PGS.TS Phạm Văn Duyệt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH LÂM SÀNG
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUI K32

1. Mã số môn học: HSLS
2. Số đơn vị học trình: 1vht; Lý thuyết: 1; thực hành: 0 đvht
3. Số tiết học: Lý thuyết: 15 tiết
4. Số lần thi: 0
5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:

- Mô tả được cơ chế bệnh sinh, biến đổi chỉ số hóa sinh ở bệnh nhân mắc đái tháo đường, bệnh lý tim mạch, thận, gan

6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	
		Giờ	GV
1	Hóa sinh bệnh đái tháo đường	4	Bs Nam
2	Hóa sinh bệnh lý tim mạch	4	Bs Nam
3	Hóa sinh bệnh lý gan	4	Bs Nam
4	Hóa sinh bệnh lý thận	3	Bs Nam
	Cộng	**15**	

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

8. Phương pháp lượng giá: không
9. Tài liệu học tập:

Hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh. Nxb Y hoc, 2009
Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

11. Cơ sở vật chất

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

Hải Phòng, ngày 1 tháng 3 năm 2014

Phó trưởng phụ trách bộ môn

Trần Hoài Nam

BAN GIÁM HIỆU

GS.TS. PHẠM VĂN THỨC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN Y HỌC GIA ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 24 tháng 6 năm 2017

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

MÔN HỌC: Y HỌC GIA ĐÌNH NĂM HỌC 2017-2018

1. Mã số môn học: Y học gia đình

2. Số đơn vị học trình: 2 đvht; Lý thuyết: 1 thực hành: 1

3. Số tiết học: Lý thuyết: 15 tiết ; thực hành: 30 tiết

4. Số lần thi: 2 Số chứng chỉ: 2

5. Đối tượng: Sinh viên y đa khoa năm thứ 5.

6. Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý, Nhi khoa, Phụ khoa, và truyền thông - giáo dục sức khoẻ.

7. Mục tiêu: sau khi học xong môn **y học gia đình**, yêu cầu sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về y học gia đình; có khả năng trình bày được :

1. Trình bày được các khái niệm, nguyên lý, vị trí và vai trò của Y Học Gia đình trong hệ thống Y tế.
2. Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
3. Áp dụng được các nguyên lý y học gia đình vào giải quyết một số bệnh thường gặp và cấp cứu thông thường.
4. Nhận thức được vai trò của y hoc gia đình trong thực hành nghề nghiệp.

8. Nội dung chi tiết:

A- Phần lý thuyết: 15 tiết

STT	Bài giảng	Số tiết	Nội dung bài giảng
1	YHGĐ: nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ CSSK (Tổng quan YHGĐ)	4	- Quá trình phát triển y học gia đình trên thế giới và Việt Nam - Khái niệm, nguyên lý Y Học Gia đình, cây Wonca… - Vị trí và vai trò của Y Học Gia đình trong hệ thống Y tế (BS Năm sao) - Giới thiệu sức khỏe toàn cầu
2	Các công cụ đánh giá gia đình	4	-Các công cụ đánh giá gia đình : cây phả hệ, Apgar,

			SCREEM, … -Vòng đời người -Chu trình gia đình
3	Quy trình khám và quản lý bệnh nhân ngoại trú theo nguyên ly y học gia đình	4	-Các bước thực hành giao tiếp và tư vấn cho bệnh nhân và gia đình theo y học gia đình -Quy trình khám và quản lý bệnh nhân ngoại trú. -Chẩn đoán, hướng xử trí, theo dõi và dự phòng một số bệnh thường gặp và tình huống cấp cứu thông thường - Khám, xử trí trẻ lành và bệnh theo IMCI - Khám, điều trị và tư vấn các bệnh mạn tính không lây -Quản lý thai nghén cho thai kỳ - Sơ cứu tai nạn thương tích, đuối nước .....
6	Các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân, gia đình theo nguyên ly y học gia đình	3	

B- Phần thực hành: (30 tiết) : 2 tuần

STT	Nội dung	Số tiết	
1	Áp dụng các công cụ đánh giá gia đình vào nghiên cứu trường hợp	4	
2	Thực hành kỹ năng giao tiếp và tư vấn cho bệnh nhân và gia đình theo tình huống cụ thể	4	
3	Thực hành làm bệnh án y học gia đình	4	
4	Thực hành chẩn đoán, hướng xử trí, theo dõi và dự phòng cho bệnh nhân và gia đình một số bệnh và tình huống cấp cứu thông thường	8	Khám, xử trí trẻ lành và bệnh theo IMCI; Khám, điều trị và tư vấn các bệnh mạn tính không lây; Quản lý thai nghén cho thai kỳ; Sơ cứu tai nạn thương tích, đuối nước...
5	Thực hành các bước lập kế hoạch chăm	8	- Lập kế hoạch quản lí SK

	sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân và gia đình.		người khỏe và các bệnh thông thường -Phối hợp các chuyên ngành khác

7. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Nghiên cứu trường hợp
- Xem phim
- Đóng vai
- Thực hành tại phòng khám và cộng đồng

8. Lượng giá:

- Lý thuyết: MCQ, tình huống, câu hỏi
- Thực hành: 2 tiết (Báo cáo sản phẩm)

9. Tài liệu học tập:

- Bài giảng Y học gia đình. Trường đại học Y Dược Hải Phòng 2015
- Y học gia đình, Trường đại học Y Hà Nội 2012
- Website chuyên ngành

Chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Đạo đức y học và Y học gia đình- ĐHYDHP

Ngà 24 tháng 6 năm 2017

BGH DUYỆT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Văn Hùng

Trưởng Bộ môn

PGS.TS. Trịnh Thị Lý

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH - DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:
Số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 20 Thực hành: 36
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ đa khoa
Học phần tiên quyết: Sinh lý, Sinh lý bệnh-Miễn dịch
Học phần học trước: Nội cơ sở
Học phần song hành: Bệnh học nội, Da liễu, Tai mũi họng
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng
Giảng viên tham gia giảng dạy:Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cơ chế chung của phản ứng dị ứng; về cơ chế, biểu hiện, chẩn đoán đặc hiệu và điều trị các bệnh dị ứng thường gặp và các bệnh tự miễn chính.

- Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về dị ứng và miễn dịch lâm sàng cơ bản để học tập, nghiên cứu các học phần liên quan: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Kiến thức:

- Trình bày được cơ chế chung của phản ứng dị ứng.

- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị các bệnh dị ứng thường gặp.

- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị các bệnh tự miễn quan trọng.

Kỹ năng:

- Thực hành được test chẩn đoán bệnh dị ứng.

- Áp dụng các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị các cấp cứu phản ứng dị ứng (sốc phản vệ, cơn hen phế quản cấp,...) và một số bệnh dị ứng, miễn dịch thường gặp (hen phế quản, lupus ban đỏ hệ thống,...)

Thái độ: Có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỉ mỉ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	Số tiết	
		LT	TH
1	Đại cương về dị ứng học, dị nguyên,phương pháp điều trị đặc hiệu các bệnh dị ứng	3	
2	Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu	2	
3	Bệnh nghề nghiệp	2	
4	Viêm mũi dị ứng	2	4
5	Hen phế quản	3	4
6	Luput ban đỏ hệ thống	2	4
7	Bệnh tự miễn	2	
8	Dị ứng thuốc	2	4
9	Sốc phản vệ	2	
10	Bệnh án dị ứng	0	4
11	Thực hành test lảy da	0	4
12	Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu	0	4
13	Mày đay	0	4
14	Viêm khớp dạng thấp	0	4
Tổng		**20**	**36**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: giảng lâm sàng tại bệnh viện, nghiên cứu các tình huống lâm sàng, thực hành các test chẩn đoán bệnh dị ứng

5.2. Phương pháp học

- Lý thuyết: nghe giảng, xem minh họa, thảo luận
- Khi thực tập: sinh viên thực hành các test chẩn đoán, tham gia trao đổi, thảo luận các tình huống lâm sàng, đóng vai

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. https://emedicine.medscape.com/allergy_immunology
1. Bài giảng dị ứng - Miễn dịch lâm sàng. - H. : Y học, 2011. – 174tr.
2. Dị ứng thuốc . - H. : Y học, 2011. - 397tr. ; 27cm
3. Hen phế quản. - H. : Y học, 2011. - 392tr. ; 27cm. Tập 2 : Phần thực hành, 2011. - 392tr.
4. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 1 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 199tr. ; 27cm
5. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 2 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 498tr. ; 27cm

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- *Đánh giá ban đầu.*

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Dị ứng - MDLS

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Dị ứng - MDLS

- *Đánh giá quá trình:* sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- *Đánh giá cuối kỳ:*

Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi kết thúc học phần.

+) Hình thức thi: thi viết tự luận hoặc thi vấn đáp

+) Yêu cầu: điểm đạt từ 5.0 trở lên. Sinh viên không đạt được thi lần 2

+) Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+) Sinh viên tham dự học ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết hoặc điểm tổng kết sau 2 lần thi dưới 5.0 thì phải học lại.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. Học phần thực hành: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	Phạm Huy Quyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
Bộ môn:Pháp Luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
=====&=====

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC: PHÁP LUẬT CHÍNH SÁCH Y TẾ

Mã số

1. Số đơn vị học trình: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
2. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0
3. Số lần kiểm tra: 1 Số chứng chỉ: 1
4. Đối tượng **Bác sĩ Đa khoa**

Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những kiến thức chung về nhà nước và pháp luật.
2. Trình bày được kiến thức cơ bản của pháp luật chuyên ngành
3. Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp luật chính sách y tế.
4. Trình bày được vai trò, ý nghĩa của luật BVSKND, vai trò của luật khám chữa bệnh trong công tác y tế hiện nay.
5. Trình bày được nguyên tắc, mục đích, ý nghĩa của BHYT và chính sách của nhà nước trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.
6. Vận dụng được những kiến thức môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

Nội dung:

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	3	0
2	Nhà nước nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Bộ máy Nhà nước và Hệ thống chính trị	1	0
3	Hệ thống Pháp luật, Quy phạm pháp luật, Quan hệ Pháp luật	2	0

4	Thực hiện Pháp luật, Vi phạm Pháp luật và trách nhiệm pháp lý	2	0
5	Luật Hiến Pháp – Luật Dân sự, Tố tụng dân sự	4	0
6	Luật Hành chính – Luật Lao động	4	0
7	Luật Hình sự - Pháp luật phòng chống tham nhũng	4	0
8	Pháp Luật Kinh tế - Luật Hôn nhân gia đình	3	0
9	Khái niệm - Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân	4	0
10	Luật khám chữa bệnh – Luật bảo hiểm y tế	4	0
11	Chính sách trong y tế	4	0
	TỔNG	**35**	

7. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận nhóm
8. Lượng giá:
- Lý thuyết: Thi viết, test trắc nghiệm

9. Tài liệu học tập:

Tài liệu phát tay do Bộ môn biên soạn
Luật BVSKND
Luật BV Môi trường
Luật Khám chữa bệnh
Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam các năm 1946; 1959;1980;1992; 2013.
Bộ Luật Dân sự 2005
Bộ Luật Lao động 2012
Bộ Luật Hình sự 1999; Bổ sung sửa đổi năm 2009
Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 2000; 2014.
Luật doanh nghiệp 2005

Luật xử lý Vi phạm hành chính 2012.

10. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Tổ Bộ môn Pháp luật và Chính sách y tế thuộc Bộ môn Y học xã hội

11. Cơ sở vật chất

11.1. Lý thuyết

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phấn bảng, máy chiếu, loa, micro,...

11.2. Thực hành

- Sinh viên học lâm sàng tại khoa phòng của Bệnh viện
- Bình bệnh án tại giảng đường.

HIỆU TRƯỞNG	**Trưởng bộ môn**
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	**TS.Nguyễn Hải Ninh**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GDTC-GDQP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: Y HỌC QUÂN SỰ

I .Thông tin về học phần

Mã số học phần :
Tổng số đơn vị học trình : 3 Lý thuyết : 3 Thực hành : 0
Phân bố thời gian : 45 Lý thuyết : 45 Thực hành : 0
Đối tượng sinh viên : Sinh viên hệ chính quy BSĐK, YHDP, RHM
Học phần tiên quyết :
Học phần học trước : Các môn y học cơ sở
Học phần song hành : Các môn lâm sàng

2 .Mô tả học phần

Y học quân sự là một môn khoa học của nghành y hoạt động chuyên biệt trong lĩnh vực quân sự ; cung cấp cho sinh viên y khoa thêm những kiến thức về hoạt động khám chữa bệnh trong quân đội ; đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong thời bình cũng như thời chiến.

3.Mục tiêu của học phần

- Trình bày được nội dung cơ bản về y học quân sự trong các mặt đảm bảo quân y cho lực lượng vũ trang trong thời bình và thời chiến.
- Mô tả được cách tổ chức, chiến thuật quân y.
- Thực hiện các kĩ thuật cấp cứu, tổ chức vận chuyển thương bệnh binh, khắc phục những tác nhân gây ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ của lực lượng vũ trang.
- Tổ chức tốt việc phòng, chống tác hại của vũ khí huỷ diệt.

4. Nội dung

STT	TÊN BÀI	LT	TH
	Đại cương về y học quân sự và tổ chức chiến thuật quân y		
1.	Đại cương về y học quân sự và tổ chức chiến thuật quân y	3	0
2.	Tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh	3	0
	Sinh lý lao động quân đội		
3.	Một số đặc điểm sinh lý quân sự	3	0
4.	Mệt mỏi lao động trong quân sự	3	0
	Phòng hoá – phòng nguyên		
5.	Đại cương về vũ khí hoá học	3	0
6.	Đại cương về vũ khí hạt nhân	3	0

7.	Những phương tiện đề phòng vũ khí hoá học, vũ khí hạt nhân.	3	0
	Vệ sinh quân đội		
8.	Nhiệm vụ và nội dung vệ sinh quân đội	2	0
9.	Bảo đảm vệ sinh cho bộ đội khi sinh hoạt và chiến đấu ở công sự	2	0
10.	Vệ sinh nước và tiếp tế nước trong quân đội	2	0
	Nội khoa dã chiến		
11.	Đại cương cứu chữa nội khoa trong quân đội	3	0
12.	Lâm sàng cấp cứu điều trị nhiễm độc các chất độc thường gặp	4	0
	Ngoại khoa dã chiến		
13.	Những vấn đề cơ bản về ngoại khoa dã chiến	3	0
14.	Vết thương trong chiến tranh, vết thương do hoả khí	4	0
15.	Biến chứng và nhiễm khuẩn vết thương chiến tranh.	4	0
Tổng		**45**	**0**

5. Phương pháp dạy học

- Thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm;
- Giảng dạy trên mô hình, tranh vẽ;
- Tham quan thực địa.

6. Phương pháp lượng giá

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp ≥ 90% số giờ.
- Lượng giá học phần: bài thi tự luận tổng hợp 90 phút
- Điểm kết thúc học phần: điểm thi lý thuyết

7. Tài liệu học tập

Y học quân sự tập I, II dùng cho sinh viên đại học Y Dược trong cả nước do Bộ Quốc phòng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 1990.

8. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng , Trường Đại học Y Hải Phòng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiêu

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Văn Khải

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG** **KHOA Y HỌC BIỂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

MÔN Y HỌC BIỂN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Số ĐVHT: **3**
- Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 36 Thực hành: 45
- Thời gian đào tạo: Năm thứ 4
- Đối tượng đào tạo: Bác sỹ đa khoa, Y học dự phòng
- Hình thức đào tạo: Niên chế
- Bộ môn giảng dạy: Các bộ môn thuộc khoa Y học biển
- Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1.GS.TS Nguyễn Trường Sơn

2.PGS.TS Trần Thị Quỳnh Chi

3.Ths Nguyễn Văn Tâm

4.BSNT Nguyễn Bảo Nam

5.Ths Đỗ Thị Hải

6.Ths Đoàn Thị Phương

7.Ths Lương Xuân Tuyến

8.Bs Đỗ Thị Huế

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Điều kiện sống và lao động trên biển có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe và sự phát sinh bệnh tật, nhất là các loại bệnh tật có tính chất đặc thù của những người sinh sống và lao động trên biển.

- Việc nghiên cứu điều kiện sống và lao động của các lao động và nhân dân trên biển đảo sẽ cung cấp cho các sinh viên những hiểu biết lý luận cơ bản về tác động của môi trường khí hậu biển và điều kiện lao động trên biển đến sức khỏe của con người. Đồng thời trang bị cho họ các kiến thức và kỹ năng để bảo vệ và phòng ngừa bệnh tật, tai nạn nghề nghiệp trên biển cho các đối tượng kể trên.

- Trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa tại các trường đại học y, sinh viên đã được học chương trình cấp cứu ở nhiều môn học như Nội khoa, Ngoại khoa, cấp cứu của các chuyên khoa. Tuy nhiên, chương trình mới chỉ chú ý đến phương pháp giải quyết tại các tuyến y tế ở trên bờ. Điều kiện cấp cứu ở trên biển có nhiều điểm khác biệt so với trên đất liền. Do đó, việc tổ chức các hoạt động cấp cứu, vận chuyển nạn nhân, phương thức cấp cứu ngoài kiến thức chung cần phải được bổ sung thêm những kiến thức đặc thù của cấp cứu biển.

- Tele-Medicine là một nội duung hoàn toàn mới nó gắn liền với sự phát triển của công nghệ thông tin, qua đó cho phép các cơ sở y tế trên bờ có đủ khả năng trợ giúp hoạt động cấp cứu, khám chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng lao động và nhân dân trên biển đảo một cách rất hiệu quả. Do đó, sinh viên cũng cần được bổ sung nội dung này. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thảm họa nói chung và thảm họa biển nói riêng, những vấn đề về y tế và y học phải giải quyết trong và sau thảm họa, tổ chức phòng chống thảm họa...

- Y học dưới nước và cáp suất cao là một môn học đặc thù của chuyên ngành Y học biển. Môn học nghiên cứu đặc điểm của môi trường lao động dưới nước, môi trường áp suất cao và tác động của nó đến các chức năng của cơ thể người.

- Nghiên cứu các biện pháp hoạt động của con người trong môi trường nước và áp suất cao vì các mục đích khác nhau.

- Nghiên cứu các tai biến, bệnh lý có thể xảy ra cho con người khi hoạt động trong môi trường này, đồng thời nghiên cứu các biện pháp điều trị đặc hiệu và phòng tránh các tai biến và bệnh lý này.

- Y học cao áp lâm sàng nghiên cứu tác dụng của môi trường áp suất cao và tác dụng của ôxy trong môi trường này đến các chức năng của cơ thể người, đặc biệt là chức năng chuyển hóa ở tế bào. Qua đó nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ Y học cao áp nói chung và ôxy cao áp nói riêng vào điều trị các loại bệnh lý khác nhau ở lâm sàng.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

1) Trình bày được các đặc điểm khí hậu và môi trường biển và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe, sự phát sinh bệnh tật của các lao động và người dân sinh sống trên biển đảo.
2) Trình bày được các đặc về môi trường lao động trên biển đến sức khỏe, sự phát sinh bệnh tật của các lao động và người dân sinh sống trên biển đảo.
3) Trình bày được các biện pháp bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật cho các đối tượng trên.
4) Trình bày được các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, phương thức truyền bệnh ở trên biển và tại các bến cảng, chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân bị mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và phổ biến ở trên biển.
5) Trình bày được phương pháp kiểm soát một dịch bệnh xảy ra ở tàu đang hành trình trên biển.
6) Trình bày được các bệnh trong danh mục kiểm dịch quốc tế bắt buộc; Qui tắc kiểm dịch quốc gia và quốc tế tại các cảng biển.
7) Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của hoạt động cấp cứu trên biển, sự khác nhau giữa hoạt động cấp cứu trên biển và trên đất liền.
8) Trình bày được cách thức tổ chức các hoạt động cấp cứu biển và sự phối hợp với các hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển, các Công ước quốc tế liên quan.
9) Trình bày được phương pháp cấp cứu các trường hợp chấn thương, ngộ độc hóa chất, hải sản và một số bệnh nội ngoại khoa thường gặp trên biển khác.
10) Trình bày được khái niệm về Tele-Medicine, các phương thức, trang thiết bị cho một trung tâm Tele-Medicine, cách thức tổ chức và thực hiện một cuộc tư vấn y tế từ xa qua Tele-Medicine.
11) Trình bày được khái niệm về thảm họa và thảm họa biển, cách phân loại thảm họa hiện nay;
12) Trình bày được các vấn đề về y tế phát sinh trong và sau thảm họa biển (Chấn thương, ô nhiễm môi trường, rối loạn tâm thần-kinh, dịch tễ học, nước sinh hoạt, lương thực-thực phẩm, thuốc men và dụng cụ y tế).
13) Trình bày được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và điều trị các loại bệnh lý và thương tích có tính chất đặc thù của thuyền viên, người đánh cá, quân và dân trên biển - đảo và các công nhân biển khác.

14) Trình bày được đặc điểm của môi trường nước và các tác động của nó đến các hoạt động chức năng của cơ thể con người.

15) Trình bày được các biện pháp hoạt động của con người trong môi trường nước và áp suất cao và các biện pháp làm tăng thời gian và khả năng làm việc của con người trong môi trường này.

16) Trình bày được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các tai biến và bệnh lý khi lao động trong môi trường nước và áp suất cao.

17) Trình bày được cơ chế tác dụng sinh hóa học của ôxy trong môi trường áp suất cao.

18) Trình bày được các chỉ định lâm sàng của phương pháp điều trị bằng ôxy cao áp (HBOT).

19) Trình bày được các ứng dụng của HBOT trong một số chuyên khoa lâm sàng.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	TÊN BÀI	Số tiết	
		LT	TH
1.	Nhập môn Y học biển: Chức năng, vị trí, vai trò và nội dung của môn học Y học biển.	1	0
2.	Các tác hại nghề nghiệp biển đến sức khỏe người lao động và biện pháp phòng chống.	2	2
3.	Môi trường vi khí hậu và gánh nặng nhiệt trên các loại tàu biển và ảnh của của nó đến sức khỏe người lao động.	1	1
4.	Ảnh hưởng của các yếu tố vật lý, hóa học và sinh học trên tàu biển đến sức khỏe đoàn thuyền viên.	2	2
5.	Tác động của môi trường vi xã hội và gánh nặng tâm sinh lý đến sức khỏe lao động biển.	1	2
6.	Vệ sinh an toàn lao động và phòng chống tai nạn thương tích nghề nghiệp biển	1	2
7.	Các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và phương pháp kiểm soát dịch bệnh trên tàu biển. Các bệnh lây truyền có qui định kiểm dịch	2	2

	quốc tế (Bệnh tả, bệnh sốt vàng và bệnh dịch hạch)		
8.	Điều lệ kiểm dịch y tế biên giới cảng biển quốc gia và quốc tế	1	1
9.	Stress và rối loạn thần kinh tâm lý của người đi biển	1	1
10.	Chứng bệnh say sóng của người đi biển.	2	2
11.	Nhiễm lạnh và hội chứng giảm thân nhiệt; Say nắng, say nóng ở trên biển	0	1
12.	Chứng mệt mỏi của người đi biển, biện pháp phòng chống.	0	1
13.	Lịch sử Y học dưới nước và áp suất cao.	0	1
14.	Đặc điểm vật lý học của môi trường nước và các loại biện pháp làm việc dưới nước	1	1
15.	Sinh lý lao động trong môi trường nước và áp suất cao.	1	2
16.	Đại cương về thảm họa và thảm họa biển, phân loại thảm họa.	1	1
17.	Đáp ứng y tế đối với thảm họa chung và thảm họa biển.	1	1
18.	Tổ chức và điều hành công tác phòng chống và giải quyết các vấn đề về thảm họa trong và sau thảm họa.	0	1
19	Các nguyên tắc cơ bản cấp cứu trên biển; cấp cứu ngừng thở và ngừng tuần hoàn trên biển	2	1
20	Cấp cứu các trường hợp chấn thương, tại nạn bỏng trên tàu biển và phao bè cứu sinh.	0	1
21	Cấp cứu các trường hợp shock phản vệ do dị ứng hải sản.	1	1
22	Cấp cứu các trường hợp ngộ độc và động vật biển cắn trên biển.	1	1
23	Cấp cứu các trường hợp trôi dạt trên biển.	2	1
24	Tele-Medicine trong Y học biển.	2	1
25	Hội chứng đuối nước (Đuối nước sớm, đuối nước ngọt, đuối nước mặn, điều trị, dự phòng đuối nước).	2	2
26	Các bệnh và thương tổn có tính chất nghề nghiệp của ngư dân	2	1
27	Các tai biến do thay đổi áp suất chung (áp suất môi trường nước): nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị và dự phòng.	2	2
	Các tai biến và bệnh lý do thay đổi phân áp khí thở vào: nguyên nhân,	2	1

28	cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị và dự phòng.		
29	Vai trò của ôxy đối với cơ thể và ứng dụng của nó trong Y học lặn và Y học cao áp lâm sàng.	0	1
30	Cơ sở vật lý học và sinh lý học, Các chỉ định và chống chỉ định của trị liệu ôxy cao áp.	2	1
31	Chẩn đoán và xử trí ngộ độc ôxy.	0	1
32	Chẩn đoán và điều trị các tắc mạch do khí hoặc không khí bằng HBOT.	0	2
33	Chẩn đoán và điều trị các trường hợp ngộ độc CO, CO_2 bằng HBOT.	0	2
34	Điều trị chấn thương phần mềm dập nát, hoại tử mô mềm và vết thương khó liền bằng HBOT. Điều trị chấn thương sọ và tủy kín, phục hồi chức năng não sau ngừng tim. Điều trị hỗ trợ ghép da,vá da và ghép mô bằng HBOT.	0	2
	TỔNG SỐ	**36**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm.

- Thực hành: Tham quan hoạt động kiểm dịch biên giới; Đi thực tế trên tàu biển (tàu hàng, tàu cá); Thực hành khám tuyển sức khỏe thuyền viên. Thực hành tại khoa Y học dưới nước và cao áp.

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo.

6.TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Y học biển tập 1 và tập 2

- Chứng bệnh say sóng của người đi biển

6.2. Tài liệu tham khảo

- **Nguyễn Trường Sơn (2007),** Bài giảng Y học biển, Viện Y học biển Việt Nam

- **Nguyễn Trường Sơn và CS (2002),** Giáo trình sau đại học Y học biển dùng cho các lớp chuyên khoa định hướng. Viện Y học biển Việt Nam biên soạn và phát hành.

- **Nguyễn Văn Hiếu (1998),** Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế, NXBYH, Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Kiểm tra- đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên

Kiểm tra đánh giá trong quá trình: Theo dõi sĩ số, thái độ học tập….

Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình và điều kiện thi kết thúc mỗi học phần và kết thúc môn học. Sinh viên không tích cực học tập, tham gia không đủ số buổi quy định sẽ bị cấm thi

Kiểm tra đánh giá kết thúc môn học:

- Hình thức: thi viết
- Điểm kết thúc môn học là điểm thi lý thuyết

Cách tính tiết học chuẩn:

Số tiết học để thuận cho việc tính toán chúng tôi quy ước như sau:

- 1 đơn vị học trình lý thuyết = 15 tiết chuẩn = 15 tiết lý thuyết.
- 1 đơn vị học trình thực hành tại Bệnh viện = 15 tiết chuẩn = 45 tiết thực hành.
- 1 đơn vị học trình tại phòng học hoặc phòng xét nghiệm = 15 tiết chuẩn = 30 tiết thực hành.
- **Cách tính điểm**
  - ❖ Thi lý thuyết: thang điểm 10
  - ❖ Thi thực hành bệnh án: làm bệnh án - thang điểm 10
  - ❖ Cách tính điểm trung bình môn học: Điểm học phần hệ số 1, điểm hết môn hệ số 3.

- Điểm TB lý thuyết = ĐHP1 + ĐHP2 + ĐHP3 + (Điểm thi hết môn) x 3

- Điểm TB thực hành = ĐHP1 + ĐHP2 + ĐHP3 + (Điểm thi hết môn) x 3

❖ 2 điểm này độc lập và tương đương nhau

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết : Giảng đường đầy đủ máy chiếu, mô hình, bàn học.....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiu